BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

NAM CAN THO UNIVERSITY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LUẬT KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-ĐHNCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ
KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
LUẬT KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Luật Kinh doanh bất động sản
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật
  + Bậc học: Đại học
  + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 03; **Số tiết:** 30 tiết
- **Giảng viên phụ trách giảng dạy:** Khoa Luật

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

2.1. Về kiến thức

- Kiến thức chung về pháp luật đầu tư, kinh doanh bất động sản (BĐS); nhất là chỉ ra những đặc điểm đặc thù của lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản.

- Những quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản.

- Những quy định hiện hành của pháp luật về các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản.

- Những vướng mắc và những giải pháp hoàn thiện pháp luật về kinh doanh bất động sản.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Hình thành kỹ năng cập nhật, phân tích, đánh giá các quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản.

- Hình thành kỹ năng vận dụng pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý trong hoạt động kinh doanh bất động sản.

- Xây dựng kỹ năng tư vấn pháp luật về kinh doanh bất động sản.

- Xây dựng kỹ năng tư vấn, soạn thảo hợp đồng về kinh doanh bất động sản.

- Xây dựng kỹ năng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bất động sản.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Hình thành kỹ năng lập luận, kỹ năng tranh luận, kỹ năng phản biện.

- Hình thành kỹ năng tự học, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

- Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2.4. Về thái độ

- Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học.
- Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học.
- Có ý thức tuân thủ pháp luật;

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

MT / VĐ	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
1. Những vấn đề chung về thị trường bất động sản và pháp luật về kinh doanh bất động sản	**1A1.** Nắm được khái niệm thị trường bất động sản. **1A2.** Nắm được sự hình thành và phát triển của thị trường bất động sản. **1A3.** Nắm được các loại thị trường bất động sản và các yếu tố cấu thành của thị trường BĐS. **1A4.** Nắm được khái niệm, đặc điểm của thị trường BĐS tại Việt Nam. **1A5.** Nắm được sự hình thành và phát triển của thị trường BĐS ở Việt Nam. **1A6.** Nắm được quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển thị trường BĐS.	**1B1.** Phân tích được những đặc điểm của thị trường bất động sản. **1B2.** Phân tích được sự phát triển của pháp luật Việt Nam quy định về thị trường bất động sản. **1B3.** Phân tích được mối quan hệ giữa các nguồn luật điều chỉnh thị trường bất động sản. **1B4**. Giải thích các yếu tố tác động đến pháp luật về thị trường bất động sản. **1B5.** Phân tích được nội dung thực trạng hoạt động của thị trường BĐS tại Việt Nam.	**1C1**. So sánh được thị trường BĐS với các loại thị trường khác; đồng thời, trình bày quan điểm cá nhân về khái niệm thị trường BĐS. **1C2.** Nêu được quan điểm cá nhân bình luận về sự phát triển của pháp luật về thị trường BĐS tại Việt Nam. **1C3.** So sánh được một cách khái quát pháp luật kinh doanh BĐS Việt Nam với pháp luật về kinh doanh BĐS 1 số nước trên thế giới. **1C4.** Đánh giá khái quát sự tương thích

			giữa pháp luật kinh doanh BĐS Việt Nam với pháp luật kinh doanh BĐS của 1 số nước trên thế giới.
2. Những vấn đề pháp lí về kinh doanh quyền sử dụng đất và kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất	**2A1**. Nắm được khái niệm và đặc điểm của kinh doanh quyền sử dụng đất. **2A2**. Nêu được các quy định về các hành vi bị cấm trong kinh doanh quyền sử dụng đất. **2A3.** Nêu được các quyền và nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh quyền sử dụng đất theo pháp luật Việt Nam. **2A4.** Nắm được khái niệm và đặc điểm của hoạt động kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất. **2A5.** Nắm được kiến thức chung về điều kiện kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất. **2A6.** Nắm được các quy định cụ thể về kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất.	**2B1.** Phân tích được các quy định của pháp luật về điều kiện của chủ thể kinh doanh quyền sử dụng đất và quy định về quyền sử dụng đất được đưa vào kinh doanh. **2B2.** Phân tích, bình luận về các quy định về các hành vi bị cấm trong kinh doanh quyền sử dụng đất. **2B3.** Phân tích được các điều kiện thực thi các quy định về quyền và nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh quyền sử dụng đất. **2B4.** Phân tích được các quy định chung về kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất. **2B5.** Phân tích được sự hình thành và phát triển của pháp luật về kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất.	**2C1**. Đánh giá được những tồn tại trong thực thi các quy định về điều kiện kinh doanh quyền sử dụng đất. **2C2.** Phân tích và đưa ra được nhận xét cá nhân về chế tài xử lí các hành vi bị cấm trong kinh doanh quyền sử dụng đất. **2C3.** So sánh được sự giống nhau và khác nhau trong các quy định về quyền và nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh quyền sử dụng đất với quyền và nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất. **2C4.** So sánh và nhận diện được sự giống và khác nhau trong các quy định chung về kinh doanh quyền sử

			dụng đất và kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất. **2C5.** Đánh giá được thực trạng và đề xuất được giải pháp hoàn thiện pháp luật về kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất.
3. Những vấn đề pháp lí về kinh doanh dịch vụ bất động sản	**3A1.** Nêu được khái niệm và đặc điểm của kinh doanh dịch vụ BĐS. **3A2.** Nêu được các loại hình kinh doanh dịch vụ BĐS. **3A3.** Nêu được điều kiện của các loại hình kinh doanh dịch vụ BĐS. **3A4.** Nắm được các quy định về quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong hoạt động kinh doanh dịch vụ BĐS.	**3B1.** Lí giải được sự khác nhau giữa hoạt động kinh doanh BĐS và kinh doanh dịch vụ BĐS. **3B2.** Phân tích, so sánh sự khác nhau giữa các loại hình kinh doanh dịch vụ BĐS. **3B3.** Phân tích các quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ BĐS. **3B4.** Phân tích, đánh giá thực trạng các quy định về quyền và nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh dịch vụ BĐS.	**3C1.** Đánh giá được thực trạng hình thành và phát triển của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ BĐS. **3C2.** Phân tích, đánh giá được các quy định chung về những loại hình kinh doanh dịch vụ BĐS. **3C3.** So sánh được các quy định của Việt Nam và pháp luật của một số nước về điều kiện kinh doanh dịch vụ BĐS. **3C4.** Đề xuất được một số giải pháp hoàn thiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh dịch

			vụ BĐS nói chung và pháp luật về inh doanh dịch vụ BĐS nói chung.
4. Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh bất động sản	**4A1.** Nắm được khái niệm hợp đồng trong kinh doanh BĐS và hợp đồng kinh doanh dịch vụ BĐS. **4A2.** Nắm được các loại hợp đồng kinh doanh BĐS và hợp đồng kinh doanh dịch vụ BĐS. **4A3.** Nắm được các nguyên tắc xây dựng các loại hợp đồng trong kinh doanh BĐS. **4A4.** Nắm được những nội dung cơ bản của các quy định về hợp đồng trong kinh doanh BĐS.	**4B1.** So sánh sự khác nhau giữa hợp đồng kinh doanh BĐS và hợp đồng kinh doanh dịch vụ BĐS. **4B2.** Phân tích được nội dung của hợp đồng kinh doanh BĐS và hợp đồng kinh doanh dịch vụ BĐS. **4B3.** Phân tích thực trạng áp dụng quy định về nguyên tắc xây dựng các loại hợp đồng trong kinh doanh BĐS. **4B4.** Phân tích, nhận diện những tồn tại của các quy định về hợp đồng trong kinh doanh BĐS.	**4C1.** Xây dựng, soạn thảo được nội dung hợp đồng kinh doanh BĐS và hợp đồng kinh doanh dịch vụ BĐS. **4C2.** Đánh giá được thực trạng các quy định chung về hợp đồng kinh doanh BĐS và hợp đồng kinh doanh dịch vụ BĐS. **4C3.** Vận dụng được các quy định về nguyên tắc xây dựng hợp đồng trong kinh doanh BĐS vào việc giải quyết một số vụ việc, tình huống cụ thể. **4C4.** Đề xuất được một số giải pháp hoàn thiện các quy định về hợp đồng trong kinh doanh BĐS.

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY-HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lí thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	4 vấn đề	13	12		5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-6	***Vấn đề 1.*** **Những vấn đề chung về thị trường bất động sản và pháp luật về kinh doanh bất động sản** 1.1. Tổng quan về thị trường bất động sản *1.1.1. Khái quát về sự ra đời của thị trường bất động sản* *1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của thị trường bất động sản* *1.1.3. Sự ra đời của thị trường bất động sản Việt Nam* *1.1.4. Quan điểm và định hướng phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam* 1.2. Tổng quan pháp luật về kinh doanh bất động sản *1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của pháp luật về kinh doanh bất động sản* *1.2.2. Lịch sử hình thành và phát triển pháp luật về kinh doanh bất động sản* *1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về kinh doanh bất động sản* *1.2.4. Nguồn luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh bất động sản*	- GV sinh hoạt chung về môn học và giao chủ đề báo cáo cho SV. - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống.	- SV nghe sinh hoạt và nhận chủ đề báo cáo từ GV. - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thảo trả lời câu hỏi, thảo luận đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 7-15	***Vấn đề 2.*** **Những vấn đề pháp lý về kinh doanh quyền sử dụng đất và kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất**	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.	- SV nghe giảng, ghi chép.

	2.1. Những vấn đề pháp lý về kinh doanh quyền sử dụng đất *2.1.1. Khái niệm và đặc điểm kinh doanh quyền sử dụng đất* *2.1.2. Các quy định về kinh doanh quyền sử dụng đất* 2.2. Những vấn đề pháp lý về kinh doanh nhà, công trình xây dựng *2.2.1. Khái niệm về kinh doanh nhà, công trình xây dựng* *2.2.2. Nội dung các quy định về kinh doanh nhà, công trình xây dựng* **Kiểm tra**	- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống.	- SV thảo trả lời câu hỏi, thảo luận đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 16-24	***Vấn đề 3.*** **Những vấn đề pháp lý về kinh doanh dịch vụ bất động sản** 3.1. Khái niệm và đặc điểm của kinh doanh dịch vụ bất động sản 3.2. Các loại hình kinh doanh dịch vụ bất động sản 3.3. Nội dung các quy định về kinh doanh dịch vụ bất động sản	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.
Tiết 25 – 29	***Vấn đề 4.*** **Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh bất động sản** 4.1. Những vấn đề pháp lý về hợp đồng kinh doanh bất động sản *4.1.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng kinh doanh bất động sản* *4.1.2. Phân loại hợp đồng kinh doanh bất động sản* *4.1.3. Quy định về các hợp đồng kinh doanh bất động sản cụ thể* 4.2. Những vấn đề pháp lý về hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản *4.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp*	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.

	đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản *4.2.2. Phân loại hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản* *4.2.3. Quy định chung về hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản* *4.2.4. Quy định về các loại hợp đồng kinh doanh dịch vụ* bất động sản cụ thể		
Tiết 30-30	**Ôn tập kết thúc môn**	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

5. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	**Chuyên cần**	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	**Thường xuyên**	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm **Tổng: 10 điểm**	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh gia bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm	10

			Tổng: 10 điểm	
3	**Thi kết thúc HP**	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi.	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật TPHCM (2018), *Giáo trình luật đất đai*, Nxb. Hồng Đức, TP.HCM
2. Luật kinh doanh bất động sản năm 2014;
3. Luật Đất đai năm 2013;
4. Luật Xây dựng năm 2014;
5. Luật Nhà ở năm 2014.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Nghị định của Chính phủ số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 nghị định của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.
2. Nghị định của Chính phủ số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 nghị định của Chính Phủ quy định quy định về giá đất.
3. Nghị định của Chính phủ số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 nghị định của Chính Phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.
4. Nghị định của Chính phủ số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 nghị định của Chính Phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.
5. Nghị định của Chính phủ số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 nghị định của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

P. HIỆU TRƯỞNG	P. TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Văn Quang	Nguyễn Chí Dũng	TS. Nguyễn Thị Cẩm H

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

NAM CAN THO UNIVERSITY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LUẬT LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-ĐHNCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

LUẬT LAO ĐỘNG

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Luật Lao Động

- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật Kinh tế

+ Bậc học: Đại học

+ Hệ Chính quy

- **Số tín chỉ:** 03; **Số tiết:** 45 tiết

- **Giảng viên phụ trách:** Khoa Luật

- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01 - Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài) – Quận Ninh Kiều – Cần Thơ

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học Luật Lao động, sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

2.1. Về kiến thức

- Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về pháp luật lao động như khái niệm lao động, quan hệ lao động, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành luật lao động; các nguyên tắc cơ bản và hệ thống ngành luật lao động;

- Xác định được các quy định về vai trò của nhà nước, của công đoàn trong lĩnh vực lao động;

- Xác định được các quy định về việc làm và học nghề ở Việt Nam hiện nay;

- Nêu và phân tích được các đặc trưng cơ bản của hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể;

- Xác định được các quy định về quyền quản lý lao động của người sử dụng lao động;

- Phân tích được các quy định về nguồn gốc, bản chất của quyền quản lý lao động của người sử dụng lao động.

- Xác định được các quy định về kỷ luật lao động và bồi thường thiệt hại vật chất;

- Xác định được các quy định về chế độ tiền lương hiện hành;

- Phân tích được quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động, người lao động trong lĩnh vực trả lương;

- Xác định được các quy định pháp luật về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi;

- Nêu và phân tích được nội dung chế độ pháp lý về bảo hộ lao động;

- Xác định và phân tích được điểm mạnh, điểm yếu của các hình thức giải quyết tranh chấp lao động như: thương lượng, hòa giải, trọng tài lao động, giải quyết tranh chấp lao động tại tòa án;

- Nêu và phân tích được quy định pháp luật về giải quyết đình công ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có khả năng vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực lao động;

- Có kỹ năng phân tích và lập luận; có tư duy phản biện; có khả năng đánh giá các vấn đề pháp luật lao động;

- Soạn thảo các văn bản thông dụng trong lĩnh vực lao động như: hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động...;

- Tham gia giải quyết các vụ việc thông thường trong lĩnh vực lao động;

- Tham gia vào các hoạt động xây dựng chính sách - pháp luật lao động.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có khả năng tranh luận, hùng biện; có kỹ năng thuyết trình, diễn thuyết trước công chúng.

- Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

- Hình thành kỹ năng đánh giá chất lượng công việc của từng thành viên trong nhóm.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

2.4. Về thái độ

- Chấp hành đúng pháp luật lao động;

- Có nhận thức, xử sự đúng đắn khi tham gia quan hệ lao động;

- Tôn trọng và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật lao động khi thực hiện các công việc chuyên môn.

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

Vấn đề/bậc nhận thức	*Bậc 1*	*Bậc 2*	*Bậc 3*
Vấn đề 1: Khái quát về luật lao động Việt Nam	**1A1.** Nêu được khái niệm và 2 đặc điểm cơ bản của quan hệ lao động. **1A2.** Nêu được 3 nhóm quan hệ xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của luật lao động. **1A3.** Nêu được 6 nguyên tắc cơ bản của luật lao động. **1A4.** Nêu được cấu trúc ngành luật lao động.	**1B1.** Phân tích được 2 đặc điểm cơ bản của quan hệ lao động. **1B2.** Phân tích được sự điều chỉnh của pháp luật đối với 3 nhóm quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của luật lao động và lấy được ví dụ minh họa. **1B3.** Phân tích được 6 nguyên tắc cơ bản của luật lao động.	**1C1.** Phân biệt được quan hệ lao động do luật lao động điều chỉnh với quan hệ lao động của một số đối tượng khác không do luật lao động điều chỉnh và giải thích tại sao. **1C2.** Xác định được luật điều chỉnh đối với quan hệ lao động trong một số tình huống thực tế cụ thể.
Vấn đề 2: Các quan hệ pháp luật lao động	**2A1.** Nêu được định nghĩa và 3 đặc điểm của quan hệ	**2B1.** Phân tích được định nghĩa và 3 đặc điểm của quan hệ	**2C1.** Bình luận và đưa ra được các dẫn chứng cụ thể về 3 đặc điểm

	pháp luật giữa NLĐ và NSDLĐ. **2A2.** Nêu được 3 yếu tố cấu thành của quan hệ pháp luật giữa NLĐ và NSDLĐ. **2A3.** Nêu được căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật giữa NLĐ và NSDLĐ. **2A4.** Liệt kê được 8 quan hệ pháp luật khác.	pháp luật giữa NLĐ và NSDLĐ. **2B2.** Phân tích được 3 yếu tố cấu thành của quan hệ pháp luật giữa NLĐ và NSDLĐ. **2B3.** Phân tích được căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật giữa NLĐ và NSDLĐ.	của quan hệ pháp luật giữa NLĐ và NSDLĐ. **2C2.** Bình luận được về những yếu tố của thị trường lao động và pháp luật ảnh hưởng tới việc xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật giữa NLĐ và NSDLĐ.
Vấn đề 3: Công đoàn và vấn đề đại diện tập thể lao động	**3A1.** Nêu được khái niệm đại diện lao động dưới góc độ pháp lý và 2 tiêu chí xác định hình thức thực hiện quyền đại diện lao động. **3A2.** Nêu được vị trí, vai trò và 3 chức năng của tổ chức công đoàn trong lĩnh vực lao động. **3A3.** Trình bày được 6 quyền hạn của công đoàn Việt Nam.	**3B1.** Phân tích được khái niệm về đại diện lao động. **3B2.** Phân tích được 3 chức năng của tổ chức công đoàn Việt Nam. **3B3.** Phân tích được các quy định pháp luật hiện hành về quyền hạn của tổ chức công đoàn.	**3C1.** Bình luận được về việc pháp luật Việt Nam quy định công đoàn là tổ chức duy nhất đại diện cho tập thể lao động trong hầu hết các lĩnh vực quan trọng của quan hệ lao động. **3C2.** Phân biệt được khái niệm đại diện lao động với tập thể lao động.
Vấn đề 4: Việc	**4A1.** Nêu được khái	**4B1.** Phân tích được	**4C1.** Phân biệt được

làm	niệm và 3 yếu tố cấu thành việc làm dưới góc độ pháp lý. **4A2.** Nêu được trách nhiệm của Nhà nước, các tổ chức xã hội và NSDLĐ đối với vấn đề việc làm, giải quyết việc làm cho NLĐ. **4A3.** Nêu được 5 biện pháp cơ bản nhằm hỗ trợ và giải quyết việc làm. **4A4.** Nêu được các trường hợp mất việc làm vì lý do kinh tế.	khái niệm, 3 yếu tố cấu thành việc làm và lấy được ví dụ minh họa. **4B2.** Phân tích được 5 biện pháp giải quyết việc làm. **4B3.** Vận dụng được quy định của pháp luật để giải quyết quyền lợi cho NLĐ trong một số trường hợp mất việc làm khi doanh nghiệp giải thể, phá sản, thay đổi cơ cấu, công nghệ, cổ phần hoá.	khái niệm việc làm với khái niệm thất nghiệp. **4C2.** Bình luận được các quy định hiện hành về giải quyết quyền lợi cho NLĐ bị mất việc làm vì lý do kinh tế.
Vấn đề 5: Học nghề	**5A1.** Trình bày được khái niệm và 3 cách phân loại học nghề. **5A2.** Trình bày được quy định của pháp luật hiện hành điều chỉnh hợp đồng học nghề. **5A3.** Trình bày được quy định của pháp luật hiện hành về trường hợp học nghề để làm việc cho doanh nghiệp.	**5B1.** Vận dụng được 3 cách phân loại học nghề để nhận biết các trường hợp học nghề trên thực tế. **5B2.** Đánh giá được quy định hiện hành về trường hợp học nghề để làm việc cho doanh nghiệp.	**5C1.** Vận dụng được kiến thức về hợp đồng học nghề để giải quyết một số tình huống cụ thể về giao kết, chấm dứt hợp đồng học nghề, bồi thường chi phí dạy nghề.

Vấn đề 6: Hợp đồng lao động (HĐLĐ)	**6A1.** Nêu được khái niệm, 5 đặc trưng và phạm vi áp dụng HĐLĐ. **6A2.** Nêu được 3 nguyên tắc, điều kiện chủ thể và trình tự giao kết HĐLĐ. **6A3.** Nêu được nội dung và 3 hình thức của HĐLĐ. **6A4.** Nêu được quy định về thực hiện, thay đổi và tạm hoãn thực hiện HĐLĐ. **6A5.** Trình bày được các trường hợp chấm dứt HĐLĐ và hậu quả pháp lý.	**6B1.** Phân tích được khái niệm, 5 đặc trưng và phạm vi áp dụng HĐLĐ. **6B2.** Phân tích được 3 nguyên tắc, điều kiện chủ thể và trình tự giao kết HĐLĐ. **6B3.** Phân tích được nội dung và 3 hình thức của HĐLĐ. **6B4.** Phân tích được 3 loại HĐLĐ theo quy định của pháp luật. **6B5.** Phân tích được quy định về thực hiện, thay đổi và tạm hoãn thực hiện HĐLĐ. **6B6.** Phân tích được các trường hợp chấm dứt HĐLĐ và hậu quả pháp lý.	**6C1.** Nhận diện được HĐLĐ trong các tình huống cụ thể. **6C2.** Đánh giá được các quy định hiện hành về thời hạn HĐLĐ. **6C3.** Đánh giá được việc thực hiện, thay đổi, tạm hoãn và chấm dứt HĐLĐ.
Vấn đề 7: Thoả ước lao động tập thể	**7A1.** Nêu được khái niệm và các hình thức đối thoại tại nơi làm việc **7A2.** Nêu được khái niệm, chủ thể, nội dung và quy trình thương lượng tập thể	**7B1.** Phân tích được khái niệm và các hình thức đối thoại tại nơi làm việc. **7B2.** Phân tích được khái niệm, chủ thể, nội dung và quy trình thương lượng tập thể **7B3.** Phân tích được	**7C1.** Phân biệt được thoả ước lao động tập thể với HĐLĐ; đánh giá được mối quan hệ giữa pháp luật lao động, thoả ước lao động tập thể và HĐLĐ, vận dụng được để giải quyết các tình huống thực tế.

	7A3. Nêu được khái niệm, bản chất, đặc điểm và 4 vai trò của thoả ước lao động tập thể. **7A4.** Liệt kê được 4 loại thoả ước lao động tập thể. **7A5.** Nêu được nội dung và hình thức của thoả ước lao động tập thể. **7A6.** Nêu được phạm vi, nguyên tắc, chủ thể, trình tự, thủ tục ký kết thoả ước lao động tập thể. **7A7.** Nêu được các vấn đề về hiệu lực của thoả ước lao động tập thể.	bản chất pháp lý và đặc điểm của thoả ước lao động tập thể. **7B4.** Phân tích được giá trị pháp lý của 4 loại thoả ước lao động tập thể. **7B5.** Phân tích được nội dung và hình thức của thoả ước lao động tập thể. **7B6.** Phân tích được phạm vi, nguyên tắc, chủ thể, trình tự, thủ tục kí kết thoả ước lao động tập thể. **7B7.** Phân tích được các vấn đề về hiệu lực của thoả ước lao động tập thể.	
Vấn đề 8: Quyền quản lý lao động của NSDLĐ	**8A1.** Nêu được khái niệm, 5 đặc điểm và cơ sở của quyền quản lý lao động của NSDLĐ. **8A2.** Nêu được khái niệm và phạm vi áp dụng kỷ luật lao động. **8A3.** Nêu được khái niệm và 5 nội dung chủ yếu của nội quy lao động. **8A4.** Nêu được 5 nguyên tắc, 2 căn cứ,	**8B1.** Phân tích được khái niệm, 5 đặc điểm và cơ sở của quyền quản lý lao động của NSDLĐ. **8B2.** Phân tích được 5 nguyên tắc, 2 căn cứ, 3 nhóm hình thức, thẩm quyền và trình tự, thủ tục xử lí kỷ luật lao động. **8B3.** Phân tích được khái niệm, 4 căn cứ, các trường hợp và thủ tục xử lý bồi thường trách	**8C1.** Phân biệt được quyền quản lý lao động của NSDLĐ với quyền quản lý lao động của Nhà nước. **8C2.** So sánh được giá trị pháp lý của nội quy lao động với thoả ước lao động tập thể. **8C3.** Vận dụng được quy định của pháp luật để giải quyết một số tình huống cụ thể về xử lý vi phạm kỷ luật lao động

	3 nhóm hình thức, thẩm quyền và trình tự, thủ tục xử lí kỷ luật lao động. **8A5.** Nêu được khái niệm, 4 căn cứ, các trường hợp và thủ tục xử lý bồi thường trách nhiệm vật chất. **8A6.** Nêu được quy định về tạm đình chỉ công việc đối với NLĐ.	nhiệm vật chất. **8B4.** Phân tích được quy định về tạm đình chỉ công việc đối với NLĐ.	và bồi thường thiệt hại vật chất.
Vấn đề 9: Chế độ tiền lương	**9A1.** Nêu được khái niệm, bản chất và 3 đặc điểm cơ bản của tiền lương. **9A2.** Nêu được 2 nguyên tắc điều chỉnh tiền lương. **9A3.** Nêu được khái niệm, vai trò, các loại và cơ sở xác định tiền lương tối thiểu. **9A4.** Nêu được khái niệm, các yếu tố cấu thành thang lương, bảng lương và 3 hình thức trả lương. **9A5.** Nêu được quy định của pháp luật hiện hành về việc trả lương cho NLĐ trong thời gian học nghề, thử việc, trong trường hợp ngừng việc, làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, các ngày nghỉ có hưởng lương của NLĐ.	**9B1.** Phân tích được khái niệm, bản chất và 3 đặc điểm cơ bản của tiền lương. **9B2.** Phân tích được 2 nguyên tắc điều chỉnh tiền lương.	**9C1.** Vận dụng được quy định của pháp luật để xác định tiền lương cho NLĐ trong một số tình huống cụ thể. **9C2.** Đánh giá được quy định của pháp luật hiện hành về quyền và nghĩa vụ của các bên trong lĩnh vực trả lương.

	9A6. Trình bày được quy định của pháp luật hiện hành về chế độ phụ cấp lương và chế độ tiền thưởng. **9A7.** Trình bày được quyền và nghĩa vụ của NSDLĐ và NLĐ trong lĩnh vực trả lương.		
Vấn đề 10: Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi	**10A1.** Nêu được khái niệm, 3 cơ sở quy định thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi. **10A2.** Nêu được 3 nguyên tắc pháp lý cơ bản của thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi. **10A3.** Nêu được 5 loại thời giờ làm việc và 6 loại thời giờ nghỉ ngơi.	**10B1.** Phân tích được 3 cơ sở quy định thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi. **10B2.** Phân tích được 3 nguyên tắc pháp lý cơ bản và sự thể hiện trong các quy định của pháp luật hiện hành. **10B3.** Phân tích được 5 loại thời giờ làm việc và 6 loại thời giờ nghỉ ngơi.	**10C1.** Vận dụng được các quy định pháp luật hiện hành về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi để giải quyết một số tình huống cụ thể.
Vấn đề 11: Bảo hộ lao động	**11A1.** Nêu được khái niệm và 3 đặc điểm cơ bản của bảo hộ lao động. **11A2.** Nêu được 3 nguyên tắc cơ bản của pháp luật về bảo hộ lao động. **11A3.** Nêu được nội dung của chế độ bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật.	**11B1.** Phân tích được khái niệm và 3 đặc điểm cơ bản của bảo hộ lao động. **11B2.** Phân tích được 3 nguyên tắc cơ bản của pháp luật về bảo hộ lao động.	**11C1.** Bình luận được về thái độ của các chủ thể trong quan hệ lao động đối với công tác bảo hộ lao động. **11C2.** Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết quyền lợi cho NLĐ bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong một số tình huống cụ thể.

Vấn đề 12: Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động	**12A1.** Nêu được định nghĩa, 4 đặc điểm của tranh chấp lao động. **12A2.** Nêu được 3 cách phân loại tranh chấp lao động. **12A3.** Nêu được nguyên nhân, tình hình và sự ảnh hưởng của tranh chấp lao động. **12A4.** Nêu được khái niệm của thương lượng giải quyết tranh chấp lao động. **12A5.** Nêu được khái niệm, thẩm quyền hoà giải tranh chấp lao động. **12A6.** Nêu được khái niệm, đặc điểm, tổ chức, thẩm quyền và trình tự, thủ tục trọng tài lao động. **12A7.** Nêu được thẩm quyền, trình tự giải quyết tranh chấp lao động của chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện. **12A8.** Nêu được 3 đặc điểm và tầm quan trọng của việc giải quyết tranh chấp lao động tại toà án nhân dân. **12A9.** Nêu được một cách khái quát thủ tục giải quyết vụ án	**12B1.** Phân tích được định nghĩa và 4 đặc điểm của tranh chấp lao động. **12B2.** Phân tích được các loại tranh chấp lao động theo 3 cách phân loại. **12B3.** Phân tích được khía cạnh pháp lí của thương lượng giải quyết tranh chấp lao động. **12B4.** Phân tích được khái niệm, thẩm quyền hoà giải tranh chấp lao động. **12B5.** Phân tích được khái niệm, đặc điểm, tổ chức, thẩm quyền và trình tự, thủ tục trọng tài lao động. **12B6.** Phân tích được 3 đặc điểm của việc giải quyết tranh chấp lao động tại toà án. **12B7.** Phân biệt được việc giải quyết tranh chấp lao động tại toà án nhân dân với việc giải quyết tranh chấp lao động bằng thương lượng, hoà giải và trọng tài.	**12C1.** Vận dụng sự hiểu biết để xác định được tranh chấp lao động qua một số tình huống cụ thể. **12C2.** Đánh giá được quy định của pháp luật hiện hành về quyền hạn của hội đồng trọng tài lao động. **12C3.** Tìm ra được những điểm khác biệt trong việc giải quyết tranh chấp lao động tại toà án nhân dân so với việc giải quyết các tranh chấp dân sự nói chung và lý giải được nguyên nhân của sự khác biệt đó.

	lao động tại toà án cấp sơ thẩm và toà án cấp phúc thẩm.		
Vấn đề 13: Đình công và giải quyết đình công	**13A1.** Nêu được khái niệm, bản chất, 5 dấu hiệu cơ bản và sự ảnh hưởng của đình công. **13A2.** Nêu được các loại đình công theo 4 tiêu chí phân loại chủ yếu. **13A3.** Nêu được quy định về đối tượng và thời điểm được đình công theo pháp luật Việt Nam. **13A4.** Nêu được quy định về quyền lãnh đạo đình công và thủ tục đình công theo pháp luật Việt Nam. **13A5.** Nêu được những hành vi bị cấm thực hiện trước, trong và sau đình công. **13A6.** Nêu được quy định về việc hoãn, ngừng đình công ở Việt Nam. **13A7.** Nêu được quy định về đình công bất hợp pháp. **13A8.** Nêu được quyền của NLĐ, đại diện tập thể lao động, NSDLĐ trước và trong khi đình công. **13A9.** Nêu được quy định về thẩm quyền giải quyết đình công. **13A10.** Nêu được các quy định về xét tính	**13B1.** Phân biệt được đình công với các hiện tượng: Lãn công, bãi công, phản ứng tập thể, tranh chấp lao động tập thể. **13B2.** Phân tích được quy định về đình công bất hợp pháp. **13B3.** So sánh được thủ tục giải quyết đình công với thủ tục giải quyết vụ án lao động.	**13C1.** Vận dụng sự hiểu biết về đình công để xác định được một số vụ việc cụ thể có phải đình công hay không. **13C2.** Đánh giá được về tính hợp lí và khả thi của quy định về đình công ở Việt Nam hiện nay. **13C3.** Tìm hiểu tình hình thực tế giải quyết đình công ở Việt Nam, đánh giá được tính khả thi của các quy định giải quyết đình công và nêu quan điểm cá nhân (nếu có). **13C4.** Đánh giá được tính hợp lý, khả thi của các quy định về bồi thường thiệt hại liên quan đến đình công và nêu được quan điểm cá nhân.

	hợp pháp của cuộc đình công. **13A11.** Nêu được hậu quả pháp lý của việc giải quyết đình công. **13A12.** Nêu được các quy định về bồi thường thiệt hại liên quan đến đình công.		

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY-HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
45	13 vấn đề	20	20		5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-3	**Chương 1: Khái quát về luật lao động Việt Nam** 1.1. Phạm vi điều chỉnh của luật lao động 1.2. Những nguyên tắc cơ bản của luật lao động 1.3. Hệ thống ngành luật lao động	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 4-6	**Chương 2: Các quan hệ pháp luật**	- Diễn giảng	- Nghe giảng

	lao động 2.1. Quan hệ pháp luật giữa NLĐ và NSDLĐ 2.2. Quan hệ pháp luật lao động tập thể 2.3. Các quan hệ pháp luật lao động khác	- Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 7-9	**Chương 3: Công đoàn và vấn đề đại diện tập thể lao động** 3.1. Khái niệm và các hình thức đại diện tập thể lao động 3.2. Công đoàn - tổ chức đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của NLĐ	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 10-12	**Chương 4: Việc làm** 4.1. Việc làm và tầm quan trọng của việc làm đối với đời sống xã hội 4.2. Khái quát về sự phát triển về việc làm và giải quyết việc làm trước khi có BLLĐ 4.3. Việc làm và giải quyết việc làm theo	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	pháp luật hiện hành		
Tiết 13-15	**Chương 5: Học nghề** 5.1. Khái niệm chung về học nghề 5.2. Phân loại học nghề 5.3. Lược sử hình thành và phát triển của chế định học nghề trong luật lao động Việt Nam 5.4. Hợp đồng học nghề 5.5. Vấn đề học nghề trong một số trường hợp cụ thể	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 16-20	**Chương 6: Hợp đồng lao động** 6.1. Khái niệm và đặc trưng của HĐLĐ 6.2. Các yếu tố của HĐLĐ 6.3. Quá trình xác lập, duy trì và chấm dứt HĐLĐ	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 21-23	**Chương 7: Đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể** 7.1. Khái niệm, hình thức đối thoại tại nơi	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	làm việc 7.2. Khái niệm, chủ thể, nội dung, quy trình thương lượng tập thể 7.3. Khái niệm, bản chất, vai trò và các loại thoả ước lao động tập thể 7.4. Sơ lược lịch sử phát triển pháp luật về thoả ước lao động tập thể giai đoạn trước khi có BLLĐ 7.5. Quy định của pháp luật hiện hành về thoả ước lao động tập thể		
Tiết 24-26	**Chương 8: Quyền quản lý lao động của người sử dụng lao động** 8.1. Khái niệm, nguồn gốc và bản chất của quyền quản lý lao động của NSDLĐ 8.2. Quy định về kỷ luật lao động và bồi thường thiệt hại vật chất	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 27-29	**Chương 9: Tiền lương**	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời

	9.1. Một số vấn đề chung về tiền lương 9.2. Nội dung chế độ tiền lương hiện hành 9.3. Quyền và nghĩa vụ của NSDLĐ và NLĐ trong lĩnh vực trả lương	tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 30-32	**Chương 10: Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi** 10.1. Khái quát về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 10.2. Các quy định pháp luật về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 33-35	**Chương 11: Bảo hộ lao động** 11.1. Những vấn đề chung về bảo hộ lao động 11.2. Những nguyên tắc cơ bản của pháp luật bảo hộ lao động 13.3. Nội dung chế độ bảo hộ lao động	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

Tiết 36-40	**Chương 12: Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động** 12.1. Những vấn đề chung về tranh chấp lao động 12.2. Thương lượng và hoà giải tranh chấp lao động 12.3. Trọng tài lao động 12.4. Giải quyết tranh chấp lao động tại tòa án nhân dân	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 41-43	**Chương 13: Đình công và giải quyết đình công** 13.1. Đình công 13.2. Giải quyết đình công	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 44-45	**Ôn tập kết thúc môn**	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm

1	**Chuyên cần**	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	**Thường xuyên**	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm **Tổng: 10 điểm**	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	10
3	**Thi kết thúc HP**	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tự luận (thời gian 90 phút)	10

			+ Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi	

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình luật lao động*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
2. Bộ Luật lao động năm 2019;
3. Luật Công đoàn năm 2012;
4. Luật Việc làm năm 2013;
5. Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Nghị định của Chính phủ số: 44/2013/NĐ-CP ngày 10/05/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về Hợp đồng lao động;

2. Nghị định của Chính phủ số: 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 08 năm 2020

P. HIỆU TRƯỞNG	P TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Văn Quang	ThS Nguyễn Chí Dũng	TS Nguyễn Thị Cẩm Hồng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

NAM CAN THO UNIVERSITY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LUẬT NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-ĐHNCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
LUẬT NGÂN HÀNG

1. THÔNG TIN MÔN HỌC.

- **Tên môn học:** Luật Ngân hàng
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật kinh tế.
  + Bậc học: Đại học
  + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 03; **Số tiết:** 45 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Khoa Luật
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01 - Khu Hiệu Bộ - Số 168, Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

2.1. Về kiến thức

- Mô tả được một số khái niệm cơ bản và những vấn đề lý luận chung trong lĩnh vực pháp Luật Ngân hàng; các phạm vi điều chỉnh, các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học Luật Ngân hàng; nguồn của Luật Ngân hàng;
- Xác định được đặc điểm và bản chất các quan hệ pháp luật Ngân hàng; đồng thời phân biệt được quan hệ Pháp luật Ngân hàng với các quan hệ pháp luật khác;
- Nêu được cách thức quản lý và hệ thống văn bản điều chỉnh hoạt động ngân hàng;
- Nhận diện được bản chất, đặc thù của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng; phân tích và giải quyết được xung đột pháp luật, những vấn đề tranh chấp phát sinh trong hoạt động ngân hàng;
- Xác định được nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật hiện hành điều chỉnh trong lĩnh vực ngân hàng; giải quyết được những vấn đề liên quan phát sinh trong thực tiễn;
- Hiểu và vận dụng những kiến thức pháp luật chuyên sâu trong lĩnh vực ngân hàng;

- Có được những kiến thức cơ bản về thực tiễn hoạt động ngân hàng; kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực ngân hàng.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Thành thạo một số kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp Luật Ngân hàng để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực ngân hàng;

- Phát triển kỹ năng lập luận, góp ý xây dựng pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng; khả năng lập luận, tranh luận bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình;

- Giúp người học bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật cho các chủ thể kinh doanh ngân hàng và các đối tượng khác để bảo vệ tốt quyền lợi của mình khi tham gia vào quan hệ dịch vụ ngân hàng.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng lập luận, tranh luận; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phản biện.

- Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức.

- Có khả năng thuyết trình, làm việc nhóm;

2.3. Về thái độ

- Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có tinh thần làm việc chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp;

- Đảm bảo cho học viên tự tin trước những vấn đề pháp lý nảy sinh trong lĩnh vực ngân hàng;

- Bước đầu mong muốn tiếp tục theo đuổi nghiên cứu tìm hiểu những kiến thức pháp lý sâu hơn trong lĩnh vực ngân hàng.

3. HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY

3.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
45	7 vấn đề	20	20		5

3.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-6	**Vấn đề 1. Những vấn đề lý luận về ngân hàng và pháp Luật Ngân hàng** 1. Những vấn đề lý luận về ngân hàng 2. Những vấn đề lý luận về Luật Ngân hàng	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 7-12	**Vấn đề 2. Pháp luật về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nhà nước** 1. Vị trí pháp lý và chức năng của Ngân hàng Nhà nước 2. Tổ chức, quản trị và điều hành Ngân hàng Nhà nước 3. Hoạt động của Ngân hàng Nhà nước	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 13-18	**Vấn đề 3. Pháp luật về chủ thể kinh doanh ngân hàng** 1. Thành lập, tổ chức, quản trị và điều hành 2. Hoạt động của các chủ thể kinh doanh ngân hàng 3. Kiểm soát đặc biệt, giải thể, phá sản đối với các chủ thể kinh doanh ngân hàng	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 19–24	**Vấn đề 4. Pháp luật về huy động vốn của tổ chức tín dụng** 1. Pháp luật về nhận tiền gửi 2. Pháp luật về vay vốn ngân hàng trung ương 3. Pháp luật về vay vốn các tổ chức	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	tín dụng khác		
Tiết 25-30	**Vấn đề 5. Pháp luật về hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng** 1. Pháp luật về cho vay 2. Pháp luật về chiết khấu giấy tờ có giá 3. Pháp luật về bảo lãnh ngân hàng 4. Pháp luật về cho thuê tài chính 5. Pháp luật về bao thanh toán	Diễn giảng - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 31-36	**Vấn đề 6. Pháp luật về dịch vụ thanh toán** 1. Tổng quan về dịch vụ thanh toán 2. Pháp luật về dịch vụ thanh toán	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 37-42	**Vấn đề 7. Pháp luật về hoạt động ngoại hối** 1. Khái quát chung về ngoại hối và hoạt động ngoại hối 2. Pháp luật về hoạt động ngoại hối	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 43-45	**Ôn tập**	- Nhắc lại những kiến thức cơ bản - Kết hợp đưa ra bài tập tình huống.	Nghe giảng Thảo luận/trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

4. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm

1	**Chuyên cần**	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	**Thường xuyên**	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm **Tổng: 10 điểm**	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh gia bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	10

3	**Thi kết thúc HP**	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 90 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi.	10

5. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật Ngân hàng Việt Nam*, Nxb. CAND, Hà Nội
2. Luật ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2010.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Bộ luật dân sự Việt Nam năm 2005;
2. Luật thương mại Việt Nam năm 2005;
3. Luật doanh nghiệp năm 2014;
4. Nghị định của Chính phủ số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
5. Trường Đại học luật Tp. Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Luật Ngân hàng*, Nxb Hồng Đức-Hội Luật gia Việt Nam;
6. Lê thị Ngân Hà (2014), *Pháp luật về hạn chế rủi ro tín dụng*, Nxb Đại học Quốc gia Tp, Hồ Chí Minh.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

P. HIỆU TRƯỞNG	P. TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Văn Quang	Nguyễn Chí Nũng	TS. Nguyễn Thị Cẩm Hồng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

NAM CAN THO UNIVERSITY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-ĐHNCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

KHOA LUẬT

.....

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Luật sở hữu trí tuệ
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật
  + Bậc học: Đại học
  + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 02; **Số tiết:** 30 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Khoa Luật
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01 - Khu Hiệu Bộ - Số 168, Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn Luật sở hữu trí tuệ sinh viên có khả năng:

2.1. Về kiến thức

- Giúp sinh viên nhận biết vị trí của Luật sở hữu trí tuệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- Mô tả được hệ thống các khái niệm cơ bản liên quan đến SHTT.
- Nhận thức được được đặc trưng cơ bản của mỗi bộ phận của quyền SHTT (quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền SHCN, quyền đối với giống cây trồng).
- Xác định được các yếu tố của quan hệ pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan, quyền SHCN, quyền đối với giống cây trồng (chủ thể; khách thể, nội dung quyền).
- Nắm được các căn cứ xác lập, chấm dứt quyền SHTT; thời hạn bảo hộ đối với các đối tượng SHTT...
- Nhận diện được các đối tượng khác nhau của quyền SHTT

- Nắm được các cách thức và điều kiện để chuyển giao quyền SHTT
- Mô tả được các biện pháp bảo vệ quyền SHTT.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Vận dụng được những quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến bảo hộ quyền SHTT
- Có kỹ năng tư vấn pháp luật về trình tự, thủ tục, giải quyết
- Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; truyền tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động nghề nghiệp

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng lập luận, tranh luận; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phản biện.
- Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Phát triển khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm
- Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, độc lập nghiên cứu
- Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân
- Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2.4. Về thái độ

- Hình thành tinh tự tin, tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Hình thành ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền SHTT.
- Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học
- Kích thích niềm say mê sáng tạo trong các lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, khoa học, sản xuất và kinh doanh.
- Rèn luyện thái độ nghiêm túc, tỉ mỉ trong nghiên cứu.
- Tạo ra thái độ đúng đắn trong việc nhận thức về tầm quan trọng của pháp luật và biết phê phán những hành vi vi phạm pháp luật.

- Có ý thức tuân thủ pháp luật và tuyên truyền pháp luật SHTT trong cộng đồng để góp phần nâng cao nhận thức của công chúng trong việc bảo hộ quyền SHTT.

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

Vấn đề/bậc nhận thức	*Bậc 1*	*Bậc 2*	*Bậc 3*
Vấn đề 1: ***Giới thiệu tổng quan về quyền SHTT***	**1A1.** Nêu được khái niệm quyền SHTT: (1) theo nghĩa khách quan; (2) theo nghĩa chủ quan; (3) theo nghĩa là quan hệ pháp luật. **1A2.** Trình bày được các đặc điểm của quyền SHTT: (1) Về đối tượng; (2) Về căn cứ xác lập quyền; (3) Về nội dung quyền; (4) Đặc điểm về chủ thể, khách thể, nội dung; (5) Về giới hạn quyền... **1A3.** Nêu được 3 bộ phận cấu thành của quyền SHTT theo pháp luật Việt Nam. **1A4**. Nhận diện được quan hệ nào thuộc quyền tác giả, quyền liên quan, quyền SHCN, quyền đối với giống cây trồng. **1A5.** Nắm được sự hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật SHTT trên	**1B1.** Phân tích được bản chất của quyền SHTT: (i) quyền tài sản có sự kết hợp với quyền nhân thân; (ii) mang tính độc quyền... **1B2.** Phân tích được điểm giống và điểm khác giữa quyền SHTT và quyền sở hữu tài sản thông thường. **1B3.** Phân biệt được sự khác nhau của quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền SHCN và quyền đối với giống cây trồng. **1B4.** Xác định được đối tượng của quyền tác giả, quyền liên quan, quyền SHCN, quyền đối với giống cây trồng. **1B5.** Phân tích được ý nghĩa, vai trò của việc bảo hộ quyền SHTT đối với sự phát triển của kinh tế - xã hội.	**1C1.** Phân tích được mối quan hệ giữa quyền SHTT và tài sản trí tuệ. **1C2.** Hiểu được lí do của việc công nhận và bảo vệ quyền SHTT. **1C3.** Phân tích, nhận xét được mối quan hệ giữa quá trình hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật SHTT trên thế giới và sự phát triển của kinh tế-xã hội, khoa học-kĩ thuật và nền thương mại tự do. **1C4.** Chứng minh được bảo hộ quyền SHTT là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế. **1C5.** Nhận xét, phân tích được những đặc điểm của bảo hộ quyền SHTT trong bối cảnh toàn cầu hoá. **1C6.** Phân tích được

	thế giới. **1A6.** Nêu được các giai đoạn phát triển của hệ thống pháp luật SHTT Việt Nam. **1A7.** Nêu được các điều ước quốc tế quan trọng trong lĩnh vực SHTT mà Việt Nam là thành viên (sắp xếp theo từng lĩnh vực). **1A8.** Trình bày được các loại nguồn của pháp luật SHTT Việt Nam.		những lí do cơ bản dẫn đến hệ thống luật SHTT Việt Nam được phát triển và hoàn thiện không ngừng.
<u>Vấn đề 2</u>: ***Quyền tác giả và quyền liên quan***	**2A1.** Nêu được khái niệm tác giả, tác phẩm, quyền tác giả, quyền liên quan. Nêu được các quyền nhân thân thuộc quyền tác giả. Trình bày được 3 loại đối tượng của quyền liên quan. Nêu được 4 tiêu chí chung để xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan. **2A2.** Trình bày được các tiêu chí để phân loại tác phẩm và các quyền tài sản, quyền liên quan. Nêu được các dạng hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan cơ	**2B1.** Nhận diện được những đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan; những đối tượng không được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan. Chỉ ra được hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong các tình huống cụ thể. **2B2.** Nội dung của quyền tác giả, quyền liên quan. Cho được ví dụ về từng trường hợp tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện quyền tài sản như: quyền sao chép tác phẩm, quyền truyền đạt tác phẩm, quyền phân phối tác phẩm. Xác định được	**2C1.** Nêu được quan điểm riêng của cá nhân về khái niệm tác giả, tác phẩm phẩm, quyền tác giả, quyền liên quan và điều kiện bảo hộ. Tìm ra được các trường hợp ngoại lệ không bị coi là vi phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn đối với tác phẩm. Nhận xét được về thực trạng xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong một số lĩnh vực: xuất bản, sản xuất bản ghi âm, ghi hình, phát thanh, truyền hình, trên internet...

	bản. **2A3.** Trình bày được các điều kiện bảo hộ đối với tác giả, tác phẩm. Trình bày được các trường hợp sử dụng tác phẩm không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao. Nêu được điều kiện bảo hộ đối với từng đối tượng: cuộc biểu diễn; bản ghi âm, ghi hình; chương trình phát sóng. **2A4.** Nêu được 2 loại chủ thể của quyền tác giả. Trình bày được thời hạn bảo hộ quyền tác giả **2A5.** Nêu được điều kiện đối với chủ thể, chủ sở hữu của quyền tác giả, quyền liên quan **2A6.** Biết được cách tính thời hạn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan	những hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan của bản thân và những người xung quanh mình. **2B3.** Phân tích được mối quan hệ giữa tác phẩm gốc và tác phẩm phái sinh. Chỉ ra những hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong môi trường kỹ thuật số. **2B4.** Phân biệt được tác giả với những người hỗ trợ cho việc sáng tạo ra tác phẩm. Xác định được phạm vi hưởng quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả trong các trường hợp cụ thể. **2B5.** Phân biệt được các loại chủ sở hữu quyền tác giả. Nêu được ví dụ về các trường hợp sử dụng tác phẩm không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao. **2B6.** Phân biệt được trường hợp tác phẩm thuộc sở hữu nhà nước và tác phẩm thuộc về công chúng. Vận dụng được kiến thức để tính thời hạn bảo hộ quyền tác giả trong các trường hợp cụ thể	**2C2.** Đánh giá được tiêu chí phân loại tác phẩm trong Luật SHTT. Đưa ra được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quyền tác giả và quyền liên quan ở Việt Nam. **2C3.** Nêu được quan điểm cá nhân về khái niệm tác phẩm phái sinh; khái niệm đồng tác giả... Luận giải được lý do của quy định về giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan. **2C4.** Bình luận được những quy định thay đổi về thời hạn bảo hộ quyền tác giả trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT (điểm a khoản 2 Điều 27).
<u>Vấn đề 3</u>:	**3A1.** Nêu được khái	**3B1.** Phân tích được 3 đặc	**3C1.** Lý giải được tại

Sáng chế	niệm sáng chế. **3A2.** Nêu được 3 điều kiện bảo hộ đối với sáng chế; **3A3.** Nêu được các đối tượng không được bảo hộ là sáng chế. **3A4.** Nêu được cách xác lập quyền bảo hộ đối với sáng chế. **3A5.** Nêu được các chủ thể có quyền đăng ký sáng chế. **3A6.** Nêu được đối tượng không được bảo hộ sáng chế. **3.A.7.** Nắm được quy trình xác lập, giới hạn, nội dung quyền đối với sáng chế	điểm của sáng chế. Phân biệt chuyển giao quyền đăng kí và chuyển giao quyền SHCN. **3B2.** Lấy được ví dụ về các loại sáng chế là sản phẩm (dạng vật thể, dạng chất thể, dạng vật liệu sinh học); và sáng chế quy trình. **3B3.** Phân biệt được sáng chế với phát minh. Lấy được ví dụ về việc áp dụng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên, nguyên tắc ưu tiên. **3B4.** Phân biệt, nêu được mối quan hệ giữa nguyên tắc nộp đơn đầu tiên và nguyên tắc ưu tiên. **3B5.** Lấy được ví dụ để chứng minh về tính mới của sáng chế. **3B6.** So sánh được điều kiện về tính sáng tạo của sáng chế và tính sáng tạo của kiểu dáng công nghiệp. **3B7.** Vận dụng được kiến thức đã học để xem xét việc áp dụng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên và nguyên tắc ưu tiên trong từng tình huống cụ thể	sao sáng chế có thể được bảo hộ dưới hình thức cấp bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích. **3C2.** So sánh được điều kiện bảo hộ sáng chế trong Luật SHTT Việt Nam với điều kiện bảo hộ sáng chế trong Hiệp định TRIPs và pháp luật một số quốc gia. **3C3.** Chỉ ra được một số hình thức pháp lý khác bảo hộ cho hình dáng bên ngoài của sản phẩm; đưa ra được nhận xét về đặc trưng, ưu điểm của mỗi hình thức bảo hộ.

Vấn đề 4: ***Kiểu dáng công nghiệp***	**4A1.** Nêu được khái niệm kiểu dáng công nghiệp. **4A2.** Nêu được 3 điều kiện bảo hộ đối với kiểu dáng công nghiệp. **4A3.** Nêu được các đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa là kiểu dáng công nghiệp **4A4.** Nêu được chủ thể của quyền sở hữu của kiểu dáng công nghiệp. **4A5.** Nêu được cách xác lập quyền và các thủ tục sau khi xác lập quyền. **4A5.** Nêu được hành vi vi phạm kiểu dáng công nghiệp và biện pháp xử lý.	**4B1.** Phân tích được 3 đặc điểm của kiểu dáng công nghiệp. **4B2.** Lấy được ví dụ về các loại kiểu dáng công nghiệp. **4B3.** Phân tích được tính mới của kiểu dáng công nghiệp. Sự khác biệt giữa kiểu dáng công nghiệp với một số đối tượng của QSHTT. **4B4.** Lấy được ví dụ để chứng minh về tính mới của kiểu dáng công nghiệp, nguyên tắc nộp đơn đầu tiên, nguyên tắc ưu tiên. **4B5.** Lấy được ví dụ về các đối tượng không được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp theo Điều 64 Luật SHTT. Phân biệt được hành vi vi phạm kiểu dáng công nghiệp để vận dụng giải quyết tình huống cụ thể.	**4C1.** Lý giải được tại sao kiểu dáng công nghiệp có thể được bảo hộ dưới hình thức cấp bằng độc quyền. **4C2.** So sánh được điều kiện bảo kiểu dáng công nghiệp trong Luật SHTT Việt Nam với điều kiện bảo hộ trong Hiệp định TRIPs và pháp luật một số quốc gia. **4C3.** Chỉ ra được một số hình thức pháp lý khác bảo hộ cho hình dáng bên ngoài của sản phẩm; đưa ra được nhận xét về đặc trưng, ưu điểm của mỗi hình thức bảo hộ. Phân tích được ý nghĩa của việc tra cứu thông tin kiểu dáng công nghiệp.
Vấn đề 5: ***Nhãn hiệu***	**5A1.** Nêu được khái niệm nhãn hiệu. **5A2.** Nêu được 3 dạng dấu hiệu có thể cấu thành nên nhãn hiệu. **5A3.** Phát biểu được 2 điều kiện bảo hộ đối	**5B1.** Phân biệt được các khái niệm: "nhãn hiệu"; "nhãn hàng hoá"; "thương hiệu". **5B2.** Lấy được ví dụ cho các trường hợp loại trừ: nhãn hiệu bị coi là không có khả năng tự phân biệt.	**5C1.** Chỉ ra được các chức năng của nhãn hiệu. **5C2.** Lý giải được tại sao phần lớn các quốc gia, trong đó có Việt Nam chỉ bảo hộ cho các nhãn hiệu là "*dấu*

	với nhãn hiệu. **5A4.** Trình bày được các trường hợp dấu hiệu không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu. **5A5.** Liệt kê và lấy được ví dụ về các loại nhãn hiệu: nhãn hiệu hàng hoá, nhãn hiệu dịch vụ, nhãn hiệu liên kết, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu nổi tiếng. **5A6.** Trình bày được các tiêu chí để đánh giá nhãn hiệu nổi tiếng. **5A7.** Nêu được các chủ thể có quyền đăng kí nhãn hiệu thường, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận. **5A8.** Trình bày được các cách xác lập quyền bảo hộ, thời hạn bảo hộ, giới hạn quyền bảo hộ... **5A9.** Nêu được hành vi xâm phạm quyền bảo hộ nhãn hiệu và biện pháp xử lý.	**5B3.** Nhận diện được các trường hợp nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt. **5B4.** So sánh được sự khác biệt giữa nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận với nhãn hiệu thông thường. **5B5.** Phân biệt được nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận. **5B6.** Vận dụng được kiến thức đã học để xem xét việc áp dụng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên và nguyên tắc ưu tiên trong từng tình huống cụ thể	*hiệu nhìn thấy được*". **5C3.** Đưa ra được nhận xét về mối tương quan trong việc bảo hộ nhãn hiệu với bảo hộ các đối tượng khác (tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng công nghiệp…). **5C4.** Đánh giá được tính tương thích giữa Điều 72 Luật SHTT và khoản 1 Điều 15 Hiệp định TRIPS về điều kiện bảo hộ nhãn hiệu. **5C5.** Nhận xét và chỉ ra được sự khác biệt trong việc bảo hộ nhãn hiệu thông thường và nhãn hiệu nổi tiếng; lý giải được nguyên nhân của sự khác biệt.

Vấn đề 6: ***Chỉ dẫn địa lý và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn***	**6A1.** Nêu được khái niệm chỉ dẫn địa lý và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn. **6A2.** Trình bày được điều kiện bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn. **6A3.** Nêu được chủ thể có quyền nộp đơn; Quy trình cấp văn bằng bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn. **6A4.** Trình bày được chủ văn bằng, thời hạn bảo hộ, quyền của chủ văn bằng và chấm dứt, hủy bỏ văn bằng.	**6B1.** Phân tích được điều kiện về khả năng phân biệt của tên thương mại. **6B2.** Phân biệt được tên thương mại với tên doanh nghiệp; tên thương mại với các dấu hiệu khác như nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý. **6B3.** Phân biệt được "chỉ dẫn địa lý" với "chỉ dẫn nguồn gốc", "tên gọi xuất xứ". **6B4.** Phân tích được thế nào là điều kiện địa lý. **6B5.** Nêu được 2 tiêu chí để xác định khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý. **6B6.** Nêu được ví dụ thực tế về những chỉ dẫn địa lý của Việt Nam và của nước ngoài đã được đăng kí bảo hộ tại Việt Nam.	**6C1.** Liên hệ với quy định về đăng ký tên thương mại trong văn bản về đăng ký kinh doanh, đưa ra được nhận xét, bình luận cá nhân về quy định của Luật SHTT và pháp luật thương mại về vấn đề này. **6C2.** Đưa ra được nhận xét về các hình thức bảo hộ đối với các dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý: Bảo hộ chỉ dẫn địa lý? Bảo hộ nhãn hiệu tập thể? Bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận? **6C3.** Nêu được ý nghĩa của việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý.
Vấn đề 7: ***Tên thương mại và bí mật kinh doanh***	**7A1.** Nêu được khái niệm tên thương mại, bí mật kinh doanh. **7A2.** Nhận biết được thành phần mô tả và thành phần phân biệt trong tên thương mại và phân loại bí mật kinh doanh. **7A3.** Trình bày được điều kiện bảo hộ đối với tên thương mại, bí	**7B1.** Phân tích được điều kiện về khả năng phân biệt của tên thương mại. **7B2.** Phân biệt được tên thương mại với tên doanh nghiệp; tên thương mại với các dấu hiệu khác như nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý. **7B3.** Phân biệt được "chỉ dẫn địa lý" với "chỉ dẫn nguồn gốc", "tên gọi xuất xứ".	**7C1.** Liên hệ với quy định về đăng ký tên thương mại trong văn bản về đăng ký kinh doanh, đưa ra được nhận xét, bình luận cá nhân về quy định của Luật SHTT và pháp luật thương mại về vấn đề này. **7C2.** Nêu được ý nghĩa của việc bảo hộ tên thương mại và bí

	mật kinh doanh. **7A4.** Nêu được quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tên thương mại, bí mật kinh doanh. **7A5.** Trình bày được cách xác lập QSHCN đối với bí mật kinh doanh **7A6.** Nêu được chủ sở hữu, thời hạn bảo hộ, quyền của chủ sở hữu	**7B4.** Nêu được ví dụ thực tế về tên thương mại hoặc bí mật kinh doanh Việt Nam và của nước ngoài.	mật kinh doanh
<u>Vấn đề 8</u>: ***Bảo vệ và chuyển giao quyền SHCN***	**8A1.** Nêu được khái niệm bảo vệ, chuyển giao quyền SHCN. Kể tên được các biện pháp bảo vệ quyền SHCN. **8A2.** Trình bày được chủ thể được tiến hành các biện pháp bảo vệ đó. **8A3.** Trình bày được các biện pháp tự bảo vệ của chủ thể quyền SHTT. **8A4.** Nêu được các biện pháp dân sự được toà án áp dụng để xử lý cá nhân, tổ chức vi phạm quyền SHTT.	**8B1.** Phân tích được thẩm quyền của toà án trong việc giải quyết tranh chấp về SHTT. **8B2.** Áp dụng được kiến thức đã học để xác định và tính toán thiệt hại trong các vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí trí tuệ. **8B3.** So sánh được nghĩa vụ chứng minh của nguyên đơn và bị đơn trong vị kiện xâm phạm quyền SHTT. **8B4.** Phân biệt và nhận diện được các dạng hàng hoá giả mạo về SHTT. **8B5.** Áp dụng được kiến thức đã học để tư vấn về việc lựa chọn phương	**8C1.** Nhận xét được ưu điểm và hạn chế của biện pháp tự bảo vệ. **8C2.** Nhận xét được ưu điểm và hạn chế của biện pháp dân sự trong việc bảo vệ quyền SHTT. **8C3.** Đưa ra được luận giải tại sao biện pháp dân sự hiện nay chưa được áp dụng phổ biến để giải quyết tranh chấp về SHTT tại Việt Nam. **8C5.** Nhận xét được ý nghĩa của việc toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

	8A5. Trình bày được cách xác định thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT. **8A6.** Trình bày được các hành vi xâm phạm quyền SHTT bị xử phạt hành chính. **8A7.** Nêu được các cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp hành chính để xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT. **8A8.** Kể tên các hình thức xử phạt hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT. **8A9.** Nêu được các tội danh liên quan đến hành vi xâm phạm quyền SHTT được quy định trong Bộ luật hình sự. **8A10.** Nêu được nội dung và lĩnh vực giám định SHTT. **8A11.** Liệt kê được các chủ thể có thẩm quyền trưng cầu giám định và có quyền yêu cầu giám định. **8A12.** Nêu được các	thức bảo vệ phù hợp trong các tình huống thực tế. **8B6.** So sánh được giữa giám định SHTT và giám định tư pháp, giám định thương mại.	**8C6.** Đưa ra được quan điểm cá nhân về quy định hiện nay của luật SHTT và luật tố tụng dân sự liên quan đến biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ quyền SHTT. **8C7.** Nêu được vai trò của giám định SHTT trong việc bảo vệ quyền SHTT. **8C8.** Đưa ra được một số nhận xét và phân tích được về các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo vệ quyền SHTT.

	điều kiện đối với tổ chức giám định SHTT.		
Vấn đề 9: ***Quyền đối với giống cây trồng***	**9A1.** Trình bày được đối tượng và điều kiện bảo hộ đối với giống cây trồng. **9A2.** Nêu được trình tự, thủ tục xác lập quyền đối với giống cây trồng. **9A3.** Nêu được chủ thể của quyền đối với giống cây trồng.	**9B1.** Lấy được ví dụ về 2 loại giống cây trồng được bảo hộ: giống cây trồng được chọn tạo và giống cây trồng được phát hiện và phát triển. **9B2.** Cho ví dụ để chứng minh tính mới của giống cây trồng. **9B3.** Xác định được các loại giống cây được bảo hộ theo Luật SHTT. **9B4.** Xác định hành vi bị coi là xâm phạm quyền đối với giống cây trồng. **9B5.** Phân tích được các giới hạn quyền tác giả giống cây trồng.	**9C1.** Trình bày được ý nghĩa của việc bảo hộ quyền đối với giống cây trồng mới. **9C2.** Giải thích được lý do không thiết lập hệ thống quy định pháp luật về bảo vệ giống vật nuôi mới như đối với giống cây trồng mới. **9C3.** Phân biệt được sự khác nhau giữa bảo hộ sáng chế và bảo hộ giống cây trồng.

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lí thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	09	13	12		5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-3	**Vấn đề 1: Giới thiệu tổng quan về quyền SHTT** 1.1. Khái niệm và đặc điểm của quyền SHTT 1.1.1. Khái niệm quyền SHTT 1.1.2. đặc điểm của quyền SHTT 1.2. Các bộ phận cấu thành của quyền SHTT 1.2.1. Quyền tác giả và quyền liên quan 1.2.2. Quyền SHCN 1.2.3. Quyền đối với giống cây trồng 1.3. Hệ thống pháp luật SHTT quốc tế và Việt Nam 1.3.1. Hệ thống pháp luật SHTT quốc tế 1.3.1.1. Sơ lược quá trình phát triển của hệ thống SHTT thế giới 1.3.1.2. Các điều ước quốc tế về SHTT mà Việt Nam là thành viên 1.3.2. Hệ thống pháp luật SHTT Việt Nam 1.3.2.1. Sơ lược quá trình phát triển của hệ thống pháp luật SHTT Việt Nam 1.3.2.2. Nguồn cơ bản của pháp luật SHTT Việt Nam 1.4. Vai trò của quyền SHTT đối với sự phát triển kinh tế, xã hội	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn sinh viên thảo luận, giải quyết tình huống.	- Nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi (nếu có). - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống.
Tiết	**Vấn đề 2: Quyền tác giả và quyền liên quan**	- Diễn giảng - GV tổ chức	Nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi

4-6	***2.1. Quyền tác giả*** 2.1.1. Khái niệm tác giả, tác phẩm 2.1.2. Đặc điểm, phân loại 2.1.3. Chủ thể của QHPLDS về quyền tác giả 2.1.4. Đối tượng của QHPLDS về quyền tác giả 2.1.5. Nội dung QHPLDS của quyền tác giả 2.1.6. Chủ sở hữu quyền tác giả 2.1.7. Các trường hợp giới hạn quyền tác giả 2.1.8. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả ***2.2. Quyền liên quan*** 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Đặc điểm 2.2.3. Chủ thể QHPLDS về quyền liên quan 2.2.4. Đối tượng của QHPLDS về quyền liên quan 2.2.5. Nội dung QHPLDS của quyền liên quan 2.2.6. Giới hạn quyền liên quan 2.2.7. Thời hạn bảo hộ quyền liên quan ***2.3. Xác lập, chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan*** 2.3.1. Xác lập quyền tác giả, quyền liên quan 2.3.1.1. Xác lập tự động 2.3.1.2. Đăng kí quyền tác giả, quyền liên quan	cho sinh viên báo cáo nhóm theo chủ đề đã giao, điều khiển các nhóm đặt câu hỏi, phản biện lẫn nhau; GV đặt câu hỏi/ tình huống. - Nhận xét buổi báo cáo nhóm - Hướng dẫn sinh viên thảo luận, giải quyết tình huống.	(nếu có). Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	2.3.2. Chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan 2.3.2.1. Chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan 2.3.2.2. Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan ***2.3. Hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan***		
Tiết 7-9	**Vấn đề 3: Sáng chế** ***3.1. Khái niệm sáng chế*** ***3.2. Khái niệm bảo hộ sáng chế và ý nghĩa của việc bảo hộ sáng chế*** ***3.3. Chủ thể của quyền SHCN đối với sáng chế*** ***3.4. Điều kiện bảo hộ sáng chế*** 3.4.1. Tính mới của sang chế 3.4.2. Tính sáng tạo 3.4.3. Khả năng áp dụng công nghiệp ***3.5. Các đối tượng không được bảo hộ sáng chế*** ***3.6. Quy trình xác lập quyền đối với sáng chế*** 3.6.1. Căn cứ xác lập 3.6.2. Quyền nộp đơn, cách thức nộp đơn yêu cầu cấp quyền độc quyền sang chế 3.6.3. Nguyên tắc nộp đơn đầu tiên 3.6.4. Nguyên tắc ưu tiên 3.6.5. Các yêu cầu đối với đơn đăng ký sáng chế 3.6.6. Tách đơn, chuyển giao đơn đăng ký	- Theo dõi nhóm báo cáo - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp tình huống - GV tổ chức cho sinh viên báo cáo nhóm theo chủ đề đã giao, điều khiển các nhóm đặt câu hỏi, phản biện lẫn nhau; GV đặt câu hỏi; - GV nhận xét bài báo cáo và tóm lược lại nội dung kiến thức.	- Báo cáo nhóm - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống - Đặt câu hỏi (nếu có)

	sáng chế 3.6.7. Quy trình xử lý đơn và cấp văn bằng bảo hộ ***3.7 Nội dung quyền của chủ sở hữu sáng chế*** 3.7.1. Quyền sử dụng sáng chế 3.7.2. Quyền ngăn cấm người khác sử dụng sang chế trừ ngoại lệ 3.7.3. Quyền định đoạt sang chế 3.7.4. Quyền tạm thời ***3.8. Hạn chế quyền đối với sáng chế*** 3.8.1. Quyền của người sử dụng trước đối với sáng chế 3.8.2. Thực hiện các nghĩa vụ của chủ sở hữu sáng chế 3.8.3. Chuyển giao quyền sử dụng sáng chế		
Tiết 10 – 12	**Vấn đề 4: Kiểu dáng công nghiệp** ***4.1. Khái niệm kiểu dáng công nghiệp*** ***4.2. Sự khác biệt của kiểu dáng công nghiệp với một số đối tượng của QSHTT*** 4.2.1. Kiểu dáng công nghiệp và quyền tác giả 4.2.2. Kiểu dáng công nghiệp với sáng chế, giải pháp hữu ích 4.2.3. Kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hóa ***4.3. Các điều kiện được công nhận là kiểu dáng công nghiệp*** 4.3.1. Tính mới 4.3.2. Tính sáng tạo	- Tổ chức, theo dõi, nhóm báo cáo. - Đặt câu hỏi, nêu tình huống. - Hướng dẫn, giải đáp tình huống. - Nhận xét nhóm báo cáo và tóm lại vấn đề trọng tâm.	- Báo cáo nhóm - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống - Nghe giảng

	4.3.3. Khả năng áp dụng công nghiệp 4.3.4. Các đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa là kiểu dáng công nghiệp ***4.4. Chủ thể của quyền sở hữu của kiểu dáng công nghiệp*** 4.4.1. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu 4.4.2. Hạn chế/giới hạn quyền của chủ sở hữu 4.4.3. Quyền của tác giả kiểu dáng công nghiệp ***4.5. Xác lập quyền*** 4.5.1. Căn cứ phát sinh quyền 4.5.2. Quyền đăng ký kiểu dáng công nghiệp 4.5.3. Đơn đăng ký xác lập quyền 4.5.4. Nguyên tắc nộp đơn đầu tiên, nguyên tắc ưu tiên 4.5.5. Quy trình xử lý đơn 4.5.6. Sửa đổi, bổ sung, tách, chuyển đổi đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp 4.5.7. Rút đơn 4.5.8. Cấp, từ chối cấp bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp 4.5.9. Khiếu nại về việc xác lập quyền ***4.6. Thủ tục sau xác lập quyền*** 4.6.1. Sửa đổi văn bằng 4.6.2. Gia hạn hiệu lực 4.6.3. Chấm dứt, hủy bỏ văn bằng		
Tiết	**Vấn đề 5: Nhãn hiệu**	- Theo dõi, nhận xét, góp ý	- Báo cáo nhóm

13-15	***5.1. Khái niệm nhãn hiệu*** 5.1.1. Khái niệm nhãn hiệu 5.1.2. Chức năng của nhãn hiệu ***5.2. Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu*** 5.2.1. Nhãn hiệu trước tiên phải là dấu hiệu 5.2.2. Các dấu hiệu phải có khả năng phân biệt 5.2.3. Các dấu hiệu không được bảo hộ là nhãn hiệu ***5.3. Chủ thể có quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu*** ***5.4. Phân loại nhãn hiệu*** 5.4.1. Nhãn hiệu hàng hoá và nhãn hiệu dịch vụ 5.4.2. Nhãn hiệu liên kết 5.4.3. Nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận 5.4.4. Nhãn hiệu nổi tiếng ***5.5. Đăng ký xác lập quyền đối với nhãn hiệu*** 5.5.1. Cách thức nộp đơn và đơn đăng ký bảo hộ 5.5.2. Xử lý đơn đăng ký ***5.6. Chấm dứt hiệu lực và hủy bỏ hiệu lực của văn bằng bảo hộ*** 5.6.1. Chấm dứt hiệu lực 5.6.2. Hủy bỏ văn bằng bảo hộ ***5.7. Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu theo thỏa ước và nghị định thư Madrid*** ***5.8. Chủ sở hữu, thời hạn bảo hộ, quyền***	và đặt câu hỏi/tình huống cho nhóm báo cáo. - Hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống. Nhấn mạnh các nội dung trọng tâm. - Giải đáp thắc mắc (nếu có).	- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống. - Giải quyết tình huống. - Đặt câu hỏi (nếu có).

	và hạn chế quyền của chủ văn bằng		
Tiết 16-18	**Vấn đề 6: Chỉ dẫn địa lý và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn** ***6.1. Chỉ dẫn địa lý*** 6.1.2. Khái niệm 6.1.3. Điều kiện bảo hộ 6.1.4. Chủ thể có quyền nộp đơn 6.1.5. Quy trình cấp văn bằng bảo hộ 6.1.6. Chủ văn bằng, thời hạn bảo hộ, quyền của chủ văn bằng và chấm dứt, hủy bỏ văn bằng ***6.2. Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn*** 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Điều kiện bảo hộ 6.2.3. Xác lập QSHCN đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn 6.2.4. Chủ sở hữu, thời hạn bảo hộ, quyền của chủ sở hữu đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	- Theo dõi nhóm báo cáo - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải quyết tình huống - Nhận xét nhóm báo cáo và tóm lại vấn đề trọng tâm	- Báo cáo nhóm - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống - Nghe giảng, ghi chép
Tiết 19-21	**Vấn đề 7: Tên thương mại và bí mật kinh doanh** ***7.1. Tên thương mại*** 7.1.1. Khái niệm 7.1.2. Điều kiện bảo hộ tên thương mại 7.1.3. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tên thương mại ***7.2. Bí mật kinh doanh***	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải quyết tình huống - Nhận xét	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	7.2.1. Khái niệm 7.2.2. Điều kiện bảo hộ bí mật kinh doanh 7.2.3. Phân loại hộ bí mật kinh doanh 7.2.3. Xác lập QSHCN đối với hộ bí mật kinh doanh 7.2.4. Chủ sở hữu, thời hạn bảo hộ, quyền của chủ sở hữu	nhóm báo cáo và tóm lại vấn đề trọng tâm. - Giải đáp thắc mắc (nếu có).	- Nhóm báo cáo - Đặt câu hỏi (nếu có).
Tiết 22-24	**Vấn đề 8: Bảo vệ và chuyển giao quyền SHCN** ***8.1. Khái niệm bảo vệ QSHCN*** ***8.2. Xác lập QSHCN*** 8.2.1. Xác lập quyền SHCN trên cơ sở đăng kí và được cấp văn bằng bảo hộ 8.2.2. Quyền đăng kí đối tượng SHCN 8.2.3. Nguyên tắc đăng kí 8.2.4. Trình tự, thủ tục đăng kí quyền SHCN 8.2.5. Văn bằng bảo hộ 8.2.6. Xác lập quyền SHCN trên cơ sở thực tiễn sử dụng 8.2.7. Thời hạn bảo hộ đối tượng SHCN ***8.3. Chuyển giao QSHCN*** 8.3.1. Chủ thể của QSHCN 8.3.2. Nội dung QSHCN 8.3.3. Các trường hợp giới hạn QSHCN 8.3.4. Chuyển giao QSHCN ***8.4. Các hành vi xâm phạm QSHCN*** 8.4.1. Căn cứ xác định hành vi xâm phạm QSHCN	- Theo dõi, nhận xét, góp ý và đặt câu hỏi/tình huống cho nhóm báo cáo. - Hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống. Nhấn mạnh các nội dung trọng tâm. - Giải đáp thắc mắc (nếu có).	- Báo cáo nhóm - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống. - Giải quyết tình huống. - Đặt câu hỏi (nếu có).

	8.4.2. Hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp 8.4.3. Hành vi xâm phạm quyền đối với bí mật kinh doanh 8.4.4. Hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý 8.4.5. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh ***8.5. Các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm QSHCN*** 8.5.1. Biện pháp dân sự 8.5.2. Biện pháp hành chính 8.3.4. Biện pháp hình sự 8.3.5. Biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu liên quan đến SHCN		
Tiết 25-27	**Vấn đề 9: Quyền đối với giống cây trồng** ***9.1. Khái niệm*** ***9.2. Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự*** ***9.3. Đối tượng, quan hệ pháp luật dân sự và quy trình cấp văn bằng bảo hộ đối với giống cây trồng*** 9.3.1. Tiêu chuẩn bảo hộ giống cây trồng 9.3.2. Đăng ký quyền đối với giống cây trồng 9.3.3. Đơn yêu cầu bảo hộ ***9.4. Nội dung, giới hạn quyền của chủ sở hữu giống cây trồng*** ***9.5. Chuyển giao quyền đối với giống***	- Giảng viên chốt lại vấn đề trọng tâm của môn - Giải đáp thắc mắc. - Đưa bài tập tình huống - Hướng dẫn và giải quyết tình huống - Cho lớp làm bài kiểm tra	Nghe giảng, ghi chép. Đặt câu hỏi (nếu có). Thảo luận giải quyết bài tập tình huống. Làm kiểm tra

	cây trồng ***9.6. Hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng***		
Tiết 28-30	**Ôn tập kết thúc môn**	- Cho lớp làm bài kiểm tra - Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc. - Ôn thi	- Làm kiểm tra - Ghi chép, lắng nghe; đặt các câu hỏi (nếu có).

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	**Chuyên cần**	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	**Thường xuyên**	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm **Tổng: 10 điểm**	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh gia bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm	10

			+ Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	
3	**Thi kết thúc HP**	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi.	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2018), *Giáo trình luật sở hữu trí tuệ (tái bản có bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức.
2. Bộ luật dân sự năm 2015.
3. Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2019.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2017), *Sách tình huống Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức.
2. Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

P. HIỆU TRƯỞNG	P. TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Văn Quang	Nguyễn Chí Dũng	TS. Nguyễn Thị Cẩm Hồ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

NAM CAN THO UNIVERSITY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LUẬT TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-ĐHNCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ
KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
LUẬT TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN MÔN HỌC.

- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật
  + Bậc học: Đại học
  + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 03 **Số tiết**: 45 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Khoa Luật
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01 - Khu Hiệu Bộ - Số 168, Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC.

2.1. Về kiến thức.

- Người học sẽ nắm được các kiến thức cơ bản của lĩnh vực tài chính công nhưng ngân sách nhà nước và pháp luật ngân sách nhà nước; thuế và pháp luật về thuế.

- Người học có khả năng vận dụng kiến thức về tài chính công trong công việc như tham gia xây dựng, chấp hành, quyết toán ngân sách, thực hiện việc quản lý thuế chấp hành pháp luật thuế…

- Người học có khả năng đưa ra được quan điểm để đánh giá, bình luận các quy định pháp luật hiện hành, từ đó tham gia xây dựng chính sách và pháp luật về tài chính công.

2.2. Về kỹ năng.

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có khả năng vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn;

- Kỹ năng phân tích, lập luận, phản biện, đánh giá các vấn đề pháp luật;

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng lập luận, tranh luận; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phản biện.

- Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức.

- Phát triển kỹ năng làm việc nhóm.

2.3. Về thái độ.

- Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học.

- Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học.

- Có ý thức tuân thủ pháp luật;

3. HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lí thuyết	Seminar	LVN	Tự học
45	14 vấn đề	20	20		5

4.2. Lịch trình chi tiết

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-3	**Chương 1. Những vấn đề lí luận về NSNN và pháp luật NSNN** 1.1. Những vấn đề lí luận về NSNN 1.2. Tổng quan về luật ngân sách	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 4-6	**Chương 2. Pháp luật về tổ chức NSNN** 2.1. Tổ chức hệ thống NSNN 2.2. Chế độ phân cấp quản lí NSNN	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 7-9	**Chương 3. Pháp luật về quá trình NSNN** 3.1. Chế độ lập dự toán NSNN 3.2. Chế độ chấp hành dự toán NSNN 3.3. Chế độ quyết toán NSNN	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 10–12	**Chương 4. Pháp luật về thu NSNN** 4.1. Khái niệm và phân loại thu NSNN 4.2. Chế độ thu thuế, lệ phí và phí 4.3. Chế độ thu ngân sách từ vay nợ,	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	viện trợ và các khoản thu khác		
Tiết 13-15	**Chương 5. Pháp luật về chi NSNN** 5.1. Khái niệm và phân loại chi NSNN 5.2. Chế độ chi thường xuyên 5.3. Chế độ chi ngân sách cho đầu tư phát triển.	Diễn giảng - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 16-18	**Chương 6. Pháp luật về quản lí quỹ NSNN** 6.1. Khái niệm quỹ NSNN và quản lí quỹ NSNN 6.2. Pháp luật về quản lí quỹ NSNN	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 19-21	**Chương 7. Những vấn đề lí luận về thuế và pháp luật thuế** 7.1. Những vấn đề lí luận về thuế 7.2. Quyền thu thuế của nhà nước và các nguyên tắc đánh thuế 7.3. Tổng quan về pháp luật thuế Việt Nam	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 22-24	**Chương 8. Pháp luật thuế XK, thuế NK** 8.1. Khái niệm thuế XK, thuế NK 8.2. Nội dung pháp lí về thuế XK, thuế NK	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 25-27	**Chương 9. Pháp luật thuế TTĐB** 9.1. Khái niệm thuế TTĐB 9.2. Nội dung pháp lí về thuế TTĐB	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 28-30	**Chương 10. Pháp luật thuế GTGT** 10.1. Khái niệm thuế GTGT 10.2. Nội dung pháp lí về thuế	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình

	GTGT	- Hướng dẫn, giải đáp	huống
Tiết 31-33	**Chương 11. Pháp luật thuế thu nhập** 11.1. Khái niệm thuế thu nhập 11.2. Nội dung pháp lí về thuế 11.3. Nội dung pháp lí về thuế TNCN	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 34-36	**Chương 12. Pháp luật về thuế liên quan đến đất đai** 12.1. Khái niệm thuế liên quan đến đất đai 12.2. Nội dung pháp lí về thuế sử dụng đất nông nghiệp 12.3. Nội dung pháp lí về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 37-39	**Chương 13. Pháp luật về các loại thuế khác** 13.1. Pháp luật thuế tài nguyên 13.2. Pháp luật thuế môn bài 13.3. Pháp luật về thuế bảo vệ môi trường	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 40-42	**Chương 14. Pháp luật về quản lí thuế** 14.1. Khái niệm pháp luật về quản lí thuế 14.2. Những nội dung chủ yếu trong pháp luật về quản lí thuế	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 43-45	**Ôn tập**	- Nhắc lại những kiến thức cơ bản	Nghe giảng Thảo luận/trả lời câu hỏi/ giải quyết tình

		- Kết hợp đưa ra bài tập tình huống.	huống

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	**Chuyên cần**	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	**Thường xuyên**	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm **Tổng: 10 điểm**	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh gia bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm	10

			+ Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	
3	**Thi kết thúc HP**	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 90 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi.	10

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình luật ngân sách nhà nước*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình luật thuế Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Hiến pháp năm 2013
2. Luật Ngân sách nhà nước năm 2015
3. Luật thuế XK, thuế NK năm 2016.
4. Luật thuế TTĐB năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2016).
5. Luật thuế GTGT năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013)
6. Luật thuế TNDN năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013)
7. Luật thuế TNCN năm 2007 (sửa đổi, bổ sung năm 2013)
8. Nguyễn Thị Thùy, *Giáo Trình Luật Thuế (Tái Bản Có Bổ Sung)*, Nxb Hồng Đức - Hội Luật Gia Việt Nam-2017.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

P. HIỆU TRƯỞNG	P. TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Văn Quang	Nguyễn Chí Dũng	TS. Nguyễn Thị Cẩm Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

NAM CAN THO UNIVERSITY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-ĐHNCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ
KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Luật Kinh doanh bất động sản
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật
  + Bậc học: Đại học
  + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 03; **Số tiết:** 30 tiết
- **Giảng viên phụ trách giảng dạy:** Bộ môn Luật

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

2.1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm và xác định được vai trò, ý nghĩa của hoạt động thi hành án dân sự; mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống cơ quan thi hành án dân sự; địa vị pháp lý của chấp hành viên;

- Xác định được các biện pháp cưỡng chế trong thi hành án dân sự và trình tự, thủ tục thực hiện các biện pháp cưỡng chế trong thi hành án dân sự;

2.2. Về kỹ năng

- Có khả năng cập nhật, phân tích, đánh giá các quy định pháp luật về thi hành án dân sự;

- Có khả năng vận dụng pháp luật trong công tác thi hành án dân sự;

- Có kỹ năng lập luận, kỹ năng tranh luận, kỹ năng phản biện;

- Có kỹ năng tự học, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

- Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2.4. Về thái độ

- Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học.

- Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học.

- Có ý thức tuân thủ pháp luật;

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

MT / VĐ	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
1. Khái quát chung về thi hành án dân sự	**1A1.** Mô tả được khái niệm thi hành án dân sự; **1A2.** Nêu được ý nghĩa của hoạt động thi hành; **1A3.** Nêu được các nguyên tắc thi hành án; **1A4.** Nêu được quyền yêu cầu thi hành án và chủ thể có quyền yêu cầu thi hành án; xác định được chủ thể có quyền yêu cầu thi hành án. **1A5.** Xác định được thời hiệu thi hành án. **1A6.** Mô tả được hệ thống cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan quản lý nhà nước về thi hành án dân sự; nêu được chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan thi hành án dân sự; **1A7.** Mô tả được vị trí pháp lý, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của chấp hành viên;	**1B1.** Phân tích được bản chất của hoạt động thi hành án dân sự; **1B2.** Phân tích được ý nghĩa của thi hành án dân sự; **1B3.** Phân tích được sự phát triển của pháp luật Việt Nam quy định về thi hành án dân sự; **1B4.** Phân tích được các nguyên tắc thi hành án dân sự; **1B5.** Phân tích được quyền yêu cầu thi hành án dân sự;	**1C1.** So sánh được thi hành án dân sự với thi hành án trong các lĩnh vực khác; **1C2.** Đánh giá được sự hình thành và phát triển của pháp luật thi hành án dân sự ở Việt Nam; **1C3.** So sánh được hoạt động thi hành án ở Việt Nam với một số quốc gia trên thế giới.
2. Thủ tục thi hành án dân sự	**2A1.** Nắm được khái niệm và đặc điểm của thủ tục thi hành án dân sự; **2A2.** Nêu được trình tự, thủ tục thi hành án dân sự.	**2B1.** Phân tích được thẩm quyền và các nguyên tắc ra quyết định thi hành án dân sự; **2B2.** Phân tích được các nguyên tắc ủy	**2C1.** So sánh được đình chỉ và tạm đình chỉ thi hành án dân sự. **2C2.** Đánh giá được những tồn tại, hạn chế trong thủ

		thác thi hành án, trình tự ủy thác thi hành án. **2B3.** Phân tích được căn cứ tạm đình chỉ và căn cứ đình chỉ thi hành án dân sự.	tục thi hành án dân sự;
3. Cưỡng chế thi hành án	**3A1.** Nêu được khái niệm và ý nghĩa của cưỡng chế thi hành án **3A2.** Nêu được các nguyên tắc cưỡng chế thi hành án. **3A3.** Nêu được các biện pháp cưỡng chế thi hành án.	**3B1.** Phân tích được ý nghĩa của cưỡng chế thi hành án; **3B2.** Phân tích được các nguyên tắc thi hành án. **3B3.** Phân tích được các biện pháp cưỡng chế thi hành án.	**3C1.** Đánh giá được quy định pháp luật về các biện pháp cưỡng chế thi hành án; **3C2.** So sánh được các biện pháp cưỡng chế thi hành án. 3C3. Vận dụng được quy định pháp luật về các biện pháp cưỡng chế để giải quyết các tình huống cụ thể.
4. Khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về thi hành án.	**4A1.** Nắm được khái niệm khiếu nại thi hành án và khái niệm tố cáo thi hành án. **4A2.** Nếu được thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án. **4A3.** Nắm được các biện pháp xử lý vi phạm về thi hành án dân sự.	**4B1.** Phân tích được quyền, nghĩa vụ của người tố cáo và người bị tố cáo; **4B2.** Phân tích được các biện pháp xử lý vi phạm pháp luật về thi hành án dân sự;	**4C1.** Đánh giá được thực trạng các quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân sự. 4C2. Vận dụng được các quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự.

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY-HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lí thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	4 vấn đề	13	12		5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-6	**Vấn đề 1. Những vấn đề chung về thi hành án dân sự** 1.1.Khái niệm, bản chất, ý nghĩa của thi hành án dân sự 1.2. Các nguyên tắc thi hành án dân sự 1.3.Những bản án, quyết định được thi hành 1.4.Quyền yêu cầu thi hành án dân sự 1.5.Thời hiệu yêu cầu thi hành án 1.6.Biện pháp thi hành án 1.7. Phí thi hành án 1.8. Hệ thống Cơ quan quản lý thi hành án dân sự và Cơ quan thi hành án dân sự 1.8.1 Hệ thống Cơ quan quản lý thi hành án 1.8.2 Hệ thống Cơ quan thi hành án 1.9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên	- GV sinh hoạt chung về môn học và giao chủ đề báo cáo cho SV. - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống.	- SV nghe sinh hoạt và nhận chủ đề báo cáo từ GV. - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thảo trả lời câu hỏi, thảo luận đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 7-15	**Chương 2: Thủ tục thi hành án dân sự 1.** 2.1. Khái niệm và ý nghĩa của thủ tục thi hành án dân sự 2.2.Trình tự thi hành án 2.2.1 Cấp bản án, quyết định 2.2.2 Ra quyết định thi hành án 2.2.3 Thông báo thi hành án	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thảo trả lời câu hỏi, thảo luận đưa ra

	2.2.4 Xác minh điều kiện thi hành án 2.2.5 Ủy thác thi hành án 2.2.6 Hoãn thi hành án 2.2.7 Tạm đình chỉ thi hành án 2.3.Kết thúc thi hành án Kiêm tra	sinh viên trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống.	phương án giải quyết tình huống.
Tiết 16-24	***Chương 3: Cưỡng chế thi hành án*** 3.1. Những vấn đề chung về cưỡng chế thi hành án 3.1.1 Khái niệm 3.1.2 Ý nghĩa 3.1.3 Nguyên tắc áp dụng biện pháp cưỡng chế 3.2. Các biện pháp cưỡng chế thi hành án 3.2.1. Khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án. 3.2.2. Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án. 3.2.3. Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ. 3.2.4. Khai thác tài sản của người phải thi hành án. 3.2.5. Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ. 3.2.6. Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định.	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.
Tiết 25 – 29	***Chương 4: Khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về thi hành án dân sự*** 4.1. Khiếu nại về thi hành án 4.1.1 Khái niệm khiếu nạI về thi hành án 4.1.2 Chủ thể khiếu nại, người bị khiếu nại và đối tượng của khiếu nại thi hành án 4.1.3 Thời hạn khiếu nại	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu

	4.1.3 Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại về thi hành án 4.2.Tố cáo trong thi hành án dân sự 4.2.1 Khái niệm 4.2.2 Quyền, nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo 4.2.3 Thẩm quyền giải quyết tố cáo 4.3. Xử lý vi phạm về thi hành án dân sự 4.3.1 Xử lý về hành chính 4.3.2 Xử lý về hình sự	luận.	hỏi của nhóm khác và của GV.
Tiết 30-30	**Ôn tập kết thúc môn**	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

5. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	**Chuyên cần**	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	**Thường xuyên**	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm **Tổng: 10 điểm**	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh gia bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo	10

			cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	
3	**Thi kết thúc HP**	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi.	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Luật thi hành án dân sự 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)

2. Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thi hành án dân sự

3. Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước 2017.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Lê Thu Hà (2011), *Một số vấn đề về hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

P. HIỆU TRƯỞNG	P. TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Văn Quang	Nguyễn Chí Dũng	TS. Nguyễn Thị Cẩm Hồng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

NAM CAN THO UNIVERSITY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LUẬT THƯƠNG MẠI 1

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-ĐHNCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

BẢNG TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
BT	Bài tập
CTCP	Công ty cổ phần
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
GV	Giảng viên
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
LVN	Làm việc nhóm
TC	Tín chỉ
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

LUẬT THƯƠNG MẠI 1

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC.

- Tên môn học: Luật thương mại 1
- Đối tượng áp dụng: + Ngành Luật
  + Bậc học: Đại học
  + Hệ Chính quy
- Số tín chỉ: 03; Số tiết: 45 tiết lý thuyết
- Giảng viên phụ trách: Khoa Luật
- Địa chỉ Khoa Luật: Phòng C1-01 - Khu Hiệu Bộ - Số 168, Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC.

Sau khi học xong môn học Luật thương mại 1 sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

2.1. Về kiến thức.

- Nêu và phân tích được các đặc điểm pháp lý của các loại thương nhân, bao gồm: CTCP, công ty TNHH, công ty hợp danh, DNTN, nhóm công ty, tập đoàn kinh tế;
- Nhận diện được từng loại hình doanh nghiệp, phân biệt và đánh giá được ưu điểm, hạn chế của từng loại;
- Xác định được quy định về thành lập doanh nghiệp và quy chế pháp lý về thành viên đầu tư thành lập và góp vốn vào doanh nghiệp;
- Nêu và phân tích được quy định pháp luật về vốn của các loại hình doanh nghiệp;
- Nêu được quy định về cơ cấu tổ chức, quản lý doanh nghiệp (quản trị doanh nghiệp);
- Xác định được được những nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh, phân tích được một số rào cản quyền tự do kinh doanh trong pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng
- Xác định được mục đích, các hình thức và cách thức tổ chức lại doanh nghiệp;
- Xác định được bản chất, điều kiện của việc chấm dứt hoạt động doanh nghiệp thông qua giải thể và phá sản;

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của pháp luật doanh nghiệp;

- Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh;

- Vận dụng kiến thức về doanh nghiệp để có thể tư vấn lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp yêu cầu, khả năng của chủ đầu tư;

- Vận dụng kiến thức về doanh nghiệp để giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động của doanh nghiệp;

- Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

- Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm.

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

- Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá; và phát triển kỹ năng lập luận, hùng biện của người học;

- Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động, làm việc nhóm, lập mục tiêu, phân tích chương trình.

2.4. Về thái độ.

Rèn luyện sinh viên có các phẩm chất chính trị, đạo đức như sau: Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc.

- Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường;

- Hình thành thái độ khách quan đối với lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể có liên

quan đến hoạt động kinh doanh, bao gồm lợi ích của thương nhân, chủ nợ của thương nhân, của người lao động và của Nhà nước.

- Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học.
- Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học.
- Có ý thức tuân thủ pháp luật;

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

MT / VĐ	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
1. Những vấn đề lý luận chung về doanh nghiệp và pháp luật về doanh nghiệp	**1A1.** Nêu được khái niệm thương nhân và dấu hiệu pháp lý để xác định thương nhân. **1A2.** Nêu được 3 loại thương nhân. **1A3.** Nêu được khái niệm trách nhiệm vô hạn, TNHH của thương nhân và các thương nhân phải chịu trách nhiệm vô hạn, hữu hạn. **1A4.** Nêu được khái niệm quyền tự do kinh doanh của thương nhân. **1A5.** Nêu được khái niệm doanh nghiệp và đặc điểm của doanh nghiệp **1A6.** Nêu được hệ thống pháp luật về doanh nghiệp	**1B1.** Phân tích được dấu hiệu pháp lý của thương nhân; phân biệt thương nhân với doanh nghiệp và chủ thể kinh doanh khác. **1B2.** Phân biệt được 3 loại thương nhân. **1B3.** Phân tích được chế độ trách nhiệm tài sản của thương nhân (chế độ trách nhiệm vô hạn, TNHH). **1B4.** Phân tích được khái niệm, nội dung của quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp. **1B5.** Phân tích các đặc điểm của mô hình doanh nghiệp. **1B6.** Phân biệt được một số loại hình doanh nghiệp theo chế độ sở hữu, chế độ chịu trách nhiệm v.v..	**1C1.** Bình luận được các quy định của pháp luật Việt Nam về thương nhân, doanh nghiệp. **1C2.** Bình luận được ý nghĩa của việc áp dụng chế độ trách nhiệm vô hạn và TNHH trong kinh doanh. **1C3.** Bình luận được vai trò của doanh nghiệp trong quá trình phát triển của nền kinh tế và vai trò của pháp luật doanh nghiệp trong việc quản lý sự vận động của doanh nghiệp

2. Quy chế pháp lý về doanh nghiệp tư nhân	**2A1.** Nêu được khái niệm DNTN. **2A2.** Nêu được các dấu hiệu pháp lý của DNTN. **2A3.** Nêu được các quyền của chủ DNTN đối với DNTN. **2A4.** Nêu được quyền cho thuê DNTN **2A5.** Nêu được quyền bán DNTN	**2B1.** Phân tích được dấu hiệu pháp lý của DNTN. **2B2.** Phân tích được các quyền và nghĩa vụ của chủ DNTN đối với DNTN. **2B3.** Phân tích được đặc trưng của quyền cho thuê và quyền bán DNTN. **2B4.** Phân tích được ưu nhược điểm của mô hình DNTN.	**2C1.** Bình luận và lý giải được vì sao trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung và bao cấp không có loại hình DNTN. **2C2.** Bình luận được mối quan hệ giữa DNTN và chủ DNTN.
3. Quy chế pháp lý về công ty hợp danh	**3A1.** Nêu được khái niệm và đặc điểm pháp lý của công ty hợp danh. **3A2.** Nêu được dấu hiệu pháp lý của công ty hợp danh theo quy định của pháp luật Việt Nam. **3A3.** Nêu được đặc trưng về quy chế pháp lý thành viên trong công ty hợp danh **3A4.** Nêu được cơ cấu tài sản của công ty hợp danh.	**3B1.** Phân tích được dấu hiệu đặc trưng của công ty hợp danh. **3B2.** Phân tích đặc điểm pháp lý của công ty hợp danh theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. **3B3.** Phân tích được chế độ trách nhiệm vô hạn và TNHH của 2 loại thành viên công ty hợp danh. **3B4.** Phân tích được nghĩa vụ góp vốn của thành viên công ty hợp danh.	**3C1.** Bình luận được về tư cách pháp nhân của công ty hợp danh theo pháp luật Việt Nam. **3C2.** Đưa ra được quan điểm đánh giá về công ty hợp danh theo pháp luật Việt Nam với công ty hợp danh theo quan niệm truyền thống ở nhiều nước trên thế giới. **3C3.** Bình luận được về sự liên đới chịu trách nhiệm vô hạn của các thành viên hợp danh. **3C4.** Bình luận được về những hạn chế của thành viên hợp danh trong công ty hợp danh.
4. Quy chế pháp lý về công ty cổ phần	**4A1.** Nêu được khái niệm về CTCP và đặc điểm pháp lý của CTCP. **4A2.** Nêu được khái	**4B1.** Phân tích được đặc điểm pháp lý của CTCP và so sánh CTCP với một số loại công ty	**4C1.** Bình luận được quy định về các loại cổ phần của CTCP. **4C2.** Đánh giá được ưu thế

	niệm: vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu, cổ tức, trái phiếu của CTCP. **4A3.** Nêu được phương thức huy động vốn của CTCP, kiện mua lại và chuyển nhượng cổ phần. **4A4.** Nêu được quy chế pháp lý về cổ đông trong CTCP.	khác. **4B2.** Phân biệt được 2 loại chứng khoán do CTCP phát hành (cổ phiếu, trái phiếu). **4B3.** Phân tích được phương thức huy động vốn chủ yếu của CTCP (phát hành chứng khoán). **4B4.** Phân biệt được chuyển nhượng cổ phần và mua lại cổ phần.	của CTCP so với các loại hình công ty khác thông qua các đặc điểm pháp lý về vốn. **4C3.** Bình luận được quy định về mua lại cổ phần của CTCP.
5. Quy chế pháp lý về công ty trách nhiệm hữu hạn	**5A1.** Nêu được khái niệm và các đặc điểm của công ty TNHH hai thành viên trở lên. **5A2.** Nêu được khái niệm và đặc điểm của công ty TNHH 1 thành viên. **5A3.** Nêu được phương thức góp vốn của thành viên vào công ty TNHH. **5A4.** Nêu được thủ tục tăng, giảm vốn điều lệ của công ty TNHH. **5A5.** Nêu được thủ tục chuyển nhượng vốn của thành viên công ty TNHH. **5A6.** Nêu được thủ tục mua lại vốn góp của thành viên công ty TNHH.	**5B1.** Phân biệt được công ty TNHH hai thành viên trở lên với các chủ thể kinh doanh khác như CTCP, công ty hợp danh… **5B2.** Phân biệt được công ty TNHH một thành viên với DNTN. **5B3.** Phân tích được quyền phát hành chứng khoán của công ty TNHH. **5B4.** Phân tích được những điều kiện giảm vốn điều lệ của công ty TNHH và ý nghĩa của quy định này. **5B5.** Phân biệt được chuyển nhượng vốn và mua lại vốn góp của công ty TNHH.	**5C1.** Bình luận được quy định về vi phạm nghĩa vụ góp vốn. **5C2.** Bình luận được quy định về chuyển nhượng vốn của công ty TNHH. **5C3.** Bình luận được quy định về mua lại vốn góp của thành viên công ty TNHH.

	5A7. Nêu được quy chế pháp lý về thành viên trong công ty TNHH		
6. Một số vấn đề pháp lý đặc thù về doanh nghiệp nhà nước	**6A1.** Nêu được đặc trưng pháp lý của doanh nghiệp nhà nước. **6A2.** Kể được các cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước. **6A3.** Nêu được các hình thức chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước. **6A4.** Nêu được cơ chế đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước.	**6B1.** Phân biệt được doanh nghiệp có vốn nhà nước và doanh nghiệp nhà nước. **6B2.** Phân tích được nội dung quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối doanh nghiệp có vốn nhà nước. **6B3.** Phân biệt được các hình thức chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước. **6B4.** Vận dụng được các quy định pháp luật để giải quyết các tình huống cụ thể liên quan đến doanh nghiệp nhà nước.	**6C1.** Nhận xét được các quy định của pháp luật hiện hành về thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước. **6C2.** Nhận định tổng quan được về các hình thức chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước. **6C3.** Đánh giá được thực trạng các quy định pháp luật về đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước.
7. Một số vấn đề pháp lý về nhóm công ty	**7A1.** Nêu được khái niệm và đặc điểm pháp lý của nhóm công ty. **7A2.** Nêu được 3 hình thức tồn tại của nhóm công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014. **7A3.** Nêu được khái niệm và đặc điểm pháp lý của nhóm công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con.	**7B1.** Phân biệt được nhóm công ty với các hình thức tổ chức kinh doanh khác như công ty cổ phần, công ty TNHH. **7B2.** Phân tích được điểm khác biệt cơ bản giữa hoạt động nhóm công ty và sự hợp tác kinh doanh của các công ty. **7B3.** Phân tích được mối quan hệ giữa công	**7C1.** Bình luận và đánh giá được các quy định về tập đoàn kinh tế nhà nước. **7C2.** Bình luận được các quy định liên quan đến các tập đoàn kinh tế tư nhân. **7C3.** Bình luận được mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con theo quy định của pháp luật hiện hành.

	7A4. Nêu được khái niệm và đặc điểm pháp lý của nhóm công ty hoạt động theo mô hình tập đoàn kinh tế.	ty mẹ và công ty con trong hoạt động nhóm công ty. **7B4.** Phân tích được các nghĩa vụ tài chính thực hiện trong quá trình hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con. **7B5.** Phân tích và nhận diện được mô hình tập đoàn kinh tế, so sánh tập đoàn kinh tế với mô hình công ty mẹ, công ty con, và các loại hình công ty khác.	
8. Quy chế pháp lý về thành lập doanh nghiệp	**8A1.** Nêu được đối tượng có quyền tham gia thành lập doanh nghiệp. **8A2.** Nêu được các điều kiện thành lập doanh nghiệp: điều kiện về ngành nghề kinh doanh, điều kiện về vốn v.v.. **8A3.** Nêu được những loại giấy tờ hồ sơ thành lập, cơ quan có thẩm quyền cấp ĐKDN, điều kiện, thời hạn cấp ĐKDN, thời điểm khai sinh tư cách pháp lý cho doanh nghiệp và thời điểm hoạt động của doanh nghiệp.	**8B1.** Phân biệt được thủ tục thành lập các loại doanh nghiệp khác nhau theo Luật doanh nghiệp năm 2014. **8B2.** Phân tích được các loại điều kiện về kinh doanh ngành nghề: giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, chấp nhận khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền **8B3.** Vận dụng được các quy định pháp luật hiện hành để giải quyết tình huống liên quan đến	**8C1.** Bình luận được các quy định pháp luật hiện hành về thành lập doanh nghiệp đối với các loại hình doanh nghiệp. **8C2.** Đánh giá được ý nghĩa pháp lý của việc thành lập doanh nghiệp và đăng kí doanh nghiệp **8C3.** Bình luận được quy định về danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện được liệt kê trong phụ lục của Luật đầu tư năm 2014.

		thành lập doanh nghiệp.	
9. Quy chế pháp lý về tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp	**9A1.** Nêu được 5 hình thức tổ chức lại doanh nghiệp. **9A2.** Nêu được trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp bị cấm thực hiện. **9A3.** Nêu được trường hợp giải thể doanh nghiệp. **9A4.** Nêu được thủ tục giải thể doanh nghiệp.	**9B1.** Phân tích được tác dụng của các quy định về tổ chức lại doanh nghiệp. **9B2.** Phân tích và so sánh được các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp. **9B3.** Phân tích được lý do pháp luật cấm một số trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp.**B4.** Phân biệt được giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc	**9C1.** Bình luận và đánh giá được các quy định về tổ chức lại doanh nghiệp trong Luật doanh nghiệp năm 2014, Luật doanh nghiệp năm 2005. **9C2.** Bình luận được các quy định liên quan đến các trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp bị cấm thực hiện. **9C3.** Bình luận được quy định phân chia tài sản khi giải thể doanh nghiệp.

4. HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
45	09 vấn đề	20	20		5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-6	**Vấn đề 1:** Giới thiệu đề cương môn học, gồm những thông tin về môn học như: Số tín chỉ; đội ngũ giảng viên của bộ môn; mục tiêu chung, mục tyêu chi tiết của môn học; hình thức tổ chức dạy-học; vấn	- GV sinh hoạt chung về môn học, và giao chủ đề cho nhóm làm báo cáo.	- Sv lắng nghe và nhận bài tập từ GV. - SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả

	để kiểm tra, đánh giá; - Tổng quan môn học: Vị trí của môn học luật doanh nghiệp (luật doanh nghiệp là môn khoa học, là ngành luật, là môn học); các khái niệm, phạm trù; các thành tựu của môn khoa học luật thương mại; các vấn đề mà môn khoa học luật thương mại đang tiếp tục nghiên cứu; - Chia nhóm sinh viên, cử nhóm trưởng; - Giới thiệu các vấn đề cơ bản về thương nhân và doanh nghiệp. Cụ thể: + Về thương nhân, bao gồm các nội dung: Khái niệm, đặc điểm thương nhân; phân loại thương nhân; + Về doanh nghiệp, bao gồm các vấn đề: Khái niệm, đặc điểm của doanh nghiệp, phân loại các doanh nghiệp; + Hệ thống pháp luật về doanh nghiệp.	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 7-9	**Vấn đề 2: Doanh nghiệp tư nhân** - Giới thiệu khái niệm DNTN; - Giới thiệu đặc điểm của DNTN với tính chất là doanh nghiệp một chủ sở hữu; - Giới thiệu các quy định về quyền của chủ DNTN; - Tình huống. - Giải quyết tình huống liên quan đến DNTN.	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 10-15	***Vấn đề 3.* Công ty hợp danh** - Giới thiệu khái niệm và đặc điểm về công ty hợp danh; - Giới thiệu về quy chế thành viên trong	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thực hiện thuyết trình bài báo

	công ty hợp danh; - Trách nhiệm vô hạn của chủ DNTN và thành viên hợp danh; - Những đặc trưng của thành viên hợp danh trong công ty hợp danh; - So sánh DNTN và công ty hợp danh; - Tình huống. - Chọn BT nhóm số 1; - Nghiên cứu và xác định hướng triển khai BT; - Phân công công việc cho các thành viên. - Quan niệm về tư cách pháp nhân của công ty hợp danh; - Trách nhiệm tài sản của thành viên công ty hợp danh.	các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận.	cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.
Tiết 16 – 24	***Vấn đề 4:* Công ty trách nhiệm hữu hạn** - Giới thiệu khái niệm, đặc điểm của công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty TNHH 1 thành viên; - Giới thiệu về vốn của công ty TNHH; - Giới thiệu về việc chuyển nhượng và mua lại vốn của các thành viên công ty TNHH - Giải quyết tình huống liên quan đến bản chất pháp lý của công ty TNHH.	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 25-30	***Vấn đề 5*: Công ty cổ phần** - Giới thiệu khái niệm, đặc điểm pháp lý của CTCP; - Giới thiệu các các vấn đề lý luận và quy	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo

	định pháp luật về vốn của CTCP, bao gồm: + Các loại cổ phần, cổ phiếu; + Tài sản góp vốn và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn. - Quy chế pháp lý về cổ đông trong công ty cổ phần. Mua lại, chuyển nhượng vốn của công ty CP; - Bình luận về ưu thế của CTCP so với các loại hình công ty khác; - Giải quyết tình huống liên quan đến bản chất pháp lý của CTCP.	hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 31-33	***Vấn đề 6:*** **Doanh nghiệp nhà nước** Khái niệm, đặc điểm và các loại doanh nghiệp có vốn nhà nước; - Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước; - Vấn đề chuyển đổi và chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp 100% vốn nhà nước. - Thảo luận đặc điểm và phân loại doanh nghiệp có vốn nhà nước; - Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước; - Vấn đề chuyển đổi và chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.
Tiết 34-36	***Vấn đề 7.*** **Một số vấn đề pháp lý về nhóm công ty**	- GV diễn giảng các kiến thức lý	- SV nghe giảng, ghi chép.

	- Khái niệm và đặc điểm pháp lý về nhóm công ty - Các hình thức nhóm công ty - Một số vấn đề pháp lý về công ty mẹ, công ty con - Một số vấn đề pháp lý về tập đoàn kinh tế	thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận.	- SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.
Tiết 37-39	***Vấn đề 8*: Quy chế pháp lý về thành lập doanh nghiệp** - Giới thiệu đối tượng có quyền thành lập doanh nghiệp. - Giới thiệu điều kiện thành lập doanh nghiệp: ngành nghề cấm kinh doanh, ngành nghề tự do kinh doanh, ngành nghề kinh doanh có điều kiện. - Giới thiệu thủ tục ĐKKD doanh nghiệp; - Tình huống về đăng kí doanh nghiệp; -Tình huống về quyền và nghĩa vụ của thành viên công ty. Tự tìm hiểu và nghiên cứu các vấn đề nhằm thực hiện các mục tyêu trong vấn đề thứ 8: Thành lập doanh nghiệp và quy chế thành viên. Cơ cấu bộ máy tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thể thức hoạt động của các cơ quan trong bộ máy tổ chức quản lý doanh nghiệp; - Giới thiệu mô hình tổ chức quản lý các loại hình doanh nghiệp;	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 40-45	***Vấn đề 9*. Quy chế pháp lý về tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp**	Tóm lược các nội dung cơ bản,	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc

	- Giới thiệu các trường hợp giải thể doanh nghiệp; - Thủ tục giải thể doanh nghiệp; - Điều kiện giải thể. **ÔN TẬP**	giải đáp thắc mắc của sinh viên	mắc.

5. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	**Chuyên cần**	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	**Thường xuyên**	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm **Tổng: 10 điểm**	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh gia bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	10

3	**Thi kết thúc HP**	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi.	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1 Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình luật thương mại tập 1*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

2 Luật Doanh nghiệp năm 2014

3 Nghị Định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp

4 Nghị Định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/08/2018 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Trường ĐH Luật Tp HCM (2018), *Giáo Pháp luật về chủ thể kinh doanh,* Nxb Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam.

2. Bùi Ngọc Sơn (2011), *Giáo trình pháp luật doanh nghiệp*, Nxb ĐH Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội.

3. Nguyễn Thị Khế, Bùi Thị Khuyên (2002), *Luật kinh doanh (Luật kinh tế),* Nxb thống kê, Tp HCM.

4. Ngô Huy Cương (2013), Bài tập tình huống, bản án, câu hỏi ôn tập và gợi ý nghiên cứu (Luật kinh doanh), Nxb ĐH Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội.

5. Trương Nhật Quang (2015), *Pháp luật về doanh nghiệp – các vấn đề pháp lý cơ bản*, Nxb Dân Trí, Tp HCM

6. Bùi Xuân Hải (2011), *Luật doanh nghiệp bảo vệ cổ đông và thực tiễn*, Nxb CTQG – Sự Thật, Hà Nội

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

P. HIỆU TRƯỞNG	P. TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Văn Quang	Nguyễn Chí Dũng	TS. Nguyễn Thị Cẩm Hồng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

NAM CAN THO UNIVERSITY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LUẬT THƯƠNG MẠI 2

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-ĐHNCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

BẢNG TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
BT	Bài tập
CAND	Công an nhân dân
CTQG	Chính trị quốc gia
LT	Lý thuyết
LVN	Làm việc nhóm
MT	Mục tiêu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ
KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
LUẬT THƯƠNG MẠI 2

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC.

- Tên môn học: Luật thương mại 2
- Đối tượng áp dụng: + Ngành Luật
  + Bậc học: Đại học
  + Hệ Chính quy
- Số tín chỉ: 03; Số tiết: 45 tiết lý thuyết
- Giảng viên phụ trách: Khoa Luật
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01 - Khu Hiệu Bộ - Số 168, Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC.

Sau khi học xong môn học Luật thương mại 2 sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

2.1. Về kiến thức.

- Nêu và phân tích được các đặc trưng pháp lý của các hoạt động mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thương mại, trung gian thương mại, xúc tiến thương mại, đấu thầu, đấu giá, dịch vụ logistics và một số hoạt động thương mại khác;
- Xác định được quy định về quyền và nghĩa cơ bản của thương nhân khi tiến hành các hoạt động thương mại nói trên;
- Xác định được quy định cơ bản về hình thức và nguyên tắc áp dụng chế tài trong thương mại;
- Xác định được tranh chấp thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại trong nền kinh tế thị trường;

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kĩ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật thương mại.

- Thành thạo một số kĩ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh;
- Vận dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong thương mại;
- Vận dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại;
- Có kĩ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết

trình, kỹ năng giao tiếp.

- Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

- Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá; và phát triển kĩ năng lập luận, hùng biện của người học;

- Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động, làm việc nhóm, lập mục tiêu, phân tích chương trình.

2.4. Về thái độ.

- Rèn luyện sinh viên có các phẩm chất chính trị, đạo đức như sau: Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc.

- Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do hợp đồng, quyền tự do hoạt động thương mại của tổ chức, cá nhân;

- Hình thành thái độ khách quan đối với lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể có liên quan đến hoạt động kinh doanh, bao gồm lợi ích của thương nhân, chủ nợ của thương nhân, của người lao động và của Nhà nước.

- Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học.

- Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học.

- Có ý thức tuân thủ pháp luật;

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

MT / VĐ	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
1. Pháp luật về mua bán hàng hoá	**1A1.** Nêu được khái niệm và đặc điểm của mua bán hàng hoá. **1A2.** Nêu được nguồn luật cơ bản điều chỉnh quan hệ mua bán hàng hoá. **1A3.** Nêu được khái niệm và 4 đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hoá. **1A4.** Nêu được những nội dung của hợp đồng mua bán hàng hoá. **1A5.** Nêu được 3 vấn đề pháp lí cơ bản của việc giao kết hợp	**1B1.** Phân biệt được mua bán hàng hoá với hàng đổi hàng, tặng cho hàng hoá, cho thuê hàng hoá; Phân biệt được mua bán hàng hoá với thương mại hàng hoá. **1B2.** Phân tích được điều kiện áp dụng các nguồn luật điều chỉnh quan hệ mua bán hàng hoá. **1B3.** Phân tích được 4 đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hoá.	**1C1.** Bình luận được về việc Luật thương mại năm 2005 bỏ quy định về những nội dung chủ yếu của hợp đồng mua bán hàng hoá.

	đồng mua bán hàng hoá. **1A6.** Nêu được 5 điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hoá. **1A7.** Nêu được 3 nguyên tắc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá; Nêu được quyền và nghĩa vụ cơ bản của bên bán và bên mua. **1A8.** Nêu được khái niệm mua bán hàng hoá qua sở giao dịch.	**1B4.** Phân tích được nội dung chủ yếu của hợp đồng mua bán hàng hoá. **1B5.** Phân tích được vấn đề giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá như: Đề nghị giao kết hợp đồng; chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng và thời điểm giao kết, hiệu lực của hợp đồng. **1B6.** Phân tích được các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hoá. **1B7.** Phân tích được cụ thể các nghĩa vụ của bên bán và bên mua.	
2. Những vấn đề chung về cung ứng dịch vụ thương mại	**2A1.** Nêu được khái niệm, đặc điểm của dịch vụ. **2A2.** Nêu được khái niệm, đặc điểm của cung ứng dịch vụ thương mại. **2A3.** Kể tên được những dịch vụ thương mại cụ thể được điều chỉnh bởi Luật thương mại năm 2005. **2A4.** Nêu được quyền và nghĩa vụ của bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ trong hợp đồng cung ứng dịch vụ thương mại.	**2B1.** Phân tích được khái niệm, đặc điểm của cung ứng dịch vụ thương mại. **2B2.** Phân biệt được dịch vụ và hàng hoá. **2B3.** Phân biệt được cung ứng dịch vụ với mua bán hàng hoá thông thường. **2B4.** Phân tích được quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng cung ứng dịch vụ.	**2C1.** Bình luận được các quy định của pháp luật Việt Nam về cung ứng dịch vụ thương mại so với pháp luật của một số nước trên thế giới.
3. Pháp luật về đại diện cho thương nhân và môi giới thương	**3A1.** Nêu được khái niệm và đặc điểm của hoạt động đại diện cho thương nhân và hoạt động môi giới thương mại. **3A2.** Nêu được nguyên tắc xác định quyền và nghĩa vụ cũng như các quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên trong quan hệ đại diện cho thương	**3B1.** Phân tích được đặc điểm của hoạt động đại diện cho thương nhân và hoạt động môi giới thương mại. **3B2.** So sánh được đại diện cho thương nhân với đại diện theo uỷ quyền theo quy định của Bộ luật dân	**3C1.** Bình luận được những điểm đặc thù của hoạt động đại diện cho thương nhân với tư cách là hoạt động thương mại trong mối quan hệ với đại diện theo uỷ quyền. **3C2.** Nhận xét được các

mại	nhân và môi giới thương mại. **3A3.** Nêu được 4 vấn đề pháp lí liên quan đến thời hạn đại diện cho thương nhân.	sự năm 2005. **3B3.** So sánh được đại diện cho thương nhân và môi giới thương mại. **3B4.** Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lí cụ thể liên quan đến quyền và nghĩa vụ của bên đại diện, bên giao đại diện đối với nhau và đối với bên thứ ba; quyền và nghĩa vụ của bên môi giới và bên được môi giới với nhau.	quy định của pháp luật hiện hành về quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ đại diện cho thương nhân và môi giới thương mại. **3C3.** Đưa ra được ý kiến cá nhân về quy định thời hạn đại diện cho thương nhân theo Luật thương mại năm 2005.
4. Pháp luật về uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lí thương mại	**4A1.** Nêu được khái niệm và đặc điểm của hoạt động uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lí thương mại. **4A2.** Nêu được nguyên tắc xác định quyền và nghĩa vụ cũng như các quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên trong quan hệ uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lí thương mại. **4A3.** Nêu được 4 hình thức đại lí. **4A4.** Nêu được 3 vấn đề pháp lí liên quan đến thời hạn đại lí.	**4B1.** Phân tích được đặc điểm của hoạt động uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lí thương mại. **4B2.** So sánh được đại lí thương mại với đại diện cho thương nhân và uỷ thác mua bán hàng hoá. **4B3.** Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lí cụ thể liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lí thương mại. **4B4.** Phân tích được đặc điểm của 4 hình thức đại lí.	**4C1.** Nhận xét được quy định của pháp luật hiện hành (trong Luật thương mại năm 2005, Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật du lịch...) về khái niệm đại lí thương mại và đại lí trong các lĩnh vực cụ thể như đại lí bảo hiểm, đại lí du lịch lữ hành... **4C2.** Nhận xét được quy định của pháp luật về đại lí thương mại và uỷ thác mua bán hàng hoá. **4C3.** Bình luận được cách quy định của pháp luật hiện hành về quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ đại diện cho thương nhân và môi giới thương mại, đại lí thương mại, uỷ thác mua bán hàng hoá và đưa ra được ý kiến cá nhân về vấn đề này.

			4C4. Đưa ra được ý kiến cá nhân về những điểm chung của các hoạt động: Đại diện cho thương nhân, môi giới thương mại, uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lí thương mại.
5. Pháp luật về khuyến mại và quảng cáo thương mại	**5A1.** Nêu được đặc điểm của khuyến mại và quảng cáo thương mại. **5A2.** Trình bày được 8 hình thức khuyến mại. **5A3.** Nêu được hạn mức giá trị khuyến mại và thời gian khuyến mại. **5A4.** Nêu được các văn bản pháp luật và nội dung quy định của pháp luật hiện hành về sản phẩm quảng cáo và cách thức phát hành sản phẩm quảng cáo ra công chúng. **5A5.** Trình bày được chủ thể khuyến mại và chủ thể quảng cáo. **5A6.** Trình bày được quy định của pháp luật về thủ tục khuyến mại, quảng cáo. **5A7.** Nêu được 10 hoạt động khuyến mại, quảng cáo bị cấm.	**5B1.** Phân biệt được khuyến mại và quảng cáo thương mại; phân biệt được khuyến mại, quảng cáo với các hình thức xúc tiến thương mại khác. **5B2.** Phân biệt được một số hình thức khuyến mại gần giống nhau. **5B3.** Hiểu và so sánh được với một số quy định tương tự trong Luật cạnh tranh. **5B4.** Phân tích được mối liên hệ giữa quảng cáo thương mại với các hình thức thông tin khác. **5B5.** Phân biệt được thương nhân tự khuyến mại, quảng cáo và thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại, quảng cáo. **5B6.** Vận dụng để nhận diện được các hành vi vi phạm pháp luật về khuyến mại, quảng cáo.	**5C1.** Bình luận được về cách định nghĩa 2 hoạt động thương mại này trong quy định của pháp luật hiện hành và Luật thương mại năm 1997. **5C2.** Đánh giá được tính hợp lí của quy định pháp luật về hạn mức giá trị khuyến mại. **5C3.** Đánh giá được sự chồng chéo, trùng lặp của các quy định pháp luật hiện hành về quảng cáo. **5C4.** Bình luận, đánh giá được về nghĩa vụ tuân thủ pháp luật khuyến mại, quảng cáo, trách nhiệm pháp lí đối với vi phạm pháp luật trong khi hoạt động khuyến mại, quảng cáo của thương nhân kinh doanh dịch vụ. **5C5.** Đánh giá được những rào cản hành chính trong thủ tục quảng cáo. **5C6.** Liên hệ được với các quy định về xử lí vi phạm hành chính trong hoạt động khuyến mại,

			quảng cáo.
6. Pháp luật về dịch vụ logistics	**6A1.** Nhận diện được 6 dịch vụ cụ thể thuộc phạm vi của dịch vụ logistics. **6A2.** Trình bày được lịch sử hình thành và phát triển của dịch vụ logistics. **6A3.** Nêu được giới hạn trách nhiệm của người kinh doanh dịch vụ logistics.	**6B1.** Phân tích được khái niệm và đặc điểm của dịch vụ logistics. **6B2.** Hiểu được chuỗi dịch vụ logistics. **6B3.** Phân tích được khái niệm và nội dung của hợp đồng dịch vụ logistics. **6B4.** Vận dụng được lí thuyết đã học để xác định vai trò, chức năng cụ thể của người kinh doanh dịch vụ logistics.	**6C1.** Đánh giá được thực trạng việc thực hiện kinh doanh dịch vụ logistics và pháp luật điều chỉnh kinh doanh dịch vụ logistics ở Việt Nam trong mối quan hệ so sánh với hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics, pháp luật điều chỉnh hoạt động đó ở một số nước. **6C2.** Đưa ra được quan điểm cá nhân góp phần xây dựng các quy định pháp lí phù hợp để điều chỉnh hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics ở Việt Nam.
7. Pháp luật về đấu giá hàng hoá	**7A1.** Nêu được khái niệm đấu giá hàng hoá. **7A2.** Nêu được 3 đặc điểm của đấu giá hàng hoá. **7A3.** Nêu được 2 hình thức đấu giá hàng hoá. **7A4.** Nêu được 4 chủ thể tham gia quan hệ đấu giá hàng hoá. **7A5.** Nêu được 3 nguyên tắc cơ bản trong đấu giá hàng hoá. **7A6.** Nêu được khái quát thủ tục và trình tự đấu giá hàng hoá.	**7B1.** Phân tích được đặc điểm của đấu giá hàng hoá. **7B2.** Phân tích được các hình thức đấu giá hàng hoá. **7B3.** Phân tích được quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quan hệ đấu giá hàng hoá. **7B4.** Phân tích được các nguyên tắc cơ bản trong đấu giá hàng hoá. **7B5.** Phân tích được nội dung của từng thủ tục và trình tự đấu giá hàng hoá.	**7C1.** Nhận xét được về nhận định: Đấu giá hàng hoá là hình thức bán hàng đặc biệt. **7C2.** Đánh giá được những ưu điểm và nhược điểm của các hình thức đấu giá hàng hoá. **7C3.** Bình luận và lí giải được tại sao pháp luật lại cấm một số đối tượng tham gia trả giá.
8. Pháp luật về đấu thầu hàng	**8A1.** Nêu được khái niệm đấu thầu hàng hoá, dịch vụ. **8A2.** Nêu được 4 đặc điểm của đấu thầu hàng hoá, dịch vụ.	**8B1.** Phân tích được 4 đặc điểm của đấu thầu hàng hoá, dịch vụ. **8B2.** Phân tích được 4 loại đấu thầu hàng hoá, dịch vụ	**8C1.** Nhận xét được về nhận định: Đấu thầu hàng hoá, dịch vụ là hình thức mua hàng đặc biệt.

hoá, dịch vụ	**8A3.** Nêu được 2 tiêu chí phân loại đấu thầu hàng hoá, dịch vụ. **8A4.** Nêu được 6 nguyên tắc cơ bản trong đấu thầu hàng hoá, dịch vụ. **8A5.** Nêu được khái quát thủ tục và trình tự đấu thầu hàng hoá, dịch vụ.	theo 2 tiêu chí đấu thầu. **8B3.** Phân tích được 6 nguyên tắc cơ bản trong đấu thầu hàng hoá, dịch vụ. **8B4.** Phân tích được nội dung của thủ tục và trình tự đấu thầu hàng hoá, dịch vụ.	**8C2.** Đánh giá được những ưu điểm và nhược điểm của các loại đấu thầu hàng hoá, dịch vụ.
9. Pháp luật về một số hoạt động thương mại khác	**9A1.** Nêu được khái niệm về gia công trong thương mại. **9A2.** Trình bày được hình thức và những nội dung cơ bản của hợp đồng gia công. **9A3.** Trình bày được quyền và nghĩa vụ của bên đặt gia công và bên nhận gia công hàng hoá. **9A4.** Trình bày được khái niệm cho thuê hàng hoá. **9A5.** Trình bày được hình thức và những nội dung cơ bản của hợp đồng cho thuê hàng hoá. **9A6.** Trình bày được quyền và nghĩa vụ của bên cho thuê và bên thuê hàng hoá. **9A7.** Trình bày được khái niệm dịch vụ giám định thương mại. **9A8.** Trình bày được quyền và nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định. **9A9.** Trình bày được giá trị pháp lí của chứng thư giám định.	**9B1.** Phân biệt được hợp đồng gia công với hợp đồng hợp tác kinh doanh. **9B2.** Phân tích được quy định về hàng hoá gia công. **9B3.** Phân tích được những đặc điểm pháp lí của hợp đồng cho thuê hàng hoá và phân biệt hợp đồng cho thuê hàng hoá với hợp đồng thuê mua hàng hoá. **9B4.** Phân tích được các quy định của pháp luật về trách nhiệm đối với khiếm khuyết của hàng hoá cho thuê. **9B5.** Phân tích được 4 đặc điểm pháp lí của dịch vụ giám định thương mại. **9B6.** Phân tích được các điều kiện kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.	**9C1.** Bình luận được quy định của pháp luật về gia công hàng hoá cho thương nhân nước ngoài. **9C2.** Bình luận được các quy định của pháp luật về chuyển rủi ro đối với hàng hoá cho thuê; cho thuê lại hàng hoá. **9C3.** Bình luận được các quy định của pháp luật về lợi ích phát sinh từ hàng hoá trong thời hạn thuê; thay đổi quyền sở hữu hàng hoá trong thời hạn thuê. **9C4.** Bình luận được quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ giám định. **9C5.** Bình luận được quy định của pháp luật về giám định theo yêu cầu của cơ quan nhà nước.
10. Chế tài thương mại	**10A1.** Trình bày được khái niệm về chế tài thương mại. **10A2.** Nêu được 4 căn cứ áp dụng chế tài thương mại. **10A3.** Nêu được nội dung và	**10B1.** Phân tích được đặc điểm của chế tài thương mại. **10B2.** Phân tích được nội dung quy định về căn cứ áp	**10C1.** Bình luận được quy định của pháp luật về căn cứ áp dụng chế tài thương mại. **10C2.** Bình luận được

	ý nghĩa của chế tài buộc thực hiện đúng hợp đồng. **10A4.** Nêu được nội dung và ý nghĩa của chế tài phạt vi phạm. **10A5.** Nêu được nội dung và ý nghĩa của chế tài bồi thường thiệt hại. **10A6.** Trình bày được nội dung và ý nghĩa của các chế tài tạm ngừng, đình chỉ và huỷ bỏ hợp đồng. **10A7.** Trình bày được các căn cứ miễn áp dụng chế tài thương mại.	dụng chế tài thương mại. **10B3.** Phân tích được căn cứ áp dụng chế tài buộc thực hiện đúng hợp đồng. **10B4.** Phân tích được căn cứ áp dụng chế tài phạt vi phạm. **10B5.** Phân tích được căn cứ áp dụng chế tài bồi thường thiệt hại. **10B6.** Phân tích được căn cứ áp dụng các chế tài tạm ngừng, đình chỉ và huỷ bỏ hợp đồng. **10B7.** Phân tích được nội dung và ý nghĩa của các trường hợp miễn áp dụng chế tài thương mại.	quy định của pháp luật về mức phạt vi phạm. **10C3.** Bình luận được quy định của pháp luật về các khoản thiệt hại được bồi thường. **10C4.** Bình luận được quy định của pháp luật về căn cứ áp dụng chế tài huỷ bỏ hợp đồng. **10C5.** Bình luận được quy định của pháp luật về căn cứ miễn chế tài thương mại theo sự thoả thuận trong hợp đồng của các bên.

4. LỊCH TRÌNH CHI TIẾT

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-6	1.1. Khái quát về mua bán hàng hoá 1.1.1. Khái niệm mua bán hàng hoá 1.1.2. Nguồn luật điều chỉnh các quan hệ mua bán hàng hoá 1.2. Hợp đồng mua bán hàng hoá trong thương mại 1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hoá 1.2.2. Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hoá 1.2.3. Giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá 1.2.4. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hoá 1.2.5. Thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá 1.2.6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hoá	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống

Tiết 7-9	**Chương 2: Những vấn đề chung về cung ứng dịch vụ thương mại** 2.1. Khái niệm, đặc điểm của dịch vụ 2.2. Khái niệm, đặc điểm của cung ứng dịch vụ thương mại 2.3. Các dịch vụ thương mại theo Luật thương mại năm 2005 2.4. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng cung ứng dịch vụ thương mại 2.4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ thương mại 2.4.2. Quyền và nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ thương mại	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 10-12	**Chương 3. Pháp luật về đại diện cho thương nhân và môi giới thương mại** 3.1. Đại diện cho thương nhân 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm 3.1.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ đại diện cho thương nhân 3.1.3. Chấm dứt hợp đồng đại diện cho thương nhân 3.2. Môi giới thương mại 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm 3.2.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ môi giới thương mại	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 13-15	**Chương 4: Pháp luật về uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lí thương mại** 4.1. Uỷ thác mua bán hàng hoá 4.1.1. Khái niệm, đặc điểm 4.1.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ uỷ thác mua bán hàng hoá 4.2. Đại lí thương mại 4.2.1. Khái niệm, đặc điểm	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	4.2.2. Các hình thức đại lí 4.2.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ đại lí 4.2.4. Chấm dứt hợp đồng đại lí		
Tiết 16-18	**Chương 5: Pháp luật về khuyến mại và quảng cáo thương mại** 5.1. Khuyến mại 5.1.1. Khái niệm, đặc điểm 5.1.2. Các hình thức khuyến mại và hạn mức khuyến mại 5.1.3. Thủ tục thực hiện khuyến mại 5.1.4. Các hoạt động khuyến mại bị cấm thực hiện 5.2. Quảng cáo thương mại 5.2.1. Khái niệm, đặc điểm 5.2.2. Nội dung và phương tiện quảng cáo thương mại 5.2.3. Các chủ thể tham gia vào quá trình quảng cáo 5.2.4. Thủ tục thực hiện quảng cáo thương mại 5.2.5. Các hoạt động quảng cáo thương mại bị cấm thực hiện	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 19-21	**Chương 6: Pháp luật về dịch vụ logistics** 6.1. Khái niệm và đặc điểm của dịch vụ logistics 6.2. Chuỗi dịch vụ logistics 6.3. Hợp đồng dịch vụ logistics 6.4. Điều kiện để kinh doanh dịch vụ logistics và giới hạn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics.	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 22-28	**Chương 7. Pháp luật về đấu giá hàng hoá** 7.1. Khái niệm và đặc điểm của đấu giá hàng hoá 7.1.1. Khái niệm đấu giá hàng hoá	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn,	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	7.1.2. Đặc điểm của đấu giá hàng hoá 7.2. Các hình thức đấu giá hàng hoá 7.2.1. Đấu giá theo phương thức trả giá lên và đấu giá theo phương thức đặt giá xuống 7.2.2. Đấu giá dùng lời nói và đấu giá không dùng lời nói 7.3. Chủ thể tham gia vào quan hệ đấu giá hàng hoá 7.3.1. Người bán hàng hoá 7.3.2. Người tổ chức bán đấu giá hàng hoá và người điều hành bán đấu giá 7.3.3. Người mua hàng hoá 7.4. Nguyên tắc cơ bản trong đấu giá hàng hoá 7.4.1. Nguyên tắc công khai 7.4.2. Nguyên tắc trung thực 7.4.3. Nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia 7.5. Thủ tục và trình tự đấu giá hàng hoá 7.5.1. Lập hợp đồng dịch vụ tổ chức bán đấu giá 7.5.2. Xác định giá khởi điểm 7.5.3. Chuẩn bị bán đấu giá hàng hoá 7.5.4. Tiến hành đấu giá hàng hoá 7.5.5. Hoàn thành văn bản bán đấu giá hàng hoá	giải đáp	
Tiết 29-34	**Chương 8: Pháp luật về đấu thầu hàng hoá, dịch vụ** 8.1. Khái niệm và đặc điểm của đấu thầu hàng hoá, dịch vụ 8.1.1. Khái niệm đấu thầu hàng hoá, dịch vụ 8.1.2. Đặc điểm của đấu thầu hàng hoá, dịch vụ 8.2. Phân loại đấu thầu hàng hoá, dịch vụ 8.2.1. Đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế 8.2.2. Đấu thầu một túi hồ sơ và đấu thầu hai túi hồ sơ	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	8.3. Nguyên tắc cơ bản trong đấu thầu hàng hoá, dịch vụ 8.3.1. Nguyên tắc coi trọng tính hiệu quả 8.3.2. Nguyên tắc cạnh tranh với điều kiện ngang nhau 8.3.3. Nguyên tắc thông tin đầy đủ, công khai 8.3.4. Nguyên tắc bảo mật thông tin đấu thầu 8.3.5. Nguyên tắc đánh giá khách quan, công bằng 8.4. Thủ tục và trình tự đấu thầu hàng hoá, dịch vụ 8.4.1. Mời thầu 8.4.2. Dự thầu 8.4.3. Mở thầu 8.4.4. Đánh giá và so sánh hồ sơ dự thầu 8.4.5. Xếp hạng và lựa chọn nhà thầu 8.4.6. Thông báo kết quả thầu và kí kết hợp đồng		
Tiết 35-40	**Chương 9. Pháp luật về một số hoạt động thương mại khác** 9.1. Gia công trong thương mại 9.1.1. Khái niệm và đặc điểm gia công trong thương mại 9.1.2. Hợp đồng gia công trong thương mại 9.2. Cho thuê hàng hoá 9.2.1. Khái niệm và đặc điểm cho thuê hàng hoá 9.2.2. Hợp đồng cho thuê hàng hoá 9.3. Dịch vụ giám định 9.3.1. Khái quát dịch vụ giám định 9.3.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ giám định 9.3.1. Khái quát dịch vụ giám định 9.3.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ giám định	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

Tiết 41-45	**Chương 10. Chế tài thương mại** 10.1. Khái niệm chế tài thương mại 10.2. Căn cứ áp dụng chế tài thương mại 10.3. Các hình thức chế tài thương mại 10.4. Miễn trách nhiệm **ÔN TẬP**	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

5. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC.

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	**Chuyên cần**	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	**Thường xuyên**	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm **Tổng: 10 điểm**	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh gia bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	10
3	**Thi kết thúc HP**	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 90 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi.	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1 Trường ĐH Luật Tp HCM (2018), *Pháp luật về hoàng hóa thương mại và dịch vụ*, Nxb Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam, Hà Nội

2 Luật thương mại năm 2005 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

3 Nghị định Số: 07/2016/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

4 Thông tư số 07/2007/TTLT-BTM-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều về hoạt động khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại được quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Lê Minh Hùng (2015), *Thời điểm giao kết hợp đồng*, Nxb Hồng Đức, Tp HCM.
2. Lê Minh Hùng (2015), *Hình thức của hợp đồng*, Nxb Hồng Đức, Tp HCM.
3. Lê Minh Hùng (2015), *Hiệu lực của hợp đồng*, Nxb Hồng Đức, Tp HCM.
4. Lê Trường Sơn (2016) *Giai đoạn tiền hợp đồng trong pháp luật Việt Nam*, Nxb Hồng Đức- Hội Luật Gia Việt Nam, Hà Nội.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

P. HIỆU TRƯỞNG	P. TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Văn Quang	Nguyễn Chí Dũng	TS. Nguyễn Thị Cẩm Hồng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

NAM CAN THO UNIVERSITY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-ĐHNCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ
KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Luật Thương mại quốc tế

- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật

+ Bậc học: Đại học

+ Hệ Chính quy

- **Số tín chỉ:** 02; **Số tiết:** 30 tiết

- **Giảng viên phụ trách:** Khoa Luật

- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C02- Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài) – Quận Ninh Kiều – Cần Thơ

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học Luật Thương mại quốc tế, sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

2.1. Về kiến thức

- Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về Luật Thương mại quốc tế như khái niệm thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế, chủ thể, nguồn của luật thương mại quốc tế ;

- Nêu và phân tích được một số nguyên tắc cơ bản của luật thương mại quốc tế;

- Xác định được các thiết chế cơ bản điều chỉnh thương mại quốc tế;

- Nêu và phân tích được các quy định cơ bản về thương mại hàng hóa quốc tế, thương mại dịch vụ, các quy định cơ bản của luật thương mại quốc tế liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, đầu tư nước ngoài;

- Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế;

- Xác định được pháp luật điều chỉnh những vấn đề liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế;

- Nêu và phân tích được các cơ chế giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế giữa các thương nhân;

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có khả năng đọc, hiểu và biết cách khai thác những văn bản pháp luật về lĩnh vực Thương mại quốc tế.

- Có khả năng phân tích những vấn đề pháp lý quan trọng trong thương mại quốc tế.

- Có khả năng đưa ra chính kiến, nhận xét, quan điểm của cá nhân về các hoạt động thương mại quốc tế đang diễn ra trên thực tế và những ý kiến đề xuất để khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại.

- Có khả năng soạn thảo, tư vấn đơn giản về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế;

- Có khả năng đánh giá những thuận lợi cũng như thách thức mà Việt Nam phải đối mặt khi hội nhập sâu rộng vào môi trường quốc tế.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có khả năng giao tiếp, lập luận, tranh luận, phản biện;

- Có khả năng tự cập nhật kiến thức và có khả năng tự nghiên cứu.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

- Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2.4. Về thái độ

- Có ý thức tôn trọng pháp luật, đặc biệt là các quy định của pháp luật trong khuôn khổ WTO và các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương mại quốc tế.

- Có thái độ nghiên cứu khoa học nghiêm túc, chuyên cần học tập và tích cực tham gia thảo luận những vấn đề được giảng viên đặt ra.

- Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên;

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

Vấn đề/bậc nhận thức	*Bậc 1*	*Bậc 2*	*Bậc 3*
Vấn đề 1: Một số vấn đề lí luận về luật thương mại quốc tế	**1A1.** Nêu được khái niệm Thương mại quốc tế và Luật thương mại quốc tế. **1A2.** Nêu được lịch sử hình thành và phát triển của thương mại quốc tế. **1A3.** Nêu được năm nhóm chủ thể của các giao dịch thương mại quốc tế. **1A4.** Nêu được năm loại nguồn luật thương mại quốc tế. **1A5.** Nêu được trường hợp áp dụng các loại nguồn luật thương mại quốc tế.	**1B1.** Phân tích được khái niệm Thương mại quốc tế và Luật thương mại quốc tế. **1B2.** Phân tích được nguyên nhân thúc đẩy sự phát triển của thương mại quốc tế trong từng thời kỳ. **1B3.** Phân tích được điều kiện để trở thành chủ thể của các giao dịch thương mại quốc tế.	**1C1.** Đánh giá được sự tác động của luật thương mại quốc tế đối với sự phát triển của thương mại quốc tế. **1C2.** Đánh giá được giá trị hiệu lực của các loại nguồn luật thương mại quốc tế.
Vấn đề 2: Các nguyên tắc cơ bản của luật WTO	**2A1.** Nêu được khái niệm, đặc điểm của nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (MFN). **2A2.** Nêu được nội dung của nguyên tắc	**2B1.** Phân tích được nội dung và tác động của nguyên tắc MFN và NT đối với tự do hoá thương mại. **2B2.** Giải thích được	**2C1.** Bình luận được về bản chất không phân biệt đối xử của nguyên tắc MFN và NT. **2C2.** Đưa ra được

	MFN. **2A3.** Nêu được các ngoại lệ của nguyên tắc MFN. **2A4.** Nêu được khái niệm và đặc điểm của nguyên tắc đối xử quốc gia (NT). **2A5.** Nêu được nội dung nguyên tắc NT. **2A6.** Nêu được các ngoại lệ của nguyên tắc NT. **2A7.** Nêu được nội dung các cam kết mở cửa thị trường trong thương mại dịch vụ quốc tế. **2A8.** Nêu được nội dung của nguyên tắc thương mại công bằng theo quy định của WTO.	điều kiện áp dụng các ngoại lệ của MFN và vận dụng các ngoại lệ để giải quyết bài tập tình huống hoặc vụ tranh chấp cụ thể do giảng viên đưa ra. **2B3.** So sánh được nguyên tắc NT với nguyên tắc MFN. **2B4.** Vận dụng các ngoại lệ của nguyên tắc NT để giải quyết bài tập tình huống hoặc vụ tranh chấp cụ thể do giảng viên đưa ra. **2B5.** Phân tích được các trường hợp vi phạm nguyên tắc thương mại công bằng trong thương mại quốc tế.	nhận xét cá nhân về vai trò của nguyên tắc MFN và NT trong thương mại quốc tế. **2C3.** Bình luận được về tác động của nguyên tắc mở cửa thị trường đối với tự do hoá thương mại. **2C4.** Bình luận được về vai trò của nguyên tắc thương mại công bằng đối với tự do hoá thương mại.
Vấn đề 3: Pháp luật điều chỉnh một số lĩnh vực của thương mại quốc tế	**3A1.** Nêu được khái niệm hàng hóa và thương mại hàng hóa quốc tế. **3A2.** Nêu được khái niệm và đặc điểm của "thuế quan", "danh mục thuế quan" và "mức thuế	**3B1.** Phân tích được những nội dung pháp lý cơ bản của thuế quan trong thương mại quốc tế. **3B2.** Phân tích được các điều kiện để áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, thủ	**3C1.** Bình luận được về thực tiễn áp dụng quy định về ADA trên thế giới hiện nay. **3C2.** Bình luận được thực tiễn áp dụng biện pháp chống trợ cấp trên thế giới

	trần". **3A3.** Nêu được được phạm vi áp dụng, mục đích và nội dung cơ bản của Hiệp định về nông nghiệp. **3A4.** Nêu được mục đích và nội dung cơ bản của Hiệp định về các hàng rào kĩ thuật trong thương mại. **3A5.** Nêu được khái niệm "sản phẩm bị coi là bán phá giá" theo Hiệp định về chống bán phá giá (ADA).	tục điều tra và áp dụng theo quy định của Hiệp định chống bán phá giá; Vận dụng để giải quyết 1 vụ việc cụ thể. **3B3.** Phân tích được 2 loại trợ cấp là trợ cấp bị cấm và trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị kiện; **3B4.** Phân tích được các điều kiện để áp dụng thuế đối kháng. Vận dụng để giải quyết 1 vụ việc cụ thể. **3B5.** Phân tích được các điều kiện để áp dụng biện pháp tự vệ.	hiện nay. **3C3.** Bình luận được thực tiễn áp dụng biện pháp tự vệ trên thế giới hiện nay.
Vấn đề 4: Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	**4A1.** Nêu được khái niệm hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế (HĐMBHHQT). **4A2.** Nêu được các đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế. **4A3.** Nêu được phạm vi áp dụng và phạm vi không áp dụng của Công ước Viên 1980 (CISG) của Liên hợp quốc	**4B1.** Phân tích được tính hợp pháp của HĐMBHHQT theo quy định của CISG. **4B2.** Giải thích ý nghĩa việc quy định phạm vi áp dụng và không áp dụng của CISG. **4B3.** Phân tích được nội dung pháp lí đối với chào hàng, chấp nhận chào hàng, hoàn giá chào theo quy định của CISG.	**4C1.** Bình luận được về vai trò và ý nghĩa của 3 điều khoản thường gặp trong các hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế. **4C2.** Bình luận được về vai trò của CISG trong việc điều chỉnh các hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế. **4C3.** Bình luận được

	về HĐMBHHQT. **4A4.** Nêu được khái niệm chào hàng, chấp nhận chào hàng, và hoàn giá chào theo quy định của CISG. **4A5.** Nêu được nghĩa vụ và trách nhiệm của bên bán và bên mua theo quy định của CISG. **4A6.** Trình bày được mục đích và cấu tạo của INCOTERMS 2010.	**4B4.** Phân tích được nghĩa vụ và trách nhiệm của bên bán và bên mua theo quy định của CISG. **4B5.** Phân tích được nội dung 11 điều kiện giao hàng của INCOTERMS 2010.	về giá trị pháp lí của INCOTERMS 2010.
Vấn đề 5: Giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế giữa các thương nhân	**5A1.** Liệt kê được bốn phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân. **5A2.** Nêu được khái niệm và những đặc điểm pháp lý cơ bản của phương thức thương lượng. **5A3.** Nêu được khái niệm và những đặc điểm pháp lí cơ bản của phương thức hoà giải. **5A4.** Nêu được khái	**5B1.** So sánh được bốn phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân. **5B2.** Phân tích được sự khác nhau giữa phương thức hoà giải và phương thức trung gian. **5B3.** Phân tích được những ưu điểm và nhược điểm của phương thức xét xử tại toà án. **5B4.** Phân tích được những ưu điểm và	**5C1.** Bình luận được về những ưu điểm và nhược điểm các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân. **5C2.** Bình luận được tính ưu việt của phương thức trọng tài trong việc giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế so với phương thức toà án. **5C3.** Bình luận được

	niệm và những đặc điểm pháp lí cơ bản của phương thức trung gian. **5A5.** Trình bày được cách xác định thẩm quyền của toà thương mại. **5A6.** Nêu được khái niệm giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng phương thức trọng tài. **5A7.** Trình bày được vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài theo Công ước New York 1958.	nhược điểm của phương thức trọng tài. **5B5.** Phân tích được thẩm quyền của trọng tài và toà án thương mại trong xét xử các tranh chấp thương mại quốc tế.	về những điều bảo lưu của Việt Nam khi gia nhập Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài.

4. HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	05 vấn đề	13	12		5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-4	***Vấn đề 5:*** **Một số vấn**	- GV sinh hoạt	- Sv lắng nghe và

	để lý luận về luật thương mại quốc tế 1.1. Khái niệm thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế 1.2. Chủ thể trong các giao dịch thương mại quốc tế 1.2.1. Quốc gia 1.2.2. Tổ chức quốc tế 1.2.3. Thương nhân 1.2.4. Các chủ thể khác 1.3. Nguồn luật thương mại quốc tế 1.3.1. Pháp luật quốc gia 1.3.2. Điều ước quốc tế 1.3.3. Tập quán quốc tế	chung về môn học, và giao bài tập cho nhóm làm báo cáo. - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	nhận bài tập từ GV. - SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 5-9	***Vấn đề 2:*** **Một số nguyên tắc cơ bản của luật thương mại quốc tế** 2.1. Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (MFN) 2.1.1. Khái quát về nguyên tắc MFN 2.1.2. Nội dung của nguyên tắc MFN 2.1.3. Các ngoại lệ của nguyên tắc MFN 2.2. Nguyên tắc đối xử quốc gia (NT) 2.2.1. Khái quát về nguyên tắc NT 2.2.2. Nội dung của nguyên tắc NT 2.2.3. Các ngoại lệ của nguyên tắc NT 2.3. Nguyên tắc mở cửa thị trường (MA)	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	2.3.1. Khái quát về nguyên tắc MA 2.3.2. Nội dung của nguyên tắc MA 2.4. Nguyên tắc thương mại công bằng (FT) 2.4.1. Khái quát về nguyên tắc FT 2.4.2. Nội dung của nguyên tắc FT		
Tiết 10-15	***Vấn đề* 3: Pháp luật điều chỉnh một số lĩnh vực của thương mại quốc tế** 3.1. Các quy định cơ bản về thương mại hàng hóa quốc tế 3.1.1. Khái niệm hàng hóa và thương mại hàng hóa quốc tế 3.1.2. Thuế quan 3.1.3. Các quy định về nông nghiệp và nông sản 3.1.4. Các quy định về tiêu chuẩn và an toàn sản phẩm 3.1.5. Các quy định về chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ 3.1.6. Các rào cản phi thuế quan 3.2. Các quy định cơ bản của thương mại dịch vụ 3.2.1. Khái niệm dịch vụ và thương mại dịch vụ 3.2.2. Cấu trúc và các quy định chung của	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	GATS		
Tiết 16-22	***Vấn đề 4*: Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế** 4.1. Khái niệm về hợp đồng mua bán quốc tế 4.2. Công ước Viên năm 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế 4.3. Các điều kiện cơ sở giao hàng trong mua bán hàng hoá quốc tế INCOTERMS 2010 4.4. Pháp luật của Việt Nam điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.
Tiết 23-28	***Vấn đề 5*: Giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế giữa các thương nhân** 5.1. Thương lượng 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Quy trình thương lượng 5.2. Hòa giải, trung gian 5.3. Giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế bằng tòa án 5.4. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài thương mại 5.5. Công ước New York 1958 về công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.
Tiết 29-30	**Ôn tập kết thúc môn**	Tóm lược các nội	Lắng nghe; đặt các

		dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	câu hỏi còn thắc mắc.

5. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	**Chuyên cần**	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	**Thường xuyên**	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm **Tổng: 10 điểm**	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh gia bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm	10

			+ Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	
3	**Thi kết thúc HP**	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi.	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình luật thương mại quốc tế*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội;

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Trường Đại học luật TPHCM (2018), *Giáo trình luật thương mại quốc tế - phần 1*, Nxb Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam;

2. Trần Việt Dũng, Trần Thị Thùy Dương (chủ biên) (2013), *Tìm hiểu luật WTO qua một số vụ kiện về chống bán phá giá*, Nxb Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam;

3. Mai Hồng Quỳ - Trần Việt Dũng (2012), Luật thương mại quốc tế, Nxb Đại học quốc gia TPHCM.

4. Bộ luật Dân sự năm 2015;

5. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2014;

6. Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019)

7. Công ước Viên năm 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế;

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG	P. TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Văn Quang	Nguyễn Chí Bửu	TS. Nguyễn Thị Cẩm Hồng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

NAM CAN THO UNIVERSITY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-ĐHNCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Luật Tố tụng dân sự

- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật

+ Bậc học: Đại học

+ Hệ Chính quy

- **Số tín chỉ:** 03; **Số tiết:** 45 tiết

- **Giảng viên phụ trách:** Khoa Luật

- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01 - Khu Hiệu Bộ - Số 168, Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học Luật tố tụng dân sự, sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

2.1. Về kiến thức

- Mô tả được khái niệm, nhiệm vụ, nguồn của luật tố tụng dân sự; khái niệm, thành phần chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự và địa vị pháp lý của các chủ thể trong tố tụng dân sự; các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự;

- Xác định được các loại vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án, thẩm quyền của toà án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức khác; việc phân định thẩm quyền giữa các toà án theo cấp và theo lãnh thổ;

- Mô tả được khái niệm chứng minh, đối tượng chứng minh, phương tiện chứng minh và các hoạt động chứng minh; khái niệm, thuộc tính của chứng cứ, các loại chứng cứ trong tố tụng dân sự;

- Mô tả được khái niệm, bản chất, ý nghĩa và căn cứ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và nhận diện được các biện pháp khẩn cấp tạm thời cụ thể;

- Mô tả được khái niệm, bản chất và ý nghĩa của án phí, lệ phí; các loại án phí, lệ phí và nguyên tắc xác định người phải chịu án phí, lệ phi và các chi phí về tố tụng;

- Nhận thức được trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự tại toà án. Phân biệt được sự khác nhau giữa trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự với trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến pháp luật tố tụng dân sự;

- Vận dụng được những quy định của pháp luật để phân tích, giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng lập luận, tranh luận; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phản biện.

- Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; truyền tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động nghề nghiệp;

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

2.4. Về thái độ

- Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, sứ mạng của người cán bộ pháp lý trong tương lai; luôn nhạy bén với cái mới, chủ động thích ứng với thay đổi;

- Hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới tư duy và cách thức giải quyết những vấn đề pháp lý.

3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC

3.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lí thuyết	Seminar	LVN	Tự học
45	10 vấn đề	20	20		5

3.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-3	**Chương 1: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự Việt Nam** 1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng dân sự Việt Nam 1.2. Nhiệm vụ và nguồn của luật tố tụng dân sự Việt Nam 1.3. Quá trình phát triển của luật tố tụng dân sự Việt Nam 1.4. Khoa học luật tố tụng dân sự và hệ thống môn học 1.5. Khái niệm, đặc điểm và thành phần quan hệ pháp luật tố tụng dân sự 1.6. Khái niệm và nội dung các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự Việt Nam	- GV sinh hoạt chung về môn học và giao đề tài cho nhóm làm báo cáo. - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến nội dung bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	- SV lắng nghe quy định môn học và nhận đề tài từ GV. - SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 4-6	**Chương 2: Thẩm quyền của toà án nhân dân** 2.1. Khái niệm và cơ sở xác định thẩm quyền của toà án	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh	- SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án

	2.2. Những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền của toà án 2.3. Sự phân định thẩm quyền giữa các toà án 2.4. Chuyển vụ việc dân sự cho toà án khác; giải quyết tranh chấp về thẩm quyền; tách và nhập vụ án dân sự	viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	giải quyết tình huống.
Tiết 7-9	**Chương 3: Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng dân sự** 3.1. Khái niệm, đặc điểm và thành phần cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng dân sự 3.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng dân sự; căn cứ, thẩm quyền và thủ tục thay đổi người tiến hành tố tụng 3.3. Quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng dân sự	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	- SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 10-12	**Chương 4: Chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự** 4.1. Khái niệm, ý nghĩa, chủ thể, nghĩa vụ và đối	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng.	- SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận

	tượng chứng minh trong tố tụng dân sự và những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh 4.2. Khái niệm, đặc điểm, nguồn, thu thập chứng cứ, bảo quản, bảo vệ chứng cứ, đánh giá và sử dụng chứng cứ - Làm bài kiểm tra cá nhân	- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. - GV ra đề kiểm tra.	và đưa ra phương án giải quyết tình huống. - SV làm bài kiểm tra cá nhân.
Tiết 13-18	**Chương 5: Biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; thời hạn tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu** 5.1. Khái niệm, ý nghĩa, quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; thẩm quyền, thủ tục áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; khiếu nại, kiến nghị về quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ hoặc không áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời và trách nhiệm do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng 5.2. Các văn bản tố tụng	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm phản biện, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, tranh luận với các nhóm.	- SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm và của GV.

	phải được cấp, tống đạt, thông báo; nghĩa vụ, trách nhiệm, người được và người thực hiện việc cấp, tống đạt hoặc thông báo văn bản tố tụng; các phương thức cấp, tống đạt hoặc thông báo văn bản tố tụng và thủ tục cấp, tống đạt hoặc thông báo văn bản tố tụng. 5.3. Khái niệm, các loại thời hạn tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự		
Tiết 19-24	**Chương 6: Án phí, lệ phí và chi phí tố tụng** 6.1. Khái niệm, ý nghĩa, các loại án phí, lệ phí; mức án phí, lệ phí; nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí; nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm, phúc thẩm, lệ phí và miễn, giảm án phí, lệ phí 6.2. Khái niệm và nội dung các quy định của pháp luật về chi phí tố tụng	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm phản biện, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, tranh luận với các nhóm.	- SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm và của GV.
Tiết 25-30	**Chương 7: Thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại toà án cấp sơ thẩm** 7.1. Khái niệm, ý nghĩa, điều kiện, phạm vi và hình	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm phản	- SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả

	thức khởi kiện vụ án dân sự 7.2. Khái niệm, ý nghĩa và thủ tục thụ lý vụ án dân sự; căn cứ và thủ tục trả lại đơn khởi kiện vụ án dân sự 7.3. Chuẩn bị xét xử vụ án dân sự, hoà giải, tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và quyết định đưa vụ án dân sự ra xét xử 7.4. Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc và thủ tục tiến hành phiên toà sơ thẩm; những việc tiến hành sau phiên toà	biện, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, tranh luận với các nhóm.	lời các câu hỏi của nhóm và của GV.
Tiết 31-33	**Chương 8: Thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại toà án cấp phúc thẩm** 8.1. Khái niệm và ý nghĩa phúc thẩm dân sự 8.2 Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm 8.3. Xét xử phúc thẩm vụ án dân sự	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm phản biện, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, tranh luận với các nhóm.	- SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm và của GV.
Tiết 34-36	**Chương 9: Thủ tục xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của toà án đã có hiệu lực pháp luật** 9.1. Khái niệm, ý nghĩa	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm phản biện, đặt câu hỏi và	- SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của

	của giám đốc thẩm; kháng nghị và thủ tục xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của toà án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm 9.2. Khái niệm, ý nghĩa của tái thẩm; kháng nghị và thủ tục xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của toà án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục tái thẩm	trả lời câu hỏi, tranh luận với các nhóm.	nhóm và của GV.
Tiết 37-39	**Chương 10: Thủ tục giải quyết việc dân sự** 10.1. Những quy định chung về thủ tục giải quyết việc dân sự 10.2. Thủ tục giải quyết việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm 10.3. Thủ tục phúc thẩm quyết định giải quyết việc dân sự	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	- SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 40-45	**Ôn tập kết thúc môn**	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên.	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

4. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	**Chuyên cần**	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong	10

			giờ học.	
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	**Thường xuyên**	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm **Tổng: 10 điểm**	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	10
3	**Thi kết thúc HP**	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tự luận (thời gian 90 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi	10

5. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình luật tố tụng dân sự Việt Nam,* Nxb. Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh;

2. Bộ luật Dân sự 2015;

3. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Đỗ Văn Đại – Nguyễn Văn Tiến (2010), *Tuyển tập các bản án, quyết định của Tòa án Việt Nam về tố tụng dân sự*, Nxb. Lao Động, Tp. Hồ Chí Minh;

2. Đỗ Văn Đại (2010), *Tuyển tập các bản án, quyết định của Tòa án Việt Nam về quyền sử dụng đất*, Nxb. Lao Động;

3. Nguyễn Ngọc Duy (2013), *Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự và chỉ dẫn áp dụng pháp luật tố tụng dân sự,* Nxb. Văn Hóa-Thông Tin;

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

P. HIỆU TRƯỞNG	P. TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Văn Quang	Nguyễn Chí Thắng	TS. Nguyễn Thị Cẩm Hoàn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

NAM CAN THO UNIVERSITY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LUẬT TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-ĐHNCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

KHOA LUẬT

.....

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

LUẬT TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Luật tố tụng hành chính
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật
  + Bậc học: Đại học
  + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 02; **Số tiết:** 30 tiết
- **Khoa phụ trách giảng dạy:** Khoa Luật
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01 - Khu Hiệu Bộ - Số 168, Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học Luật tố tụng hành chính, sinh viên có khả năng:

2.1. Về kiến thức

- Nắm được kiến thức cơ bản về tài phán hành chính; ngành luật tố tụng hành chính.
- Xác định quyền và nghĩa vụ pháp lý tố tụng hành chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- Xác định thẩm quyền, thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính.
- Nắm được kiến thức cần thiết để vận dụng pháp luật tố tụng hành chính vào thực tiễn.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng cần thiết để đọc, hiểu và vận dụng pháp luật về tố tụng hành chính vào thực tiễn;
- Có kỹ năng tranh tụng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án hành chính;

- Có kỹ năng cần thiết để bình luận và đưa ra quan điểm cá nhân về pháp luật và thực hiện pháp luật về tố tụng hành chính;

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng lập luận, tranh luận; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phản biện.

- Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức.

- Có kỹ năng làm việc theo nhóm.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

2.4. Về thái độ

- Tích cực đấu tranh bảo vệ công lý;

- Nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn giải quyết các vụ án hành chính;

- Có ý thức tôn trọng pháp luật, đặc biệt là tôn trọng các bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính;

- Có ý thức vận dụng các kiến thức và pháp luật đã học trong cuộc sống và công tác.

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

Vấn đề/ Bậc nhận thức	**Bậc 1**	**Bậc 2**	**Bậc 3**
<u>Vấn đề 1</u>: ***Khoa học, Ngành Luật Tố tụng hành chính và Thẩm quyền xét xử hành chính***	**1A1.** Nêu được quan niệm về tài phán hành chính và mô hình cơ quan tài phán của một số nước tiêu biểu trên thế giới và ở Việt Nam. **1A2.** Nêu được khái niệm khoa học luật tố tụng hành chính, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nhiệm vụ của khoa học luật tố tụng hành chính. **1A3.** Nêu được khái niệm Ngành luật tố tụng hành	**1B1.** Phân tích được sự phát triển và đặc điểm của tài phán hành chính ở Việt Nam. **1B2.** Phân tích được đặc điểm thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân. **1B3.** Phân tích được các cơ sở xác định thẩm quyền xét xử vụ án hành chính của Tòa án nhân dân.	**1C1.** Lý giải được vì sao Việt Nam lựa chọn mô hình tòa hành chính thuộc hệ thống Tòa án nhân dân. **1C2.** Bình luận được vai trò của Luật Tố tụng hành chính trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức

	chính Việt Nam. **1A4.** Trình bày được đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng hành chính. **1A5.** Nêu được khái niệm các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hành chính. **1A6.** Trình bày được những nội dung chủ yếu của các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hành chính. **1A7.** Nêu được khái niệm thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân. **1A8.** Nêu được cơ sở để xác định thẩm quyền xét xử vụ án hành chính của Tòa án nhân dân. **1A9.** Nêu được các loại việc thuộc thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân. **1A10.** Nêu được thẩm quyền xét xử hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án nhân dân cấp tỉnh.	**1B4.** Phân tích được các loại việc thuộc thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân. **1B5.** Xác định được thẩm quyền xét xử hành chính sơ thẩm của Toà án nhân dân cấp huyện và Toà án nhân dân cấp tỉnh. **1B6.** Phân tích được căn cứ pháp lý choviệc nhập, tách, chuyển vụ án hành chính; Xác định thẩm quyền trong trường hợp vừa có đơn khiếu nại vừa có đơn khởi kiện vụ án hành chính và giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử hành chính.	trong quản lý hành chính nhà nước. **1C3.** Nhận xét được các quy định của pháp luật tố tụng hành chính hiện hành về thẩm quyền xét xử hành chính và kiến nghị hoàn thiện các quy định đó. **1C4.** Nhận xét được các quy định của pháp luật tố tụng hành chính hiện hành về các loại việc thuộc thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân. **1C5.** Nhận xét được các quy định của pháp luật về việc nhập, tách, chuyển vụ án hành chính; Xác định thẩm quyền trong trường hợp vừa có đơn khiếu nại vừa có đơn khởi kiện vụ án hành chính và giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử hành chính.
<u>Vấn đề 2</u>: ***Chủ thể của quan hệ***	**2A1.** Nêu được khái niệm cơ quan, người tiến hành tố tụng hành chính.	**2B1.** Phân biệt người tiến hành tố tụng hành chính và người tham gia tố tụng	**2C1.** Bình luận được các quy định của pháp luật về căn cứ thay đổi

pháp luật tố tụng hành chính, chứng minh, chứng cứ và biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính	**2A2.** Nêu được các căn cứ pháp lý cho việc thay đổi người tiến hành tố tụng hành chính. **2A3.** Nêu được thủ tục thay đổi người tiến hành tố tụng hành chính trước khi mở phiên tòa và tại phiên toà. **2A4.**Nêu được khái niệm người tham gia tố tụng hành chính nói chung và khái niệm về từng người tham gia tố tụng hành chính cụ thể. **2A5.**Xác địnhdược các căn cứ pháp lý để thay đổi người giám định, người phiên dịch trong tố tụng hành chính. **2A6.** Trình bày được thủ tục thay đổi người giám định, người phiên dịch trong tố tụng hành chính. **2A7.**Nêu được khái niệm biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính. **2A8.** Nêu được khái niệm chứng minh và chứng cứ trong tố tụng hành chính. **2A9.** Nêu được những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong tố tụng hành chính. **2A10.** Nêu được các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ trong tố tụng hành chính.	hành chính. **2B2.**Phân tích được quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính của từng người tiến hành tố tụng hành chính. **2B3.** Nêu được ví dụ cụ thể về tình huống thay đổi người tiến hành tố tụng hành chính. **2B4.**Phân tích được quyền và nghĩa vụ pháp lý tố tụng hành chính của từng người tham gia tố tụng hành chính. **2B5.**Phân tích được các yêu cầu pháp lý đối với việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính. **2B6.** Phân tích được nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh trong tố tụng hành chính. **2B7.** Phân tích được vai trò của Toà án đối với việc xác minh, thu thập, bảo quản, đánh giá, công bố, sử dụng và bảo vệ chứng cứ trong tố tụng hành chính.	người tiến hành tố tụng hành chính. **2C2.** Bình luận được các quy định của pháp luật về khái niệm từng người tham gia tố tụng hành chính. **2C3.** Phân biệt được đương sự với những người tham gia tố tụng hành chính khác. **2C4.** Vận dụng được các quy định của pháp luật hiện hành để xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong tình huống cụ thể.
<u>Vấn đề 3</u>: ***Thủ tục sơ thẩm vụ án***	**3A1.**Nêu được khái niệm vụ án hành chính. **3A2.** Nêu được khái niệm	**3B1.**Phân tích được các điều kiện khởi kiện vụ án hành chính theo quy định	**3C1.** Phân biệt được vụ án hành chính với vụ án

hành chính	khởi kiện vụ án hành chính. **3A3.** Nêu được các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung khởi kiện vụ án hành chính. **3A4.**Nêu được khái niệm thụ lý vụ án hành chính. **3A5.**Nêu được các quy định của pháp luật về hình thức thụ lý vụ án hành chính. **3A6.** Nêu được khái niệm chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. **3A7.** Nêu được khái niệm xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. **3A8.** Nêu được các thủ tục sau phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính.	của pháp luật hiện hành. **3B2.**Phân tích được các căn cứ thụ lý vụ án hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành. **3B3.** Phân tích được nhiệm vụ của Toà án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. **3B4.** Phân tích được nhiệm vụ của Toà án trong thời gian chuẩn bị mở phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính. **3B5.** Phân tích được thủ tục tiến hành phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính. **3B6.** Phân tích được các trường hợp hoãn phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính.	dân sự. **3C2.**Lý giải được sự khác biệt giữa điều kiện khởi kiện và căn cứ thụ lý vụ án hành chính. **3C3.** Phân biệt được đối tượng khởi kiện vụ án hành chính với đối tượng xét xử hành chính sơ thẩm. **3C4.** Phân biệt được các quyết định kết thúc giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính của Toà án. **3C5.** Phân biệt được bản án hành chính sơ thẩm với các quyết định của Toà án cấp sơ thẩm về vụ án hành chính. **3C6.** Bình luận về những điểm khác biệt trong thủ tục giải quyết khiếu kiện về danh sách cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách cử tri bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân so với thủ tục giải quyết các khiếu kiện hành chính khác.

<u>Vấn đề 4</u>: ***Thủ tục xem xét lại bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính***	**4A1.** Nêu được khái niệm xét xử phúc thẩm vụ án hành chính. **4A2.** Nêu được khái niệm kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong tố tụng hành chính. **4A3.** Nêu được khái niệm thụ lý phúc thẩm vụ án hành chính. **4A4.** Nêu được khái niệm giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hành chính. **4A5.** Nêu được căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hành chính. **4A6.** Nêu được phạm vi giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hành chính. **4A7.** Nêu được thẩm quyền giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hành chính. **4A8.** Nêu được các trường hợp xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.	**4B1.** Phân tích được nhiệm vụ của Toà án trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án hành chính. **4B2.** Phân tích được thủ tục tiến hành phiên toà, phiên họp phúc thẩm vụ án hành chính. **4B3.** Phân tíchđược các căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hành chính. **4B4.** Phân tích được vai trò của các chủ thể có quyền yêu cầu việc xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. **4B5.** Phân tích được thẩm quyền xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.	**4C1.** Phân biệt được khởi kiện vụ án hành chính với kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong tố tụng hành chính. **4C2.** Phân biệt được chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính với chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án hành chính. **4C3.** Phân biệt được phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính với phiên toà phúc thẩm vụ án hành chính. **4C4.** Phân biệt được bản án hành chính sơ thẩm với bản án hành chính phúc thẩm. **4C5.** Phân biệt được kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm với kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án hành chính. **4C6.** Phân biệt được thủ tục phúc thẩm với thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án hành chính. **4C7.** Phân biệt được thủ tục giám

			đốc thẩm, tái thẩm với thủ tục xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án hành chính.
<u>Vấn đề 5</u>: ***Thủ tục đặc biệt, thủ tục rút gọn và thi hành án hành chính***	**5A1.** Nêu được khái niệm thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính. **5A2.** Nêu được cơ cấu của bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5A3.** Nêu được những bản án của Toà án về vụ án hành chính được thi hành. **5A4.** Nêu được những quyết định của Toà án về vụ án hành chính được thi hành. **5A5.** Nêu được thủ tục thi hành bản án của Toà án về vụ án hành chính. **5A6.** Nêu được thủ tục thi hành quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5A7.** Nêu được các chủ thể có thẩm quyền giải thích bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính.	**5B1.** Phân tích được những yêu cầu thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5B2.** Phân tích được các quy định của pháp luật hiện hành về giải thích bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5B3.** Phân tích được vai trò của Viện kiểm sát nhân dân đối với việc thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5B4.** Phân tích được trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện yêu cầu thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5B5.** Phân tích được nội dung quản lý nhà nước về thi hành án hành chính.	**5C1.** Bình luận được về các biện pháp bảo đảm thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5C2.** Bình luận được về vai trò của cơ quan chịu trách nhiệm thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5C3.** Bình luận được về vai trò của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính. **5C4.** Đánh giá vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong việc thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5C5.** Đánh giá các quy định của pháp luật hiện

			hành về xử lý vi phạm trong thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính.

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	05	13	12		5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1- 6	**Vấn đề 1: Khoa học, Ngành Luật Tố tụng hành chính và Thẩm quyền xét xử hành chính** ***1.1. Khoa học Luật tố tụng hành chính.*** 1.1.1. Tài phán hành chính. 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của Khoa học Luật tố tụng hành chính. 1.1.3. Phương pháp nghiên cứu của Khoa học Luật tố tụng hành chính. 1.1.4. Nhiệm vụ của Khoa học Luật tố tụng hành chính. ***1.2. Ngành Luật tố tụng hành chính Việt Nam.*** 1.2.1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật tố tụng hành chính. 1.2.2. Mối quan hệ giữa Luật tố tụng hành chính và một số ngành luật khác.	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/ Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	1.3. Nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hành chính. 1.3.1. Khái niệm nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hành chính. 1.3.2. Những nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hành chính. ***1.4. Thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân.*** 1.4.1. Khái niệm thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân. 1.4.2. Cơ sở xác định thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân. 1.4.3. Phạm vi thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân.		
Tiết 7 - 18	**Vấn đề 2. Chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng hành chính, chứng minh, chứng cứ và biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính** ***2.1. Chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng hành chính.*** 2.1.1. Cơ quan và người tiến hành tố tụng hành chính. 2.1.2. Người tham gia tố tụng hành chính. 2.1.3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong tố tụng hành chính. ***2.2. Chứng minh và chứng cứ trong tố tụng hành chính.*** 2.2.1. Khái niệm chứng minh, chứng cứ trong tố tụng hành chính. 2.2.2. Chứng minh trong tố tụng hành chính. 2.2.3. Chứng cứ trong tố tụng hành chính. ***2.3. Biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính.*** 2.3.1. Khái niệm biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính.		

	2.3.2. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính. 2.3.3. Thủ tục áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính.		
Tiết 19-24	**Vấn đề 3. Thủ tục sơ thẩm vụ án hành chính** ***3.1. Khởi kiện và thụ lý vụ án hành chính.*** 3.1.1. Vụ án hành chính. 3.1.2. Khởi kiện vụ án hành chính. 3.1.3. Thụ lý vụ án hành chính. ***3.2. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính.*** 3.2.1. Khái niệm chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. 3.2.2. Nhiệm vụ của Toà án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. 3.2.3. Các quyết định kết thúc giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính của Toà án. 3.3. Xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. 3.3.1. Khái niệm xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. 3.3.2. Chuẩn bị mở phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính. 3.3.3. Phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính. 3.3.4. Các thủ tục sau phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính.		
Tiết 25-26	**Vấn đề 4. Thủ tục xem xét lại bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính** ***4.1. Thủ tục phúc thẩm vụ án hành chính.*** 4.1.1. Khái niệm xét xử phúc thẩm vụ án hành chính. 4.1.2. Kháng cáo, kháng nghị và thụ lý phúc thẩm vụ án hành chính.	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/ Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	4.1.3. Chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án hành chính. 4.1.4. Phiên toà, phiên họp phúc thẩm vụ án hành chính. ***4.2. Thủ tục xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án về vụ án hành chính.*** 4.2.1. Thủ tục giám đốc thẩm vụ án hành chính. 4.2.2. Thủ tục tái thẩm vụ án hành chính. 4.2.3. Thủ tục xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về vụ án hành chính.		
Tiết 27-28	**Vấn đề 5. Thủ tục rút gọn,Thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính** 5.1. Khái niệm và ý nghĩa của thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. 5.2. Thủ tục thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. 5.3. Vai trò của Viện kiểm sát nhân dân đối với việc thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính.	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/ Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 29-30	**Ôn tập kết thúc môn**	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	**Chuyên**	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10

	cần	10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	**Thường xuyên**	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm **Tổng: 10 điểm**	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh gia bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	10
3	**Thi kết thúc HP**	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi.	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình luật tố tụng hành chính Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội;

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2019), *Giáo trình luật tố tụng hành chính Việt Nam*, NXB. Hồng Đức – Hà Nội (tái bản lần 1, có sửa đổi bổ sung).

2. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

3. Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

P. HIỆU TRƯỞNG	P. TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Văn Quang	ThS Nguyễn Chí Dũng	TS Nguyễn Thị Cẩm Hồng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

NAM CAN THO UNIVERSITY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-ĐHNCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

KHOA LUẬT

.....

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

LUẬT TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Luật tố tụng hành chính
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật
  + Bậc học: Đại học
  + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 02; **Số tiết:** 30 tiết
- **Khoa phụ trách giảng dạy:** Khoa Luật
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01 - Khu Hiệu Bộ - Số 168, Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học Luật tố tụng hành chính, sinh viên có khả năng:

2.1. Về kiến thức

- Nắm được kiến thức cơ bản về tài phán hành chính; ngành luật tố tụng hành chính.
- Xác định quyền và nghĩa vụ pháp lý tố tụng hành chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- Xác định thẩm quyền, thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính.
- Nắm được kiến thức cần thiết để vận dụng pháp luật tố tụng hành chính vào thực tiễn.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng cần thiết để đọc, hiểu và vận dụng pháp luật về tố tụng hành chính vào thực tiễn;
- Có kỹ năng tranh tụng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án hành chính;

- Có kỹ năng cần thiết để bình luận và đưa ra quan điểm cá nhân về pháp luật và thực hiện pháp luật về tố tụng hành chính;

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng lập luận, tranh luận; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phản biện.

- Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức.

- Có kỹ năng làm việc theo nhóm.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

2.4. Về thái độ

- Tích cực đấu tranh bảo vệ công lý;

- Nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn giải quyết các vụ án hành chính;

- Có ý thức tôn trọng pháp luật, đặc biệt là tôn trọng các bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính;

- Có ý thức vận dụng các kiến thức và pháp luật đã học trong cuộc sống và công tác.

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

Vấn đề/ Bậc nhận thức	**Bậc 1**	**Bậc 2**	**Bậc 3**
<u>Vấn đề 1:</u> ***Khoa học, Ngành Luật Tố tụng hành chính và Thẩm quyền xét xử hành chính***	**1A1.** Nêu được quan niệm về tài phán hành chính và mô hình cơ quan tài phán của một số nước tiêu biểu trên thế giới và ở Việt Nam. **1A2.** Nêu được khái niệm khoa học luật tố tụng hành chính, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nhiệm vụ của khoa học luật tố tụng hành chính. **1A3.** Nêu được khái niệm Ngành luật tố tụng hành	**1B1.** Phân tích được sự phát triển và đặc điểm của tài phán hành chính ở Việt Nam. **1B2.** Phân tích được đặc điểm thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân. **1B3.** Phân tích được các cơ sở xác định thẩm quyền xét xử vụ án hành chính của Tòa án nhân dân.	**1C1.** Lý giải được vì sao Việt Nam lựa chọn mô hình tòa hành chính thuộc hệ thống Tòa án nhân dân. **1C2.** Bình luận được vai trò của Luật Tố tụng hành chính trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức

	chính Việt Nam. **1A4.** Trình bày được đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng hành chính. **1A5.** Nêu được khái niệm các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hành chính. **1A6.** Trình bày được những nội dung chủ yếu của các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hành chính. **1A7.** Nêu được khái niệm thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân. **1A8.** Nêu được cơ sở để xác định thẩm quyền xét xử vụ án hành chính của Tòa án nhân dân. **1A9.** Nêu được các loại việc thuộc thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân. **1A10.** Nêu được thẩm quyền xét xử hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án nhân dân cấp tỉnh.	**1B4.** Phân tích được các loại việc thuộc thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân. **1B5.** Xác định được thẩm quyền xét xử hành chính sơ thẩm của Toà án nhân dân cấp huyện và Toà án nhân dân cấp tỉnh. **1B6.** Phân tích được căn cứ pháp lý choviệc nhập, tách, chuyển vụ án hành chính; Xác định thẩm quyền trong trường hợp vừa có đơn khiếu nại vừa có đơn khởi kiện vụ án hành chính và giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử hành chính.	trong quản lý hành chính nhà nước. **1C3.** Nhận xét được các quy định của pháp luật tố tụng hành chính hiện hành về thẩm quyền xét xử hành chính và kiến nghị hoàn thiện các quy định đó. **1C4.** Nhận xét được các quy định của pháp luật tố tụng hành chính hiện hành về các loại việc thuộc thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân. **1C5.** Nhận xét được các quy định của pháp luật về việc nhập, tách, chuyển vụ án hành chính; Xác định thẩm quyền trong trường hợp vừa có đơn khiếu nại vừa có đơn khởi kiện vụ án hành chính và giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử hành chính.
<u>Vấn đề 2</u>: ***Chủ thể của quan hệ***	**2A1.** Nêu được khái niệm cơ quan, người tiến hành tố tụng hành chính.	**2B1.** Phân biệt người tiến hành tố tụng hành chính và người tham gia tố tụng	**2C1.** Bình luận được các quy định của pháp luật về căn cứ thay đổi

pháp luật tố tụng hành chính, chứng minh, chứng cứ và biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính	**2A2.** Nêu được các căn cứ pháp lý cho việc thay đổi người tiến hành tố tụng hành chính. **2A3.** Nêu được thủ tục thay đổi người tiến hành tố tụng hành chính trước khi mở phiên tòa và tại phiên toà. **2A4.**Nêu được khái niệm người tham gia tố tụng hành chính nói chung và khái niệm về từng người tham gia tố tụng hành chính cụ thể. **2A5.**Xác địnhđược các căn cứ pháp lý để thay đổi người giám định, người phiên dịch trong tố tụng hành chính. **2A6.** Trình bày được thủ tục thay đổi người giám định, người phiên dịch trong tố tụng hành chính. **2A7.**Nêu được khái niệm biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính. **2A8.** Nêu được khái niệm chứng minh và chứng cứ trong tố tụng hành chính. **2A9.** Nêu được những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong tố tụng hành chính. **2A10.** Nêu được các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ trong tố tụng hành chính.	hành chính. **2B2.**Phân tích được quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính của từng người tiến hành tố tụng hành chính. **2B3.** Nêu được ví dụ cụ thể về tình huống thay đổi người tiến hành tố tụng hành chính. **2B4.**Phân tích được quyền và nghĩa vụ pháp lý tố tụng hành chính của từng người tham gia tố tụng hành chính. **2B5.**Phân tích được các yêu cầu pháp lý đối với việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính. **2B6.** Phân tích được nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh trong tố tụng hành chính. **2B7.** Phân tích được vai trò của Toà án đối với việc xác minh, thu thập, bảo quản, đánh giá, công bố, sử dụng và bảo vệ chứng cứ trong tố tụng hành chính.	người tiến hành tố tụng hành chính. **2C2.** Bình luận được các quy định của pháp luật về khái niệm từng người tham gia tố tụng hành chính. **2C3.** Phân biệt được đương sự với những người tham gia tố tụng hành chính khác. **2C4.** Vận dụng được các quy định của pháp luật hiện hành để xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong tình huống cụ thể.
<u>Vấn đề 3</u>: ***Thủ tục sơ thẩm vụ án***	**3A1.**Nêu được khái niệm vụ án hành chính. **3A2.** Nêu được khái niệm	**3B1.**Phân tích được các điều kiện khởi kiện vụ án hành chính theo quy định	**3C1.** Phân biệt được vụ án hành chính với vụ án

hành chính	khởi kiện vụ án hành chính. **3A3.** Nêu được các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung khởi kiện vụ án hành chính. **3A4.**Nêu được khái niệm thụ lý vụ án hành chính. **3A5.**Nêu được các quy định của pháp luật về hình thức thụ lý vụ án hành chính. **3A6.** Nêu được khái niệm chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. **3A7.** Nêu được khái niệm xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. **3A8.** Nêu được các thủ tục sau phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính.	của pháp luật hiện hành. **3B2.**Phân tích được các căn cứ thụ lý vụ án hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành. **3B3.** Phân tích được nhiệm vụ của Toà án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. **3B4.** Phân tích được nhiệm vụ của Toà án trong thời gian chuẩn bị mở phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính. **3B5.** Phân tích được thủ tục tiến hành phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính. **3B6.** Phân tích được các trường hợp hoãn phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính.	dân sự. **3C2.**Lý giải được sự khác biệt giữa điều kiện khởi kiện và căn cứ thụ lý vụ án hành chính. **3C3.** Phân biệt được đối tượng khởi kiện vụ án hành chính với đối tượng xét xử hành chính sơ thẩm. **3C4.** Phân biệt được các quyết định kết thúc giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính của Toà án. **3C5.** Phân biệt được bản án hành chính sơ thẩm với các quyết định của Toà án cấp sơ thẩm về vụ án hành chính. **3C6.** Bình luận về những điểm khác biệt trong thủ tục giải quyết khiếu kiện về danh sách cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách cử tri bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân so với thủ tục giải quyết các khiếu kiện hành chính khác.

<u>Vấn đề 4</u>: ***Thủ tục xem xét lại bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính***	**4A1.** Nêu được khái niệm xét xử phúc thẩm vụ án hành chính. **4A2.** Nêu được khái niệm kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong tố tụng hành chính. **4A3.** Nêu được khái niệm thụ lý phúc thẩm vụ án hành chính. **4A4.** Nêu được khái niệm giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hành chính. **4A5.** Nêu được căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hành chính. **4A6.** Nêu được phạm vi giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hành chính. **4A7.** Nêu được thẩm quyền giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hành chính. **4A8.** Nêu được các trường hợp xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.	**4B1.** Phân tích được nhiệm vụ của Toà án trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án hành chính. **4B2.** Phân tích được thủ tục tiến hành phiên toà, phiên họp phúc thẩm vụ án hành chính. **4B3.** Phân tíchđược các căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hành chính. **4B4.** Phân tích được vai trò của các chủ thể có quyền yêu cầu việc xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. **4B5.** Phân tích được thẩm quyền xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.	**4C1.** Phân biệt được khởi kiện vụ án hành chính với kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong tố tụng hành chính. **4C2.** Phân biệt được chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính với chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án hành chính. **4C3.** Phân biệt được phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính với phiên toà phúc thẩm vụ án hành chính. **4C4.** Phân biệt được bản án hành chính sơ thẩm với bản án hành chính phúc thẩm. **4C5.** Phân biệt được kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm với kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án hành chính. **4C6.** Phân biệt được thủ tục phúc thẩm với thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án hành chính. **4C7.** Phân biệt được thủ tục giám

			đốc thẩm, tái thẩm với thủ tục xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án hành chính.
<u>Vấn đề 5</u>: ***Thủ tục đặc biệt, thủ tục rút gọn và thi hành án hành chính***	**5A1.** Nêu được khái niệm thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính. **5A2.** Nêu được cơ cấu của bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5A3.** Nêu được những bản án của Toà án về vụ án hành chính được thi hành. **5A4.** Nêu được những quyết định của Toà án về vụ án hành chính được thi hành. **5A5.** Nêu được thủ tục thi hành bản án của Toà án về vụ án hành chính. **5A6.** Nêu được thủ tục thi hành quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5A7.** Nêu được các chủ thể có thẩm quyền giải thích bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính.	**5B1.** Phân tích được những yêu cầu thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5B2.** Phân tích được các quy định của pháp luật hiện hành về giải thích bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5B3.** Phân tích được vai trò của Viện kiểm sát nhân dân đối với việc thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5B4.** Phân tích được trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện yêu cầu thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5B5.** Phân tích được nội dung quản lý nhà nước về thi hành án hành chính.	**5C1.** Bình luận được về các biện pháp bảo đảm thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5C2.** Bình luận được về vai trò của cơ quan chịu trách nhiệm thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5C3.** Bình luận được về vai trò của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính. **5C4.** Đánh giá vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong việc thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. **5C5.** Đánh giá các quy định của pháp luật hiện

			hành về xử lý vi phạm trong thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính.

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	05	13	12		5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1- 6	**Vấn đề 1: Khoa học, Ngành Luật Tố tụng hành chính và Thẩm quyền xét xử hành chính** ***1.1. Khoa học Luật tố tụng hành chính.*** 1.1.1. Tài phán hành chính. 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của Khoa học Luật tố tụng hành chính. 1.1.3. Phương pháp nghiên cứu của Khoa học Luật tố tụng hành chính. 1.1.4. Nhiệm vụ của Khoa học Luật tố tụng hành chính. ***1.2. Ngành Luật tố tụng hành chính Việt Nam.*** 1.2.1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật tố tụng hành chính. 1.2.2. Mối quan hệ giữa Luật tố tụng hành chính và một số ngành luật khác.	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/ Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	1.3. Nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hành chính. 1.3.1. Khái niệm nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hành chính. 1.3.2. Những nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hành chính. ***1.4. Thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân.*** 1.4.1. Khái niệm thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân. 1.4.2. Cơ sở xác định thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân. 1.4.3. Phạm vi thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân.		
Tiết 7 - 18	**Vấn đề 2. Chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng hành chính, chứng minh, chứng cứ và biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính** ***2.1. Chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng hành chính.*** 2.1.1. Cơ quan và người tiến hành tố tụng hành chính. 2.1.2. Người tham gia tố tụng hành chính. 2.1.3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong tố tụng hành chính. ***2.2. Chứng minh và chứng cứ trong tố tụng hành chính.*** 2.2.1. Khái niệm chứng minh, chứng cứ trong tố tụng hành chính. 2.2.2. Chứng minh trong tố tụng hành chính. 2.2.3. Chứng cứ trong tố tụng hành chính. ***2.3. Biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính.*** 2.3.1. Khái niệm biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính.		

	2.3.2. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính. 2.3.3. Thủ tục áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính.		
Tiết 19-24	**Vấn đề 3. Thủ tục sơ thẩm vụ án hành chính** ***3.1. Khởi kiện và thụ lý vụ án hành chính.*** 3.1.1. Vụ án hành chính. 3.1.2. Khởi kiện vụ án hành chính. 3.1.3. Thụ lý vụ án hành chính. ***3.2. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính.*** 3.2.1. Khái niệm chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. 3.2.2. Nhiệm vụ của Toà án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. 3.2.3. Các quyết định kết thúc giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính của Toà án. 3.3. Xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. 3.3.1. Khái niệm xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. 3.3.2. Chuẩn bị mở phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính. 3.3.3. Phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính. 3.3.4. Các thủ tục sau phiên toà sơ thẩm vụ án hành chính.		
Tiết 25-26	**Vấn đề 4. Thủ tục xem xét lại bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính** ***4.1. Thủ tục phúc thẩm vụ án hành chính.*** 4.1.1. Khái niệm xét xử phúc thẩm vụ án hành chính. 4.1.2. Kháng cáo, kháng nghị và thụ lý phúc thẩm vụ án hành chính.	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/ Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	4.1.3. Chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án hành chính. 4.1.4. Phiên toà, phiên họp phúc thẩm vụ án hành chính. ***4.2. Thủ tục xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án về vụ án hành chính.*** 4.2.1. Thủ tục giám đốc thẩm vụ án hành chính. 4.2.2. Thủ tục tái thẩm vụ án hành chính. 4.2.3. Thủ tục xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về vụ án hành chính.		
Tiết 27-28	**Vấn đề 5. Thủ tục rút gọn,Thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính** 5.1. Khái niệm và ý nghĩa của thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. 5.2. Thủ tục thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. 5.3. Vai trò của Viện kiểm sát nhân dân đối với việc thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính.	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/ Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 29-30	**Ôn tập kết thúc môn**	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	**Chuyên**	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10

	cần	10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	**Thường xuyên**	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm **Tổng: 10 điểm**	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh gia bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	10
3	**Thi kết thúc HP**	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi.	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình luật tố tụng hành chính Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2019), *Giáo trình luật tố tụng hành chính Việt Nam,* NXB. Hồng Đức – Hà Nội (tái bản lần 1, có sửa đổi bổ sung).

2. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

3. Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

P. HIỆU TRƯỞNG	P. TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Văn Quang	Nguyễn Chí Dũng	TS. Nguyễn Thị Cẩm Hồng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

NAM CAN THO UNIVERSITY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT 2

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-ĐHNCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ
KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT 2

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Lý luận nhà nước và pháp luật 2
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật
  + Bậc học: Đại học
  + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 03; **Số tiết:** 45 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Khoa Luật
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01 - Khu Hiệu Bộ - Số 168, Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học Lý luận nhà nước và pháp luật 2, sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

2.1. Về kiến thức

- Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về pháp luật như khái niệm pháp luật, nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, kiểu, vai trò của pháp luật; quy phạm pháp luật; thực hiện pháp luật; ý thức pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;

- Xác định được quá trình vận động và phát triển của pháp luật;

- Xác định được bản chất và vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội;

- Phân tích được các loại nguồn của pháp luật nói chung và nguồn của pháp luật Việt Nam hiện nay nói riêng;

- Xác định được cơ cấu của quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật;

- Nêu và phân tích được mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác;

- Có được tư duy khoa học và phương pháp nhận thức khoa học về vấn đề pháp luật.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng pháp luật trong thực tế;

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lý khác, nhất là các môn khoa học pháp lý chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo đại học luật;

- Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề lý luận về pháp luật;

- Kỹ năng phân tích và lập luận; có tư duy phản biện; có khả năng đánh giá các vấn đề về pháp luật;

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có khả năng tranh luận, hùng biện; có kỹ năng thuyết trình, diễn thuyết trước công chúng;

- Có khả năng tự cập nhật kiến thức và có khả năng tự nghiên cứu, học tập suốt đời.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

2.4. Về thái độ

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá hiện tượng pháp luật trong đời sống xã hội;

- Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên;

- Xác định đúng vị trí, vai trò của lý luận nhà nước và pháp luật trong hệ thống các khoa học pháp lý và các môn học pháp lý trong chương trình đào tạo đại học luật.

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

Vấn đề/bậc nhận thức	*Bậc 1*	*Bậc 2*	*Bậc 3*
Vấn đề 1: Nguồn gốc, kiểu pháp luật	**1A1.** Nêu được khái niệm pháp luật. **1A2.** Nêu được các đặc trưng cơ bản	**1B1.** Phân tích được nguyên nhân ra đời của pháp luật theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-	**1C1.** Phân biệt được những ưu điểm và hạn chế của từng kiểu pháp luật.

	của pháp luật. **1A3.** Nêu được nguồn gốc pháp luật. **1A4.** Nêu được khái niệm kiểu pháp luật. **1A5.** Nêu được các kiểu pháp luật trong lịch sử theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin.	Lênin. **1B2.** Phân tích được các con đường hình thành pháp luật theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin. **1B3.** Phân tích được các đặc điểm cơ bản của từng kiểu pháp luật trong lịch sử. **1B4.** Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về sự thay đổi kiểu pháp luật.	**1C2.** Phân biệt được pháp luật với các thể chế xã hội khác như đạo đức, phong tục tập quán, tín điều tôn giáo… **1C3.** So sánh được sự khác nhau của từng kiểu pháp luật theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin.
Vấn đề 2: Pháp luật trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội	**2A1.** Nêu được khái niệm điều chỉnh quan hệ xã hội. **2A2.** Nêu được các công cụ chủ đạo trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội. **2A3.** Nêu được vị trí, vai trò của pháp luật trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội. **2A4.** Nêu được mối quan hệ giữa pháp luật với các công cụ khác trong hệ thống công cụ	**2B1.** Phân tích được các đặc điểm riêng của mỗi công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội. **2B2.** Phân tích được vị trí, vai trò của pháp luật trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội. **2B3.** Phân tích được mối quan hệ giữa pháp luật với các công cụ khác trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội.	**2C1.** Nhận xét được sự cần thiết của việc điều chỉnh quan hệ xã hội. **2C2.** So sánh được sự giống và khác nhau giữa pháp luật với các công cụ khác trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội. **2C3.** Bình luận được tầm quan trọng của pháp luật trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội.

	điều chỉnh quan hệ xã hội. **2A5.** Nêu được một số khía cạnh hoàn thiện hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội ở Việt Nam hiện nay.		
Vấn đề 3: Bản chất, vai trò của pháp luật	**3A1.** Nêu được khái niệm bản chất pháp luật. **3A2.** Nêu được hai thuộc tính cơ bản thể hiện bản chất của pháp luật. **3A3.** Nêu được bản chất và đặc điểm của pháp luật Việt Nam hiện nay. **3A4.** Nêu được vai trò của pháp luật.	**3B1.** Phân tích được nội dung hai thuộc tính thể hiện bản chất pháp luật. **3B2.** Phân tích được sự vận động, biến đổi của hai thuộc tính thể hiện bản chất pháp luật qua các kiểu pháp luật. **3B3.** Phân tích được các đặc điểm thể hiện bản chất của pháp luật Việt Nam hiện nay. **3B4.** Phân tích được vai trò của pháp luật đối với xã hội, lực lượng cầm quyền, đối với nhà nước và đối với các công cụ điều chỉnh khác.	**3C1.** Bình luận được bản chất của pháp luật thông qua tính giai cấp và tính xã hội. **3C2.** Đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến bản chất của pháp luật. **3C3.** Bình luận và đưa ra được nhận xét về vai trò của pháp luật
Vấn đề 4: Hình thức và nguồn của pháp luật	**4A1.** Nêu được khái niệm hình thức của pháp luật. **4A2**. Kể tên được	**4B1.** Phân tích được nội dung các đặc điểm của văn bản quy phạm pháp	**4C1.** Bình luận và đưa ra được nhận xét về ưu thế của văn bản quy phạm

	các loại nguồn của pháp luật. **4A3.** Nêu được khái niệm tập quán pháp. **4A4.** Nêu được khái niệm tiền lệ pháp. **4A5.** Nêu được khái niệm văn bản quy phạm pháp luật. **4A6.** Nêu được khái niệm nguồn của pháp luật. **4A7.** Kể tên được các loại nguồn của pháp luật. **4A8.** Kể tên được các loại nguồn của pháp luật Việt Nam hiện nay. **4A9.** Nêu được các loại văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay. **4A10.** Nêu được hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay.	luật. **4B2.** Phân tích được ưu điểm, nhược điểm của tập quán pháp, tiền lệ pháp và văn bản quy phạm pháp luật. **4B3.** Phân tích được hiệu lực theo thời gian của văn bản quy phạm pháp luật. **4B4.** Phân tích được hiệu lực theo không gian của văn bản quy phạm pháp luật. **4B5.** Phân tích được hiệu lực theo đối tượng tác động của văn bản quy phạm pháp luật.	pháp luật so với các loại nguồn khác của pháp luật. **4C2.** Liên hệ thực tế Việt Nam về vấn đề hiệu lực theo thời gian, không gian và theo đối tượng tác động của văn bản quy phạm pháp luật.
Vấn đề 5: Quy phạm pháp luật - Hệ thống pháp luật	**5A1.** Nêu được khái niệm quy phạm pháp luật. **5A2.** Nêu được các đặc điểm của quy	**5B1.** Phân tích được nội dung các đặc điểm của quy phạm pháp luật. **5B2.** Trình bày	**5C1.** Xác định được từng bộ phận của quy phạm pháp luật cụ thể. **5C2.** Đưa ra được

	phạm pháp luật. **5A3.** Nêu được các bộ phận cấu thành (cơ cấu) của quy phạm pháp luật. **5A4.** Liệt kê được các cách thể hiện quy phạm pháp luật. **5A5.** Nêu được các căn cứ phân loại quy phạm pháp luật. **5A6.** Nêu được các yếu tố cấu thành hệ thống pháp luật. **5A7.** Nêu được các căn cứ phân định các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay.	được bộ phận "giả định" của quy phạm pháp luật. **5B3.** Trình bày được bộ phận "quy định" của quy phạm pháp luật. **5B4.** Trình bày được bộ phận "chế tài" của quy phạm pháp luật. **5B5.** Phân tích được sự liên kết giữa các yếu tố cấu thành hệ thống pháp luật. **5B6.** Phân tích được các đặc điểm cơ bản của từng hệ thống pháp luật trên thế giới (Civil law, common law, islamic law). **5B7.** Phân tích được các đặc điểm cơ bản của hệ thống pháp luật XHCN.	các ví dụ về từng cách thể hiện quy phạm pháp luật. Liên hệ thực tiễn pháp luật Việt Nam. **5C3.** Bình luận và đưa ra được nhận xét về các tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống quy phạm pháp luật Việt Nam.
Vấn đề 6: Quan hệ pháp luật	**6A1.** Nêu được khái niệm quan hệ pháp luật. **6A2.** Liệt kê được các đặc điểm của quan hệ pháp luật. **6A3.** Nêu được các căn cứ để phân loại quan hệ pháp luật.	**6B1.** Phân tích được nội dung các đặc điểm của quan hệ pháp luật. **6B2.** Phân tích được năng lực pháp luật của chủ thể quan hệ pháp luật. **6B3.** Phân tích	**6C1.** Phân biệt được quan hệ pháp luật với quan hệ xã hội khác. **6C2.** Phân biệt được quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong quan hệ pháp luật với

	6A4. Kể tên được các thành phần của quan hệ pháp luật. **6A5.** Nêu được khái niệm chủ thể quan hệ pháp luật. **6A6.** Nêu được điều kiện để cá nhân hay tổ chức trở thành chủ thể độc lập của quan hệ pháp luật. **6A7.** Nêu được khái niệm khách thể của quan hệ pháp luật. **6A8.** Nêu được khái niệm nội dung của quan hệ pháp luật. **6A9.** Nêu được điều kiện làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật. **6A10.** Nêu được khái niệm sự kiện pháp lý. **6A11.** Liệt kê được các tiêu chí phân loại sự kiện pháp lý.	được năng lực hành vi pháp luật của chủ thể quan hệ pháp luật. **6B4.** Phân tích được nội dung các đặc điểm của pháp nhân. **6B5.** Phân tích được khái niệm sự kiện pháp lý.	quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong quan hệ xã hội khác. **6C3.** Cho ví dụ thực tế về bộ phận "nội dung" của quan hệ pháp luật.
Vấn đề 7: Thực hiện pháp luật, giải thích pháp luật	**7A1.** Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật. **7A2.** Liệt kê được các hình thức thực	**7B1.** Phân tích được từng hình thức thực hiện pháp luật. **7B2.** Phân tích	**7C1.** Đưa ra được ví dụ minh họa cho mỗi hình thức thực hiện pháp luật. **7C2.** So sánh được

	hiện pháp luật. **7A3.** Nêu được khái niệm và đặc điểm của áp dụng pháp luật. **7A4.** Liệt kê được các trường hợp cần áp dụng pháp luật. **7A5.** Nêu được khái niệm và đặc điểm của văn bản áp dụng pháp luật. **7A6.** Nêu được các giai đoạn của quá trình áp dụng pháp luật. **7A7.** Nêu được khái niệm giải thích pháp luật. **7A8.** Liệt kê được các hình thức giải thích pháp luật. **7A9.** Liệt kê được các phương pháp giải thích pháp luật.	được nội dung các đặc điểm của áp dụng pháp luật. **7B3.** Phân tích được nội dung các đặc điểm của văn bản áp dụng pháp luật. **7B4.** Trình bày được lý do và điều kiện áp dụng pháp luật tương tự. **7B5.** Phân tích được các loại áp dụng pháp luật tương tự. **7B6.** Phân tích được các đặc điểm giải thích pháp luật chính thức. **7B7.** Phân tích được các đặc điểm giải thích pháp luật không chính thức.	văn bản áp dụng pháp luật với văn bản quy phạm pháp luật. **7C3.** Đưa ra được ví dụ minh họa cho nội dung các đặc điểm của văn bản áp dụng pháp luật. **7C4.** Phân biệt giải thích pháp luật chính thức và không chính thức.
Vấn đề 8: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý	**8A1.** Nêu được khái niệm và các dấu hiệu của vi phạm pháp luật. **8A2.** Liệt kê được các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật. **8A3.** Nêu được các loại vi phạm pháp	**8B1.** Phân tích được mặt khách quan của vi phạm pháp luật. **8B2.** Phân tích được mặt chủ quan của vi phạm pháp luật. **8B3.** Phân tích được các yếu tố chủ	**8C1.** Bình luận và phân tích được các yếu tố đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của vi phạm pháp luật. **8C2.** Đưa ra được các nhận xét về ý nghĩa của việc xác định cấu thành vi phạm pháp luật đối

	luật. **8A4.** Nêu được khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý. **8A5.** Liệt kê được các loại trách nhiệm pháp lý. **8A6.** Nêu được khái niệm và đặc điểm của truy cứu trách nhiệm pháp lý. **8A7.** Nêu được mục đích, ý nghĩa của truy cứu trách nhiệm pháp lý. **8A8.** Nêu được căn cứ truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật.	thể của vi phạm pháp luật. **8B4.** Phân tích được các yếu tố khách thể của vi phạm pháp luật. **8B5.** Trình bày được nội dung các đặc điểm của trách nhiệm pháp lý. **8B6.** Trình bày được nội dung của từng căn cứ truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật.	với hoạt động truy cứu trách nhiệm pháp lý. **8C3.** Bình luận và phân tích được các nguyên tắc của hoạt động truy cứu trách nhiệm pháp lý.
Vấn đề 9: Ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý	**9A1.** Nêu được khái niệm ý thức pháp luật. **9A2.** Liệt kê được các góc độ thể hiện cấu trúc của ý thức pháp luật. **9A3.** Nêu được các cách thức phân loại ý thức pháp luật. **9A4.** Nêu được vai trò của ý thức pháp luật. **9A5.** Nêu được	**9B1.** Phân tích được nội dung các đặc điểm của ý thức pháp luật. **9B2.** Phân tích được nội dung các bộ phận của ý thức pháp luật. **9B3.** Phân tích được vai trò của ý thức pháp luật đối với hoạt động xây dựng pháp luật. **9B4.** Trình bày được vai trò của ý	**9C1.** Nhận diện được ý thức pháp luật của người dân Việt Nam hiện nay. **9C2.** Đánh giá được ưu, nhược điểm của từng hình thức giáo dục pháp luật ở nước ta hiện nay.

	khái niệm văn hóa pháp lý. **9A6.** Liệt kê được các yếu tố cấu thành văn hóa pháp lý. **9A7.** Nêu được khái niệm giáo dục pháp luật.	thức pháp luật đối với thực hiện pháp luật. **9B5.** Trình bày được vai trò của pháp luật đối với việc củng cố và nâng cao ý thức pháp luật. **9B6.** Phân tích được các hình thức giáo dục pháp luật.	

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY-HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
45	09 vấn đề	20	20		5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-4	**Chương 1: Nguồn gốc, kiểu pháp luật** 1.1. Khái niệm pháp luật 1.1.1. Định nghĩa pháp luật 1.1.2. Đặc trưng của pháp luật 1.2. Nguồn gốc của pháp luật 1.3. Kiểu pháp luật	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống

	1.3.1. Khái niệm kiểu pháp luật 1.3.2. Các kiểu pháp luật trong lịch sử		
Tiết 5-8	**Chương 2: Pháp luật trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội** 2.1. Điều chỉnh quan hệ xã hội và hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội 2.2. Vị trí, vai trò của pháp luật trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội 2.3. Quan hệ giữa pháp luật với các công cụ khác trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội 2.4. Hoàn thiện hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội ở Việt Nam hiện nay	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 9-12	**Chương 3: Bản chất, vai trò của pháp luật** 3.1. Bản chất của pháp luật 3.1.1. Các thuộc tính thể hiện bản chất của pháp luật 3.1.2. Bản chất của pháp luật Việt Nam hiện nay 3.2. Vai trò của pháp luật	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 13-18	**Chương 4: Hình thức và nguồn của pháp luật** 4.1. Hình thức của pháp luật 4.2. Nguồn của pháp luật 4.2.1. Khái niệm nguồn của pháp luật	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	4.2.2. Các loại nguồn của pháp luật 4.2.2.1. Tập quán pháp 4.2.2.2. Tiền lệ pháp 4.2.2.3. Văn bản quy phạm pháp luật 4.2.2.4. Các loại nguồn khác của pháp luật 4.3. Nguồn của pháp luật Việt Nam hiện nay 4.3.1. Các loại nguồn của pháp luật Việt Nam hiện nay 4.3.2. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay 4.4. Hoạt động xây dựng pháp luật ở Việt Nam hiện nay		
Tiết 19-24	**Chương 5: Quy phạm pháp luật - Hệ thống pháp luật** 5.1. Quy phạm pháp luật 5.1.1. Khái niệm quy phạm pháp luật 5.1.2. Cơ cấu của quy phạm pháp luật 5.1.3. Cách trình bày quy phạm pháp luật 5.2. Hệ thống pháp luật 5.2.1. Khái niệm hệ thống pháp luật 5.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam 5.2.3. Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật Việt Nam	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	5.2.4. Hệ thống hoá pháp luật		
Tiết 25-28	**Chương 6: Quan hệ pháp luật** 6.1. Khái niệm quan hệ pháp luật 6.2. Cấu thành quan hệ pháp luật 6.3. Điều kiện làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 29-33	**Chương 7: Thực hiện pháp luật và giải thích pháp luật** 7.1. Thực hiện pháp luật 7.2. Áp dụng pháp luật 7.2.1. Khái niệm áp dụng pháp luật 7.2.2. Các trường hợp cần áp dụng pháp luật 7.2.3. Các giai đoạn của quá trình áp dụng pháp luật 7.3. Áp dụng pháp luật tương tự 7.4. Giải thích pháp luật	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 34-39	**Chương 8: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý** 8.1. Vi phạm pháp luật 8.1.1. Khái niệm vi phạm pháp luật 8.1.2. Cấu thành vi phạm pháp luật 8.1.3. Phân loại vi phạm pháp luật 8.2. Trách nhiệm pháp lý 8.2.1. Khái niệm trách nhiệm pháp lý	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	8.2.2. Phân loại trách nhiệm pháp lý 8.2.3. Truy cứu trách nhiệm pháp lý		
Tiết 40-43	**Chương 9: Ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý** 9.1. Ý thức pháp luật 9.1.1. Khái niệm, cơ cấu của ý thức pháp luật 9.1.2. Quan hệ giữa ý thức pháp luật với pháp luật 9.1.3. Giáo dục pháp luật 9.2. Văn hóa pháp lý 9.2.1. Khái niệm văn hóa pháp lý 9.2.2. Những yêu cầu cơ bản của văn hóa pháp lý 9.2.3. Tăng cường văn hóa pháp lý ở Việt Nam hiện nay	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 44-45	**Ôn tập kết thúc môn**	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	**Chuyên cần**	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng	10

			không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	
2	**Thường xuyên**	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm **Tổng: 10 điểm**	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	10
3	**Thi kết thúc HP**	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức : Thi tự luận (thời gian 90 phút) + Tiêu chí đánh giá: Theo đáp án của đề thi	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Hiến pháp Việt Nam năm 2013;

2. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

P. HIỆU TRƯỞNG	P. TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Văn Quang	ThS Nguyễn Chí Dũng	TS Nguyễn Thị Cẩm Hồng